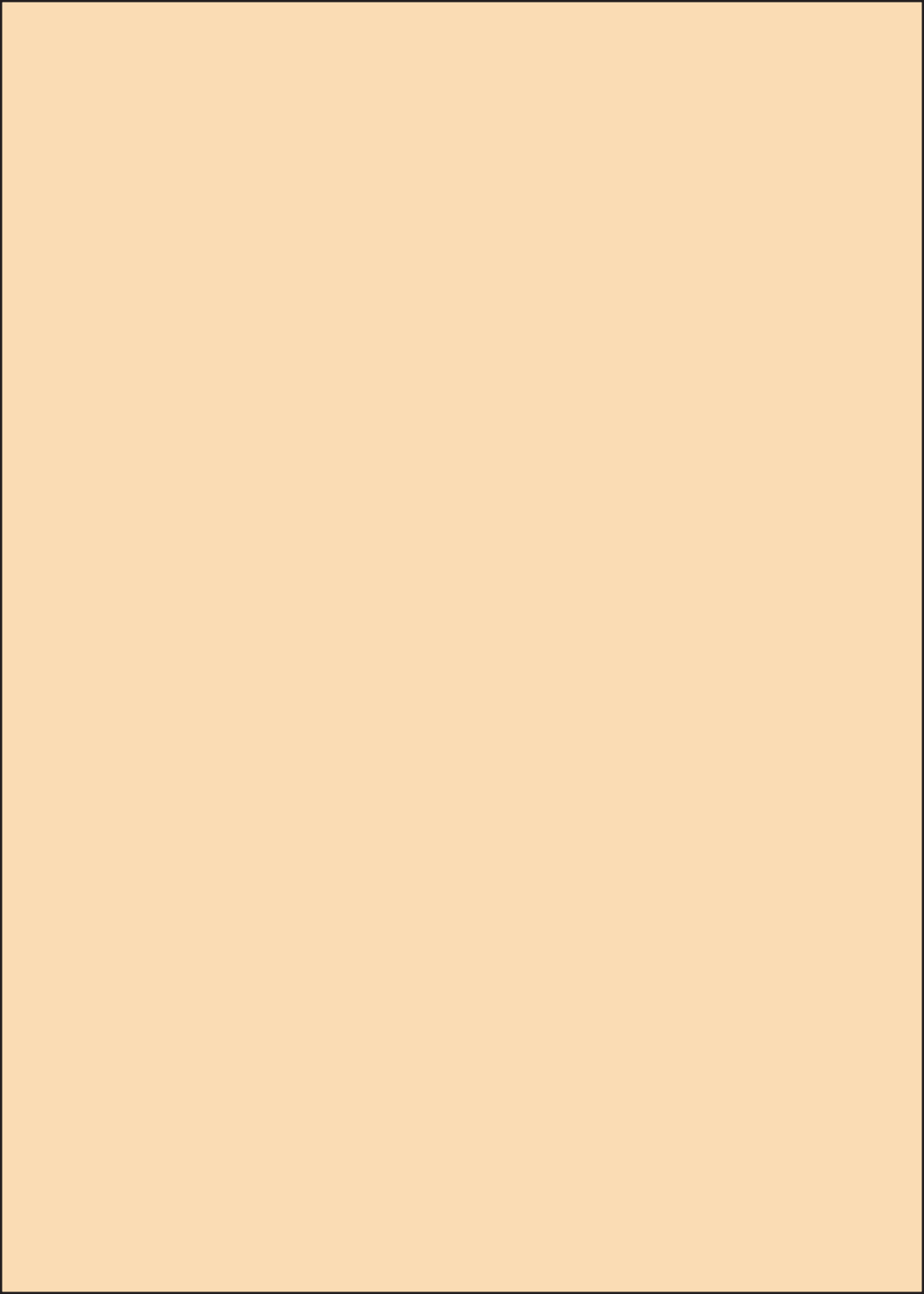


ĐOÀN QUỐC SỸ

SỢ  
LỬA

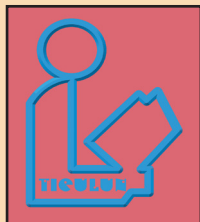
sáng tạo





# SỢ LỬA

## ĐOÃN QUỐC SỸ



## MỤC LỤC

ĐỀ TỬ - Nguyễn Sỹ Tế	5
SỢ LỬA	15
MÙA XUÂN ĐI LẤY GƯƠNG THẦN	29
CON MÈO TRÈO CÂY CAU	48
CON THUYỀN MA	83
MÃNG XÀ NỮ VƯƠNG	97
PHO TƯỢNG THẦN	120
TRUYỆN CON TINH ĐỜI TRẦN PHÉ ĐỀ	138
THAY LỜI BẠT	161
TIỂU SỬ	163
TÁC PHẨM	165

## ĐỀ TỪ

### Nguyễn Sỹ Tế

NĂM 2005 tôi vừa mãn đệ tam nhiệm kỳ Đô trưởng Hà Nội. Nhất định khước từ mọi lời khẩn khoản của thân bằng cố hữu, tôi xin cho được nghỉ ngơi tuổi già, nhường lại sân khấu đời cho những người đến sau. Tôi rút về ở một ngôi nhà cổ, tại một xóm hẻo lánh có hoa có đá kề cận thủ đô.

Mùa xuân năm ấy trời rét ngọt và hoa lan nở rất nhiều. Những con chim nhạn nhớn như bay trên những vòm cây đôi lá. Kinh thành sáng ám những tà áo màu.

Tôi vừa đi thăm nghĩa địa thành phố về. Hình như tôi đã ngồi ở đó khá lâu. Áo tôi thấm sương mai. Tôi đã thì thầm chuyện trò cùng những người đã khuất. Tôi mỉm cười đáp lễ những người sống chào tôi dọc đường. Một thú vui hồn nhiên của tuổi thơ ấu tràn ngập lòng tôi.

Hôm qua tôi nhận được tin mừng. Đứa con gái đầu lòng của tôi lấy chồng ở tỉnh xa sinh hạ đứa con thứ 15 của nó và là gái. Nhà tôi mừng quýnh, nhỏ vài giọt lệ sương rồi hấp tấp đi thăm con gái, quên cả công việc thường xuyên mà mặc dầu tuổi già, bà ấy vẫn dành lấy làm là sửa soạn cái bàn viết, cuốn sách đọc và cây bút cho tôi. Tôi cứ lẩn thẩn nghĩ mãi rằng : Không hiểu làm

sao mà trải bao biến đổi, với cái điệu sống lặt đặt đó, người đàn bà ấy vẫn cứ chịu khó mà sống mãi bên tôi ! Hay người thương tôi buồn phải sống cô đơn ở cõi trần ? Tôi gọi ông lão bợc đã chăm nom tôi từ tấm bé và bắt ông ấy phải chạm cùng tôi một ly Mai Quế. Xuôi đời tôi, tôi phải cái nhược điểm là cảm động trước sự sinh, kể cả từ lúc tuổi tôi đang còn trắng kiện khi sự sinh thương ôi, hãy còn là một hệ lụy, hệ lụy cho kẻ sinh và cho cả kẻ được sinh. Có khúc hát liên hoan ở kinh thành vọng về xóm làng. Tôi ngồi vào cây đàn dương cầm của con cháu nội, cùng hòa với nó khúc *Đệ cửu Hòa tấu* của Beethoven. Đã lâu lắm tôi không chơi nhạc, tôi phải dựa vào con bé mà đi. Nghe như có tiếng trùng dương xô dồn vào thành đá. Không ! Tiếng lửa reo trong lò. Bụi than nổ. Rượu lên men. « Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền vẫn đi chuyển đều... »

Tôi bỗng nhớ tới một câu thơ cổ :

*Anh về ngã xuống vườn nhà*

*Cây liền kết trái*

*Hoa rụng tươi tươi ủ xác*

*Anh chạy nhíp hai qua cách trở*

*Mắt bưng Thổng nhất Tự do*

## 7 | Sợ Lửa

Và nhớ thương một người bạn. Tôi biết có một người để tất cả tấm lòng chí thành của hắn vào công việc nói dối để đến nỗi không còn là nói dối nữa. Không phải là một sự nói dối thiêng liêng đâu. Nó là sự thật khi mà nó là khát vọng hai năm rưỡi trong lòng Hắn, lòng Anh, lòng Tôi, lòng Chúng Ta. Mọi sự thật đều phải bắt đầu ở khát vọng chân thành vô hằng cửu. Nhớ mùa nào chinh chiến trên hoa niên hai chục của đời tôi, rời ngưỡng cửa gia đình với cuốn sách ra đi kiếm kế sinh nhai, mẹ tôi có tiền chân ra cửa rằng : « Con ạ ! Mọi sự yếu hèn ở đời còn có thể tha thứ được. Nhưng đến như phản bội chính cái lương tri của mình thì thật không có gì khả ố và đáng khinh bằng !... » (Tôi thì tôi vẫn tin rằng có những gái thành tâm hồi lương rất đáng kính yêu. Nhưng lại có những con đĩ, đĩ tới ruồng xương tủy giả vờ hồi lương để đánh lộn con đen, để chặn đường hồi lương của người đồng hội. Với những đĩ này, bạn nhảy một bài, trả tiền giấy và đừng nói năng chi.) Có tiếng trẻ con reo : « Xiếc Xiếc ! » Con cháu gái của tôi bỏ cả chơi đàn chạy ra. Ông lão bộc quát tháo : « Trả nó về gánh xiếc ! » Trai tráng trong làng vác gậy xô nhau ra đường. Một chàng thanh niên cốt cách tiên ông mỉm cười : « À bọn làm trò này tôi đã gặp chúng ở Tân Đề Ly một mùa thu năm nào khi tôi ghé qua chơi Ấn Độ. Sao bảo chúng bị lộ tẩy chui xó nơi nào chết trong hồ nhục rồi cơ mà ? » Một lúc sau nhà hiền triết của chúng

ta tiếp : « Nhưng cứ để cho chúng múa may quay cuồng cho đỡ buồn lạnh cái sự đời trẻ con có sao !» Con cháu gái tôi chạy về nhà : « Ông ạ ! Té ra là một con mèo. Cháu lại cứ tưởng là con hồ cơ chứ ! Hoài của, bực cả mình !»

- Con Mèo mày trèo cây cau,

Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà ?

- Chú Chuột đi chợ đường xa,

Mua mắm mua muối giỗ cha chú Mèo.

Tiếng ai đã tắt trong lối xóm, vạn vật lại trở về yên lặng. Tôi bước lên thềm nhà. Chiếc đồng hồ trong phòng buông tiếng ngân vang trong tịch mịch. Tôi đi vào phòng, còn thoáng trông thấy chú Mèo, chú Chuột ôm nhau quay một nhịp ba vút lẩn vào trong hộp đồng hồ, sau cái cửa kính cũng vừa khép lại.

Bây giờ chỉ có một mình tôi trong nhà. Lửa vẫn cháy trong lò và than vẫn nổ. Một phút lạnh nghiêm sau phép lạ, không khí lại trở về điệu sống cũ. Tôi lại ngã mình vào chiếc ghế bành bên lửa. Hình như ít lâu nay tôi chờ đợi một người, một tráng sĩ ba năm trước đây có hứa lại thăm tôi sau cuộc viễn du không hẹn ngày về. Tôi mở một cuốn sách có những trang giấy vàng nhàu mát mát ra đọc.



## 9 | Sợ Lửa

« Chúng tôi là những kẻ sống dập vùi trong bão tố thời đại, là những tù nhân khát khao một tia sáng mặt trời và một đợt không khí trong lành. Chúng tôi đã sung đầu thành đá, nát chân trong lửa nước, nhưng chúng tôi sẽ còn vượt ngục. Hôm nay thuyền chúng tôi sa lầy sông cạn, nhưng mai này thuyền của chúng tôi nhất định phải ra khơi. Chúng tôi tin tưởng ở một phép nhiệm màu nào đó sẽ lại giải thoát chúng tôi. Vậy thì trong những ngày buồn tẻ, âu chúng tôi đành ngủ giấc mơ mộng tưởng... »

Cuốn sách này là của một ông bạn thủy thủ già trong một cuộc ngao du biển cả đã bắt được trong một khoang thuyền không người dạt vào bãi cát một đảo hoang. Ông bạn thấy tôi ưa đọc sách thì mang về tặng tôi làm kỷ niệm, mùa đông năm ngoái.

Cuốn sách thứ hai :

« Gươm đã rơi vào tay những tên gian ác. Chúng dùng gươm để tàn sát người các bộ lạc khác mà cướp lấy những đàn súc vật.

Gươm thiêng đã đâm máu nhiều, đâm máu ô trọc để đem lại thanh bình cũng có, đâm máu vô tội để gây oán cừu cũng có. Đêm đêm trong vỏ gươm thoát ra những âm thanh kỳ dị, khi thì nhẹ như những tiếng thở dài, khi thì mạnh như những cuồng phong. Đôi khi vắng vắng như tiếng hổ gầm thê thảm trong rừng sâu lúc bị hạ,

đôi khi lại như có tiếng sóng cuồng loạn vỗ vào mạn bờ lúc loài thủy quái bị xả ngang thân giã giụa dưới sâu. Có lúc chợt nghe tiếng cười sảng khoái của khách anh-hùng, lại có khi thấy tiếng khóc than bi ai của dân hiền vô tội. »

Tôi nhớ đã nghe ở đâu câu chuyện cổ tích này. Phải rồi, tác giả chính là ông bạn già chí thiết của tôi. Thì ra người mà tôi mong đợi không phải là một tráng sĩ mà là ông bạn già. Tôi nghĩ đến ông với một tấm lòng thành kính. Nếu ở đời này có một người mà tất cả là trong sạch, trong sạch trong yêu thương cũng như trong oán cừu, và trong sạch trong cả tội lỗi nữa thì người đó phải là ông bạn tôi. Mặc cho trần thế ngả nghiêng, mặc cho người đời sốt nổi, ông cứ một lối sống hiền hòa như một triết nhân, ung dung đi trên con đường hoa đã vạch. Một lần, đã lâu lắm qua viếng Tích Lan, ông chỉ mang về được cho tôi một viên đá xấu xí : « Thừa cụ, đây là một viên vân ban thạch, tôi phải đi ba ngày đường từ thành phố tôi ở tới bãi biển Đông Nam Tích Lan để lấy về biểu cụ. Tương truyền đây là một thạch chất đã được một ngọn núi lửa phun ra chắc hơn 30 ngàn năm. Trông nó tầm thường song có một đặc tính lạ lùng. Mỗi khi cụ dùng nước ngũ vị hương mà tắm, lại lấy viên nham thạch này mà kì, tất thế nào tắm xong cũng thấy khoan khoái con người, nhẹ nhàng như có cánh muốn bay... » Viên đá này một hôm con cháu bé vác đi chơi đánh rơi

đâu mất làm cả nhà cuống cuồng đi tìm mãi. Ít lâu sau, tình cờ một ngày mưa to gió lớn, tôi nghe có tiếng Mèo kêu rồi xoang xoảng có một vật rần rờ từ mái nhà qua ống máng lò sưởi, rồi lăn dưới chân tôi. Nhặt lên thì ra viên đá vân ban thạch của ông bạn già. Tôi mừng quá cất ngay vào tủ, từ đó không dám đem ra ngoài nữa. Con cháu bé nhớ thương viên đá khóc ba tháng ròng rồi sau nó cũng quên khuấy đi. Ấy là nói lúc chưa tìm thấy viên đá.

Hình như tôi đang ngủ một giấc ngon lành. Tôi thấy mình ngồi trên một phiến đá bên sông Hằng nhìn sang bên kia bờ nơi một khu rừng xanh đen. Nghe như có tiếng thở dài thoát tự dòng sông lên. Hay đó là tiếng lòng của « một vị thần linh đi lang thang đến ngày tận thế than khóc thành gió mưa cho những lầm lỗi của mình » ? Rồi tiếng một người con gái thoảng như gió, hay là nàng nhờ gió kể hộ (?) thủ thủ như tiếng suối róc rách, hay là nàng nhờ dòng suối trong kể hộ (?) thanh thanh như tiếng chim, hay là nàng nhờ chim rừng kể hộ (?) tiếng nàng u sầu kể rằng :

« Thiếp van chàng đừng nghĩ chuyện dứt tình. Thiếp đâu phải loài quỷ ! Thiếp chỉ được quyền một lần chọn chồng. Là vợ chàng ở kiếp này, thiếp chỉ có thể là vợ chàng những kiếp sau, cho đến ngày thiếp trở lại thiên đình. Nhưng kiếp sau biết rằng chàng có gặp thiếp ?»

Chợt từ đằng xa tí, tiếng gió rú lên bật thành một điểm lửa.

« Điểm lửa loang dần theo chiều cao, phút chốc lan dài thành một đường lửa, tưởng chừng có hàng vạn con người đang đi lên núi, mỗi người cầm một bó đuốc lớn. Lửa còn loang mãi ngút ngàn. Thực là một biển lửa, một biển hào quang. A ha ! Vũ trụ xém cong vì lửa ! » .

Tôi cứ ung dung ngồi ngắm lửa bên kia sông. Nhưng mà ô kìa, lửa đang bò qua sông sang phía tôi. Lửa đã tiến đến chân tôi. Nổi lên vì nóng, tôi đập mạnh chân. Một thanh củi cháy dở lặn ra khỏi lò sưởi. Tôi giật mình nhìn xuống. Lửa đã chồm bén vào chiếc áo quàng của tôi... Cũng vừa lúc ấy con cháu nội chạy tới. Nó cúi nhặt vội thanh củi ném vào lò sưởi, gọt than thêm hồng, rồi lại vội vã ra ngồi gần bàn. Lúc ấy tôi mới kịp nhận thấy rằng sau khi hòa đàn với tôi xong, con bé ra ngồi đọc sách. Thoáng trông tôi đã biết nó đang đọc cuốn gì rồi. Kìa đôi mắt nó đang chăm chú trên trang giấy lớn, đôi khi sáng lên cùng với nụ cười ở miệng, đôi khi lông mày nó hơi nhíu, đôi môi mím lại.

Cuốn sách đó, tôi biết lắm, nó đã đọc xong không biết là lần thứ mấy mà lần nào nó cũng có cái vẻ chăm chú « đầy thiện chí » y như nó đọc lần đầu. Điều này làm tôi nhớ ba năm trước đây - năm 2002 - hồi đó tôi còn tại vị, nhiệm kỳ đô trưởng chưa hết, bọn chúng tôi

## 13 | Sợ Lửa

có tổ chức một cuộc họp mặt lớn để ăn mừng thượng thọ ông bạn già. (Bạn tôi sinh năm 1923.) Nhân kỷ niệm này, hai nhà xuất bản lớn nhất Hà Nội là « Hương Yêu » và « Hồn Dân Tộc » có cùng hợp tác để cho in toàn tập truyện cổ tích của ông bạn. Quyển sách đó được in theo khổ lớn 30 x 45 trên loại giấy sa-tanh dày bóng, toàn khổ chữ schelt lớn cỡ 10, trang nào cũng được minh họa rất đẹp.

Lần này in lại, hai nhà xuất bản trên không lấy tên cũ là :

### TRUYỆN CỔ TÍCH CỦA DOÃN QUỐC SỸ

(Toàn tập)

Họ đã xin được phép bạn tôi lấy lại cái tên « Sợ Lửa » để kỷ niệm tập cổ tích đầu tiên của ông bạn đã cho xuất bản tại Sài Gòn năm 1956 - năm đó nước Việt Nam còn bị chia hai với dòng sông Bến Hải.

Đúng ngày cử lễ thượng thọ thì cuốn sách đó in xong, dày tới 1.125 trang. Tôi còn nhớ sau khi đã cùng chúng tôi chén tạc chén thù, ông bạn bèn ra ngồi bàn gỡ quyển sách mới in ra đọc. Chợt tôi thấy ông bạn già của tôi như trẻ lại, trẻ như con cháu nội của tôi đây, và ông bạn cũng gật gù mỉm cười, cũng nhíu lông mày cũng say sưa tưởng như truyện đó không phải do ông sáng tác.

Tôi lại tự gậm nhấm lại một ý nghĩ đã ghi trên đây : « Nó là sự thật, khi mà nó là khát vọng hai năm rưỡi mười trong lòng anh, trong lòng tôi, trong lòng chúng ta. »

Con bé cháu vừa ngẩng lên, thấy tôi mỉm cười, nó hỏi :

- Ông cười gì cháu thế ?

Tôi bèn đáp :

- Không có gì đâu, cháu cứ tiếp tục đọc đi.

NGUYỄN SỸ TÊ

## SỢ LỬA

**X**UA ở một nước trên bờ biển thuộc miền Tiểu Á-Tê Á có dòng vua Na-Han. Dòng vua này gồm những vị anh quân biết thương yêu dân như con và những vị đại thần giúp vua điều hiểu nguyên lý muôn thuở của cổ nhân « tài tụ thì dân tán, tài tán thì dân tụ » nên họ sống rất thanh bạch, xử với dân rất công minh. Khắp các hang cùng ngõ hẻm đều vang những câu ca thốt tự lòng dân.

Tới vua Na-Han đệ Tam lên ngôi cửu ngũ thì có lời sấm tiên tri nhà Vua sẽ chết vì thủy nạn. Khi đó ngài trị vì đã được 14 năm.

Một hôm, Ngài cùng quần thần vào rừng đi săn. Ngài mãi đuổi một con hươu nên tay chân hôm đó bị nhiều vết xước rớm máu.

Trên đường về, khi con ngựa của đức Vua tới giữa giòng suối không hiểu sao nó bỗng chồm lên hất Vua ngã xuống. Quãng suối này nông, lại không phải mùa nước nên nhà Vua chỉ bị ướt và trở về vô sự. Nhà Vua không ngờ hai bên bờ suối vào mùa đó có một thứ dã thảo nở hoa rất nhiều và rụng xuống dòng suối chảy lặng lẽ, tiết ra nước một chất độc giết người. Ngay tối hôm đó, những chỗ xước máu vì thấm nước đều sưng vù lên. Tới ngày thứ ba, nhà Vua bị cảm khẩu và băng

hà. Cả triều thần đều cho là lời sấm đã thực hiện đúng.

Vua Na-Han đệ Tứ - khi đó mới lên năm - lên nối ngôi và lời sấm dạy : « Nếu không cẩn thận, Ngài có thể chết về hỏa hoạn. »

Hoàng Thái hậu chỉ định một vị lão thần ra giữ quyền phụ chính và tức khắc triệu tập các quan trong triều tới họp đông đủ tại điện chính để lập một kế hoạch hết sức thận trọng ngõ hầu tránh cho đức Vua mọi rủi ro suốt đời Ngài trị vì. Toàn thể triều đình đồng ý giữ kín việc này không để cho dân gian bên ngoài biết.

Nhà Vua ở một cung điện riêng, tại đó tuyệt đối không ai được dùng lửa. Căn phòng Vua ở trên tầng cao nhất. Mái điện có tầng khoảng lớn lợp bằng pha lê để ban đêm lấy ánh sáng của trăng sao. Các tường xung quanh điện, nhất là những phòng người ở, có những phiến pha lê lớn. Ánh lửa từ những căn nhà hầm tứ phía chiếu hắt lên do một hệ thống gương đặt cái nọ phản chiếu cái kia rồi đem ánh sáng len qua những bức tường đó. Ánh sáng phản chiếu lên như vậy tuy dịu mà vẫn đủ sáng để nhà Vua đọc sách. Khi ánh lửa được lệnh tắt đi, Vua lặng ngắm ánh sáng mờ mờ của trăng sao trên mái cao. Đức Vua có thể sai thị vệ kéo bức nỉ đen trên ngang mái để không còn chút ánh sáng nào trong phòng, nếu Ngài muốn.



Tuy nước Vua Na-Han trị vì chịu đậm đà ảnh hưởng nền văn minh Hy Lạp ở bên kia bờ biển Ê-Giê, nghĩa là ai nấy rất kính trọng thần Lửa và không một ai là không biết những thần thoại có liên quan đến lửa, song vị đại thần được cử giữ quyền phụ chính đã chu đáo cử một vị lão thần văn quan phụ trách việc giáo dục Ấu Vương, soạn riêng một cuốn sách trong đó Lửa chỉ là một hung thần có sức phá hoại ghê-gớm. Những biến cố lớn về hỏa hoạn mà nhân loại đã phải chịu đều có ghi rõ ngày, tháng, năm. Nào những trận núi lửa phun đã có lần vùi lấp cả một kinh thành lớn dưới làn tro bụi; nào có những bạo chúa đã thiêu trụi cả kinh thành trong biển lửa; nào những trận hỏa công lớn đã thiêu sống hàng vạn quân sĩ cùng các vị tướng soái...

Các kinh sách để Nhà Vua nhàn lãm có đủ các loại ngoại trừ những loại nào trong đó có đoạn - dù chỉ một đoạn nhỏ - ca tụng Lửa.

Thoạt tiên Vua Na-Han đệ Tứ lớn lên trong sự hãi hùng thường xuyên về những tai họa của Lửa.

Nhưng, tuổi càng lớn, trí tò mò càng mạnh thì Lửa lại biến thành một khát vọng, một ám ảnh mà Nhà Vua mong được tới gần.

Một hôm, nhà Vua đọc tới một trang thần thoại kể chuyện thần Phổ Mễ Tệ lấy đất nặn người rồi ăn cắp lửa thiêng của Thượng Đế thổi vào khiến người đất thành người thật và từ đó Phổ Mễ Tệ được ca tụng như một phúc thần đã mang nguồn văn minh lại cho nhân loại. Câu chuyện này làm Nhà Vua băng khuâng suy nghĩ : «Lửa thiêng đem lại nguồn sống cho đời, đem lại nguồn sống cho hồn, vậy mà Nhà Vua được quần thần giữ gìn để suốt đời không được gần lửa ! Chao ôi ! Cuộc đời tẻ lạnh làm sao ! Cuộc đời chìm đắm trong một mùa đông vĩnh viễn. » Nhà Vua càng khao khát gần lửa !

Song những nơi có lửa đều có ngự lâm quân canh gác, khi Nhà Vua tới thì ai là kẻ chỉ huy có nhiệm vụ ra quỳ trước Vua cúi đầu xuống, hai tay dâng lên một chiếc đĩa vàng có đính một viên ngọc bích. Đó là dấu hiệu báo để Nhà Vua biết nơi đó có lửa cần xa lánh.

Tuy khao khát sống gần lửa, khao khát biết thế lực của lửa nhưng trước những lễ nghi đó, Nhà Vua không biết làm gì hơn là lặng lẽ quay đi lối khác.

Chẳng bao lâu Vua Na-Han đệ Tứ đã tới tuổi trực tiếp nắm quyền bính không cần phải chức phụ chính. Rồi Hoàng Thái hậu thân chinh tuyển lựa Hoàng hậu, cùng năm người cung phi cho Hoàng đế.

## 19 | Sợ Lửa

Người được kén làm Hoàng hậu lại chính là ái nữ vị đại thần vừa giữ quyền phụ chính. Nàng vốn đã từng thâm yêu trộm nhớ Đức Vua từ lâu. Nay giấc mộng chung chăn gối với quân vương đã thành, trong tòa biệt điện nguy nga nhưng âm thầm tẻ lạnh, nàng tìm hết cách làm đẹp lòng Vua.

Thấy đôi mắt Vua luôn đượm một vẻ buồn xa xôi, đôi mắt thường nhìn đăm đúi vào không gian như thèm khát một cái gì, nàng đã tưởng rằng cũng giữ cho vẻ đòi mình thâm lặng như vậy để hòa đồng là thượng sách.

Ngoài những hoa quả cùng bánh trái đủ loại là những thứ lúc nào cũng có sẵn trong nơi Vua ở, còn ba bữa ăn chính của Vua và Hoàng hậu đều do một viên thái giám phụ trách cho chuyển từ xa lại : nhà bếp không được gần nơi Vua ở, điều đó là lẽ dĩ nhiên.

Tuy nhiên, năm người cung phi tới bữa ăn vẫn được phép rời tòa biệt điện để sang cung Nhân Minh dùng cơm cùng với tất cả các cung nữ hầu cận Hoàng Thái hậu.

Đã một năm qua những cung phi đơn-mởn đó chưa hề được Nhà Vua vời tới. Có lẽ cuộc sống xa lửa đã làm tắt nguồn lửa thiêng đáng lẽ phải đương thời nồng đượm ở vị anh quân trẻ tuổi đó rồi chăng ?

Rồi Ngài đi suốt một năm trường đi kinh lý hết vùng này vùng nọ khắp nước. Tới đâu dân chúng đều được triều đình cấp báo trước, phải dập tắt lửa và làm đồ ăn nguội đủ trữ ba ngày.

Ngày Vua trở về biệt điện, Ngài hạ chỉ xá thuế một năm.

Vị lão thần phụ trách việc giáo huấn khi xưa đã tạ thế, một vị khác được cử thay.

Một buổi tối, vị lão thần đó được phép ngồi uống rượu cùng Đức Vua ngoài sân điện.

Ngẩng nhìn muôn ngàn vì sao lấp lánh như những hạt kim cương vô giá trên vòm cao, Nhà Vua hỏi :

- Theo ý khanh những vì sao kia là gì ?

- Muôn tâu bệ hạ - vị lão thần cung kính đáp - đó cũng là những khối lửa quay trong không trung.

- Những khối lửa ? Những khối lửa nguy hiểm ? Làm sao những khối lửa ấy có thể đẹp đến nhường kia ?

- Muôn tâu bệ hạ, cái gì trông xa mà chẳng đẹp !

Đức Vua bỗng mỉm cười chua chát :

- Có lẽ cuộc đời của ta, trăm họ ở xa trông cũng tưởng

## 21 | Sợ Lửa

là đẹp lắm.

- Muôn tâu bệ hạ, Ngài là bậc minh quân, từ ngày Ngài trị vì, trăm họ tiếp tục được sống trong cảnh thanh bình, yên vui, mùa màng tốt, thuế má nhẹ, từ đưa con nít ở chốn hang cùng ngõ hẻm cũng biết ca ngợi công ơn Ngài.

Đức Vua lắc đầu :

- Sao đời ta vẫn lạnh lẽo. Ta ao ước biến thành khối lửa vùn vụt trong trời để các người đứng cách xa ta dưới này thấy ta cười lấp lánh trên cao.

Vị lão thần tỏ vẻ hốt hoảng :

- Cúi mong anh hồn các vị tiên đế che chở bệ hạ. Có lẽ đâu Ngài lại ước thành lửa là điều tối kỵ đến sinh mệnh Ngài.

Lời nói đó đến tai Hoàng Thái hậu. Khi đó người đương nằm trên giường bệnh : vì tuổi tác quá cao, nay tay chân người hầu như bị tê liệt. người thấy con thốt lời nói gở càng thêm phần lo sợ, bệnh tình tăng lên gấp bội và hai ngày sau người đã ra người thiên cổ. Lúc lâm chung người còn cố dặn các lão thần phải hết sức gìn giữ để tránh mọi tai hại cho Đức Vua.

Từ khi Mẫu hậu qua đời, Nhà Vua càng thấy cuộc đời âm đạm. Sự âm đạm ấy chỉ có Hoàng hậu hiền dịu bên Vua kia có thể sưởi ấm được. Song Hoàng hậu vẫn giữ định kiến sai lầm cũ : Để tỏ lòng quý mến của mình với Vua, Hoàng hậu tự thấy có bổn phận phải kính trọng sự trầm lặng đó như một cái gì thiêng liêng bất biến.

Về phần Nhà Vua, ngày nay giở lại trang sách cũ nói về những thảm họa do thần Lửa gây nên, Ngài thấy lời văn ngô nghê kệch cỡm làm sao ! Bất giác Ngài gập cuốn sách, quẳng vào chỗ cũ và nguyện sẽ không bao giờ đọc tới những dòng mà Ngài cho là điều ngoa ấy nữa.

Một buổi tối, khi ánh phản quang đã chiếu sáng tòa biệt điện, Ngài xuống vườn đi thơ thẩn quanh hồ bán nguyệt lặng ngắm những vì sao in bóng dưới đáy hồ và tự hỏi : « Phải chăng nguyên lý của vũ-trụ là lửa ? Nguyên lý của sự sống là lửa ? »

Và trong thâm tâm Nhà Vua, lửa thực với lửa tượng trưng hầu như hòa làm một.

Khi Ngài trở vào thì vừa gặp lúc năm cung phi ríu rít ở cung Nhân Minh về.

Không khí tung bừng đầy sinh khí vụt tắt hẳn khi bọn họ nhận thấy Đức Vua. Họ quỳ rạp xuống chào Ngài.

Bầu không khí yên tĩnh một cách thê lương. Ngài ra hiệu cho phép họ đứng dậy trở về phòng. Họ cúi rạp chào Ngài một lần nữa rồi vội vã nhưng lặng lẽ đi vào lâu đài.

Người cung nữ đi sau cùng bỗng vấp phải chiếc cột đá trước cửa vào có khắc nổi hình vị thần linh canh giữ lâu đài. Chiếc hài xinh xắn ra xa rồi lăn xuống mấy bậc.

Đức Vua đi lên, người cung nữ e dè lặng lẽ đi xuống. Nhìn thân hình uyển chuyển dưới làn sóng xanh của lụa áo, nhìn khuôn mặt hoa như được đóng khung trên mớ tóc óng chuốt như mây một sớm bình minh. Ngài thấy người cung phi có vẻ đẹp thần tượng.

Cảm thấy xao động đến tận sâu xa của cõi lòng, Nhà Vua tiến về phía cung phi trong khi nàng đứng nguyên chưa dám cúi xuống nhặt chiếc hài.

Đức Vua âu yếm nói :

- Khanh hãy đưa ta tới phòng khanh.

Một tia sáng vui mừng thoáng hiện trong khóe mắt người đẹp, tia sáng mà Đức Vua không bao giờ được nhìn thấy ở khóe mắt Hoàng hậu, tia sáng ấy chỉ vụt qua, thế mà đã đồng thời nhóm lên trong lòng Vua một nguồn sinh khí mới lạ âm áp làm sao.

Khi đã vào tới phòng, Đức Vua hỏi nàng :

- Ban nầy các khanh ở cung Nhân Minh về vui vẻ lắm nhỉ ?

- Muôn tâu Thánh thượng, sau những buổi ăn tối về, thần chẳng vẫn vui như vậy.

- Vì sao thế khanh ?

- Dạ, muôn tâu vì trong bữa ăn tối thần chẳng thường nhóm lửa giữa phòng để sau đó sẽ biến thành cuộc họp vui, cùng nắm tay nhau vừa nhảy vừa hát quanh lửa.

- Đó là tục ở trong cung như vậy ?

- Muôn tâu, không riêng gì trong cung mà ngoài các thần dân cũng vậy, và trong các cuộc vui ấy chỉ những người con gái đồng trinh giữ đèn là không được dự.

- Khanh nói rõ cho ta biết về những cô gái đồng trinh giữ đèn.

- Muôn tâu, riêng ở kinh đô này có tới mười đèn thờ lửa, còn ở các vùng khác trong nước, phàm nơi nào dân chúng tụ họp thành làng là dựng một ngôi đèn và cử mười cô gái đồng trinh túc trực ngày đêm giữ cho lửa không bao giờ tắt gọi là những cô đồng. Kẻ nào đến phiên mình mà để lửa tắt sẽ bị chôn sống. Chính thần thiếp trước khi được tuyển vào đây đã từng cùng chín



## 25 | Sợ Lửa

chị em khác giữ trọng trách đó. Nhờ thần thiếp mà một tên tử tù đã được tha bổng.

- Khanh kể rõ chuyện đó cho ta nghe.

- Hôm đó, tên tử tù bị giải tới pháp trường. Hồng phúc nhà y hẵn còn vượng lắm nên Trời Phật run rủi khi đi tới nửa đường thì gặp thần thiếp. Chiếu theo luật cũ như bệ hạ đã rõ - sự thực, riêng về việc này Đức Vua có rõ gì đâu - khi tử tù được gặp cô đồng giữa đường như vậy thì được ân xá. người cung phi ngây thơ đã không được huấn luyện kỹ càng cho lắm trước khi vào đây để biết những điều nào nên nói, điều nào cần tránh, nên vô tình đã hé cho Nhà Vua thấy những tục lệ trong chính nước Vua trị vì.

Thì ra, ngoài những tai họa do lửa gây nên còn biết bao cái cao quý mà lửa đã đem lại. Đêm hôm đó nguồn sinh lực mới mà nhà vua thấy nhóm lên trong lòng càng như nòng đơm thêm lên, và nàng cung phi đầu mày cuối mắt tình tứ trong tay Vua như một khối lửa ấm nồng hậu khiến nhà Vua cảm thấy như chính mình mới là người chịu ân sủng.

Ngày hôm sau mặt rồng hớn hờ, Ngài họp quần thần và tuyên bố sẽ vi hành quanh kinh đô ngay chiều đó.

Quyết định của nhà Vua tuy bất ngờ cũng đủ để vị đại thần coi bộ Hộ truyền lệnh tức khắc cho khắp kinh thành không một nhà nào được giữ lửa trong bếp; lập tức mọi nhà phải trữ thức ăn lạnh trong ba ngày, và đêm đến mỗi nhà chỉ được thắp một ngọn đèn lồng nhỏ. Những đèn thờ lửa trong kinh thành đã được các đoàn ngự lâm quân tới canh giữ, mỗi vị chỉ huy mang theo chiếc đĩa vàng có đính viên ngọc bích.

Các thần dân Vua gặp đều vui tươi hơn hở, nhưng Vua biết rằng những đôi mắt sáng, những khuôn mặt tươi kia là dư ảnh của một cuộc đời tung bừng luôn luôn được sống bên lửa. Nhà Vua cảm thấy rõ rằng nếu tình trạng giam giữ phải ăn lạnh và sống xa lửa này kéo dài trong một thời gian nữa hẳn bộ mặt của kinh thành sẽ khác hẳn. Đến ngày thứ ba, cuộc vi hành lạnh lẽo đó không còn chút gì là hào hứng nữa. Đêm hôm đó khi ra đi, Nhà Vua cho phép người cung nữ theo mình đến bờ con sông chảy qua kinh thành, Vua cùng cung phi dừng lại. Nhà Vua chán nản nhìn kinh thành bị làn sương dày bao phủ, đây đó hiu hắt những điểm sáng nhỏ.

Chợt đằng xa, tí đằng xa bên kia sông, một điểm lửa bùng sáng, điểm lửa loang dần theo chiều cao thoát ngồn ngồn như con rắn lửa, phút chốc lan dài thành một đường lửa tưởng chừng có tới hàng vạn con người đang đi lên núi, mỗi người cầm một bó đuốc lớn.

Nhà Vua hỏi cung-phi :

- Thực là đẹp. Khanh có biết vì sao thế không ?

- Muôn tâu Thánh thượng, đó là khu rừng núi Tây Ninh. Có lẽ cháy rừng !

- Lửa cháy như vậy thiệt hại lắm thì phải.

- Muôn tâu Thánh thượng, trái lại có lợi nhiều. Những tàn tro rơi xuống làm khoảng cháy thêm màu. Việc đốt rừng như vậy thường do chính dân chủ trương để làm màu gieo giống.

Chợt gió đổi chiều, mây từ phía biển ùa tới, mưa rơi nặng hạt, phút chốc cả vũ trụ như bị chìm đắm trong màn nước trắng đục mênh mông. Ánh lửa huy hoàng của đám cháy rừng chỉ còn để lại nơi vông mạc Nhà Vua một ấn tượng mơ hồ. Bóng một con thuyền xuôi nhanh như vôi vãi, mang theo ánh lửa nhỏ phản chiếu xuống dòng sông thành một vệt sáng dài chập chờn lay động vì mưa rơi, rồi phút chốc khuất hẳn. Lửa trong không gian như vụt tắt cả. Nép gọn trong tay Vua giờ phút này chỉ còn người cung phi, một khối lửa nhỏ thân yêu làm sao, nồng ấm làm sao !

Sau lần vi hành, trở về cung, Nhà Vua bị cảm lạnh. Trong cơn mê sảng, Nhà Vua luôn miệng nhắc đến lửa. Một lần Nhà Vua cất tiếng cười sảng khoái, chỉ về phía

trước mặt nói lớn :

- Kia các người trông ánh lửa đẹp biết là nhường nào. Thực là một biển lửa, một biển hào quang. A ha vũ trụ xém cong vì lửa.

Sang ngày thứ ba thì sức kiệt, Nhà Vua trở lại trạng thái bình thường, Ngài nhìn Hoàng hậu âm thầm như một cái bóng bên cạnh giường với vẻ vừa ân cần vừa luyến tiếc. Như thông cảm với cái nhìn đó, Hoàng hậu cúi xuống thấp hơn, hai giọt lệ lăn trên gò má.

Năm vị đại thần râu tóc bạc phơ được cử tới cùng một viên hạ quan mang theo giấy bút. Những vị đó luôn luôn túc trực bên long sàng với nhiệm vụ sẽ nhất nhất ghi những lời truyền phán cuối cùng của Đức Vua.

Nhưng trước khi Vua Na-Han đệ Tứ băng hà, họ chỉ ghi được có câu sau này mà Nhà Vua đã thốt ra bằng một giọng bi hùng đặc biệt của người bất đắc chí khi sắp lìa cõi thế :

« Ta chỉ tiếc không được sống cùng lửa để dù có chết với lửa cũng cam. »

## MÙA XUÂN ĐI LẤY GƯƠM THẦN

Hay Là

### TRUYỆN THANH GƯƠM BÁU VỚI HAI VỊ QUAN LANG

Vua Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông trong dịp đi tuần thú phương Nam có cho đánh một thanh gươm báu mà thường thường Ngài đeo luôn bên mình để phòng bất trắc. Một chiều kia, khi Ngài còn cách dãy Ngũ Lĩnh chừng mười dặm đường thì trời nổi cơn giông tố. Ngài cùng các bộ tướng phải vào một hang đá gần đấy mà ẩn núp. Khi cơn giông tố tan, trời đã về chiều. Không gian như được rửa sạch, ánh nắng chiều vàng trong chiếu phủ lên rừng cây xanh mát còn lấp lánh trong mưa.

Vua truyền lệnh cho các bộ tướng hãy đóng trại nghỉ tạm đêm tại đó, rồi Ngài xách gươm báu ra ngồi tựa dưới một gốc cây cổ thụ lặng ngắm bóng chiều tà như một giải lụa mênh mông bị bàn tay vô hình nào kéo thu về chân trời.

Nhà vua thiu thiu ngủ. Chợt một con hổ xám từ khe suối gần đấy nhô ra hung hăng xô tới. May sao có một bộ tướng đứng gần thấy vậy, nhảy xổ lại rút gươm báu

bên mình đức Vua để kịp chống cự với mãnh thú. Nhà Vua bừng tỉnh. Bóng chiều cô tịch đã buông màn lên vạn vật tự bao giờ. Tới khi Vua kịp định thần lại thì một đường gươm vung rộng lên cao, loáng hạ xuống, tiếp theo một tiếng gầm thê thảm : mãnh thú đã bị hạ thủ !

Để thưởng công, vua Đế Minh ban cho viên bộ tướng thanh gươm báu đó.

Hôm sau, khi tới dải Ngũ Lĩnh, giữa cảnh núi cao rừng rậm, chim kêu vượn hót, Ngài gặp Vụ Tiên, kết duyên cùng nàng và hạ lệnh các bộ tướng hãy cùng cắm dinh trại lâu đài tại đây. Một năm sau, bà Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục thì viên bộ tướng kia bị bạo bệnh chết, đồng thời thanh gươm báu bị mất tích, không biết về tay ai. Ít lâu sau, hễ thấy viên bộ tướng nào bị hạ thủ, người ta mới biết chính viên đó trước đây đã chiếm được gươm báu. Như vậy, người ta chỉ thấy hút gươm báu mà không hề thực tìm thấy gươm báu bao giờ, bởi khi chủ nhân trước khi bị hạ thủ thì thanh gươm đã sang tay người chủ mới bí mật rồi.

Tới thời Lộc Tục được phong lên làm vua phương Nam xưng là Kinh Dương Vương đặt quốc hiệu là Xích Quỷ thì thanh gươm báu lưu lạc tới đâu thì người ta không còn biết nữa và cũng ít ai nhắc tới.

Đến khi Kinh Dương Vương kết duyên cùng nàng Long Nữ, con gái Đổng Đình Quân sinh ra Sùng Lãm - tức vua Lạc Long Quân sau này - thì hình như grom báu đã truyền từ tay quý tộc xuống tay bình dân bách tính.

Grom đã rơi vào tay các người làm nghề chài lưới để chém thường luồng và các giống thủy quái khác.

Grom đã rơi vào tay những người đi săn để chém thú dữ, trăn rùng v.v...

Grom đã rơi vào tay những tên gian ác. Chúng dùng grom để tàn sát người các bộ lạc khác mà cướp lấy những đản súc vật.

Cứ như vậy, grom truyền từ tay này qua tay khác, từ đời này qua đời khác, trong khi đó dòng lịch sử vẫn chảy đều. Vua Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ. Rồi một số dân tộc Việt lại một dịp di chuyển mạnh về những quần đảo miền Nam và Đông Nam. người con trưởng đức Lạc Long Quân được phong làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương.

Grom thiêng đã đẫm máu nhiều, đẫm máu ô trọc để đem lại thanh bình cũng có, đẫm máu vô tội để gây oán cừu cũng có. Đêm đêm trong vỏ grom có thoát ra những tiếng gì, khi thì nhẹ nhẹ như tiếng thở dài, khi

thì mạnh như trận cuồng phong. Đôi khi văng vẳng như tiếng hổ gầm thê thảm trong rừng sâu khi bị hạ thủ, đôi khi như có tiếng sóng cuồng loạn vỗ vào mạn bờ lúc loài thủy quái bị xả ngang thân giẫy giụa dưới sâu; có lúc chột nghe thấy tiếng cười sảng khoái của khách anh hùng nhưng lại có khi nghe thấy tiếng khóc than bi ai của dân hiền vô tội.

Từ đó thanh gươm biến thành một thứ khí giới vô cùng nguy hiểm. Nguy hiểm ở chỗ kẻ nào dùng đến nó thì hầu như bị hôn mê ám chướng, thả lỏng con tim và sử dụng gươm thần như một lợi khí để đạt tới những đam mê đê hèn vị kỷ. Những kẻ sa vào vòng bất chính đó đều gặp những cảnh chết thảm thương, nhưng không vì thế mà cảnh tỉnh được những kẻ sau dùng nó. Hoặc giả, cũng có kẻ khi chưa có nó thì là người nhân nghĩa, đến khi có nó thì trong lòng giao động và nhân nghĩa chuyển màu, chẳng bao lâu lại hoàn toàn quay cuồng theo lòng dục mù quáng hết như kẻ trước, để rồi cũng tự kết thúc đời mình một cách thê thảm trong oán cừu, trong nguyên rủa của đồng loại.

Đến đời vua Hùng Vương thứ Bảy thì thanh gươm được một đạo sĩ mặc áo vàng giữ. Vị đạo sĩ đó hiện ở một hang núi thuộc bộ Lục-Hải <sup>1</sup>. người đặt thanh

---

1 Lục Hải: Nước Văn Lang ta hồi đó chia làm 15 bộ. Bộ Lục Hải tức là Lạng Sơn bây giờ.



gươm lên bàn thờ và ngày đêm cầu khẩn Trời Phật ban phúc lành, giải u uất cho hồn gươm, cầu khẩn sớm xuất hiện những bậc thánh đức để sử dụng xứng đáng gươm thần, ngõ hầu mang lại hạnh phúc cho nhân gian.

Vua Hùng-Vương thứ bảy sinh được hai vị Quan-Lang <sup>2</sup>. Vị Quan Lang trưởng được biết tin ấy trước, có ý muốn lên đi lấy gươm về để sau sẽ nối nghiệp vua cha, giữ vững sơn hà xã tắc. Quan Lang trưởng biết rõ phía trước động đó có một thác nước. Về mùa hạ, mùa thu, sức nước đổ rất mạnh, không ai có thể qua được. Về mùa đông thì hơi núi toát ra một luồng khí lạnh buốt thấu xương bao trùm cả một vùng, sức người thường không sao kham nổi. Bây giờ đương tiết Thu, người phải đợi sang đầu xuân ấm áp, là lúc thác nước bớt mãnh liệt, dòng suối hẹp lại và sức nước cuốn yếu đi mới có cơ sang động được. Đầu mùa đông năm đó, người vâng lệnh vua cha làm lễ thành hôn với con gái một vị lạc hầu. Quan Lang trưởng cho người đem sừng tê, ngà voi đến bờ biển bộ Ninh-Hải <sup>3</sup> tìm những phường lái vừa vượt biển từ phương Bắc tới để đổi lấy một tấm lụa vàng nuột mang về may áo cưới cho ý trung nhân.

---

2 Quan Lang: Thời đó con trai Vua là Quan Lang, con gái Vua là My Nương.

3 Ninh Hải: tức Quảng Yên bây giờ.

Chẳng bao lâu mùa xuân tới, hoa đào đua nở như muôn vàn nụ cười xinh thắm, trang điểm cả một vùng ba bốn dặm quanh Phong Châu. Nhìn về phía Sóc Sơn, những khu rừng mai đua nở để lộ ra những khoảng trắng lớn rung động, trông xa như những con bướm khổng lồ đậu trên vòm lá xanh non của rừng xuân. Vị Quan Lang trưởng xin phép vua cha cho đi chơi quanh vùng trong ít ngày. Khi đã được phép, người thẳng đường đến bộ Lục Hải, tìm tới động grom thần. Trước khi đi, người đã âu yếm nói với người đẹp mới cưới rằng : « Nàng hãy chờ ta, khi về chắc chắn sẽ có vật lạ. »

Đến nơi, quả thấy thác ngàn trước động bớt rầm rộ. Quan Lang trưởng lội qua dễ dàng.

Trời về chiều, nắng xuân vàng nhẹ, phủ nghiêng lên rừng cây xanh tươi, và trời xuân thì một màu xanh bát ngát.

Đứng trước bức tranh tuyệt mỹ của tạo hóa, thường thường con người có hai thái độ hoặc tỏ lòng ra để hòa với vũ trụ, hoặc thu vũ trụ lại để so sánh với lòng mình. Vị Quan Lang này theo thái độ dưới. Người thấy nắng vàng chiều xuân mong manh thì nghĩ đến tà áo lụa mà người đã may cho ý trung nhân. Nhìn trời xuân man mác, người thấy như kém bề sâu thăm thẳm nếu đem so với đôi mắt mỹ nhân.

Người theo đường hẻm leo lên cửa động. Một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, có tia nhìn hiền dịu, mặc áo vàng ở trong động bước ra. Quan Lang trưởng tiến lên chưa kịp xưng danh thì vị đạo sĩ đã nói :

- Ta biết ngươi là vị Quan Lang trưởng đến đây muốn lấy thanh gươm thần. Nhưng ngươi có biết đã bao người xưa làm thiệt người và thiệt mình vì không đủ đức để sử dụng nổi thanh gươm đó chăng ?

- Thưa đạo sĩ - vị Quan Lang đáp - tôi đã nghe nói nhiều đến những tai họa đó, nhưng tôi là dòng dõi vương giả, tôi sắp lên ngôi báu nên cần có thanh gươm đó để bảo toàn xã tắc, thiết tưởng không còn điều gì nghi ngại nữa !

Đạo sĩ lắc đầu :

- người nói người là dòng dõi vương giả sắp lên ngôi báu, sử dụng gươm thần là hợp lý, không có điều chi nghi ngại. người quên rằng gươm thần chỉ cần bậc thánh đức sử dụng mà dòng dõi vương giả đâu đã là điều đảm bảo cho thánh đức ?

- Xin đạo sĩ tin ở tôi, tôi sẽ dùng gươm đó gìn giữ bờ cõi Văn Lang. Đời Đức tiên hoàng của phụ vương tôi<sup>4</sup> đã có giấc Ân sang quấy nhiễu, may nhờ có anh nhi

---

4 “Phụ vương tôi”: tức Vua Hùng Vương thứ Sáu.

làng Phù Đổng cưỡi ngựa cầm roi sắt chỉ huy ba quân đánh tan giặc cướp nước. Đến đời phụ vương tôi trị vì trăm họ yên vui, giặc Ân không còn dám ngấp nghé, nhưng phương Nam giặc Hồ Tôn<sup>5</sup> rục rịch muốn đề binh xâm phạm Văn Lang. Bởi vậy xin đạo sĩ cứ trao cho tôi gương thần đó, tôi nguyện dùng nó để bảo vệ giang sơn.

Đạo sĩ gạt gù một lát rồi chậm rãi vuốt chòm râu bạc nhìn thẳng vào mắt Quan Lang và hỏi :

- Quan Lang hãy cho ta biết cái gì mỏng nhất thế gian này ?

Ngẫm nghĩ một lát Quan Lang trả lời :

- người phương Bắc thường vượt biển xuống buôn bán với người phương Nam ở các cửa biển thuộc bộ Ninh Hải, Cửu Chân và Hoài Hoan<sup>6</sup>. Mới rồi, tôi có đem sừng tê, ngà voi đổi lấy một tấm lụa thật mỏng màu vàng mượt để may áo cưới cho người con gái mà tôi vừa thành hôn cách đây ba tháng. Theo ý tôi, có lẽ vật mỏng nhất trên thế gian này là thứ lụa đó.

Vị đạo sĩ lắc đầu, giọng đượm vẻ ngao ngán nói :

---

5 Giặc Hồ Tôn: tức Chiêm Thành.

6 Ninh Hải, Cửu Chân và Hoài Hoan: tức Quảng Yên, Thanh Hóa và Nghệ An.

## 37 | Sợ Lửa

- Quan Lang người còn bạc đức lắm, chưa sử dụng được gươm thần đâu !

Rồi đạo sĩ quay vào trong động. Quan Lang vội theo gót quay vào ngay. người thấy trên bàn thờ một thanh gươm cổ, vỏ sắt bên ngoài đen, một màu đen uy nghi. Chuôi sắt có chạm một con thuồng luồng cuộn khúc, những khúc nổi lên thì bóng vì được cọ xát với tay cầm, những chỗ khắc sâu thì màu tối hơn nhưng không đen xỉn vì đây là thứ sắt đã luyện kỹ.

Quan Lang xin phép đạo sĩ rút thanh gươm ra khỏi vỏ để xem. Một luồng hào quang từ lưỡi gươm lành lạnh rờn rợn bốc lên như làn sóng gợn dưới ánh trăng khuya. Ngắm nghĩa tần ngần giờ lâu, rồi khi đã tra gươm vào vỏ, tay phải nắm chắc lấy đốc gươm, Quan Lang bỗng nhìn thẳng vào đôi mắt đạo sĩ và nói bằng một giọng cương quyết :

- Thừa đạo sĩ, tôi nhất định chiếm thanh gươm này để bảo toàn xã tắc.

Vị đạo sĩ điềm nhiên cười :

- Người bảo toàn xã tắc hay người làm xã tắc lao đao?

Quan Lang nhấn mạnh từng lời :

- Tôi sẽ bảo toàn xã tắc !

Vị đạo sĩ về lạnh lùng :

- Được, nếu vậy thì người có thể mang gươm về.

Quan Lang vui mừng khôn xiết, đeo gươm vào mình và từ giả đạo sĩ trở về Phong Châu ngay chiều hôm đó. Trên đường về, thỉnh thoảng người lại rút gươm ra vung lên những đường loang loáng; những ai đứng ở xa sẽ thấy có những vòng hào quang khi cao, khi thấp và những cành cây cỏ thụ chột rụng xuống như một quả chín.

Về tới cung, Quan Lang đem gươm ra khoe với mỹ nhân của người. Ngay đêm hôm đó, vua Hùng Vương thứ Bảy có đặt tiệc rượu thưởng xuân, hội họp đông đủ các Lạc hầu, Lạc tướng tại điện đôi điện. Quan Lang để vợ sang dự, còn mình nói thác là vừa đi xa về mệt, xin phép Vua cha cho được nghỉ ngơi đêm đó. Nhưng rồi khi tiệc rượu bên điện đức vua bắt đầu thì Quan Lang cũng xách gươm ra vườn thao diễn. người mãi mê với đường gươm loang loáng dưới đêm trăng mãi đến khuya mới về phòng. người ngủ, gói gươm bên đầu giường. Tiếng cười nói của các Lạc hầu, Lạc tướng uống rượu thưởng xuân mơ hồ vọng lại. Chợt tiếng cười nói chập chờn đó như biến thành tiếng thở dài, rồi tiếng rú của gió gào ngàn, tiếng vang của thác đổ sỏi bọt trắng xóa. người thấy hiện ra trước mắt một thành đá bị nước xói mòn, rồi từng khối... từng khối... lung lay... rầm rộ theo

nhau nhào xuống vực thẳm. Cảnh núi lở thật là hùng vĩ, nhưng cũng thật là ghê rợn. Rồi tiếng hồ gầm thê thảm làm rung chuyển cả một khoảng rừng núi âm u, rồi một khúc thuồng luồng bị chém xả, lăn lộn vật vã khiến sóng nước từ dưới sâu ngào sủi lên như nước sôi và vỗ vào thành núi bờ biển một cách giận dữ căm hờn. Có tiếng cười sang sảng, có tiếng khóc nỉ non, có tiếng nấc nghẹn ngào uất ức.

Quan Lang vùng dậy, mắt trừng trừng nhìn về phía trước. người thấy lâu đài, thành quách như bò lổm ngổm quanh mình. người quờ tay tìm thanh gươm ở đầu giường thì thanh gươm vẫn nguyên chỗ cũ. người vội rút gươm ra khỏi vỏ, một luồng ánh sáng lạnh bốc vụt lên cao rồi tan vào hư vô như vệt sáng của vì sao lạc. người cúi nhìn thì thấy lưỡi gươm vẫn còn và ánh thép vẫn lành lạnh, rờn rợn bốc lên. người xách gươm vùng chạy ra hiên, lâu đài thành quách đã đứng yên. Phía đối diện, người thấy rõ trên đỉnh đồi có một lâu đài nguy nga tráng lệ. Xung quanh lâu đài có những cây cổ thụ cành lá rườm rà, lại có mấy cây đào, cây mai hoa nở. Ánh sáng thoát ra từ lâu đài là một thứ ánh sáng kỳ diệu khiến Quan Lang đứng xa mà vẫn nhìn thấy rõ không sót mảy may tất cả những vật trong đó. Ánh sáng đem lại tầm mắt người hình ảnh một chiếc ngai vàng cao rộng, chạm trổ thật tinh vi. Phía trước ngai vàng có một chiếc kỷ bốn chân quỳ cũng dát vàng Chói lọi. Trên

chiếc kỷ đó có đặt một thanh gương vỏ vàng, chuôi khắc một con rồng mà hai mắt là hai viên ngọc bích.

Bỗng bức màn cửa bên trong lầu đài rung động. Một bàn tay ngọc thò ra vén lên, rồi cả thân hình người ngọc xuất hiện. Đó là một trang tuyệt thế giai nhân, tóc như mây, da trắng mịn, đôi mắt huyền thăm thẳm. Nàng mặc áo lụa màu xanh, thứ lụa mỏng và mịn đến nỗi chỉ nhìn từ xa mà Quan Lang cũng thấy một cảm giác mát rượi chạy trong người. Mỹ nhân bước ra, dáng người uyển chuyển, vẻ mặt tươi cười. Bức màn lại hé, rồi một mỹ nhân khác xuất hiện cũng với vẻ đẹp chim sa cá lặn như vậy nhưng mặc áo lụa bạch. Rồi lại một mỹ nhân nữa mặc áo màu hoa đào. Ba đôi mắt thăm thẳm của ba trang tuyệt thế giai nhân cùng chiếu về phía Quan Lang và Quan Lang thấy chiếc ngai vàng, chiếc kỷ vàng cùng thanh kiếm vàng nạm ngọc đều như xô nghiêng, run rẩy. Chính người cũng cảm thấy mình run rẩy, lao đao, đôi chân cơ hồ muốn khuỵu xuống. Sức nhớ trong tay mình còn cầm thanh gương báu, người vung lên. Một luồng ánh sáng lóe ra, giòng máu như bừng tỉnh để lại chạy mạnh trong huyết quản và trí tuệ Quan Lang trở lại tung bừng.

Người nghĩ thầm : « Ta sẽ xông lên tòa lầu đài, chiếm toàn bộ ngai vàng và ba người đẹp. »



Thế là người khoa gươm tiến lên. Chợt các cây cỏ thụ như biết chuyển động chạy ra ngăn đường. người vung gươm, đường gươm mạnh ngọt phập vào thân cây. Mỗi lần một cây đổ gục, người lại mang máng nghe như có tiếng ai vang vang bên tai. người vẫn tiến lên gần lâu đài, các cây cỏ thụ vẫn chuyển động, đường gươm của người càng mạnh, chợt một cây nhỏ chuyển tới chặn đường. Ô, người thấy như đó là cây mai thì phải, nhưng sao mai lại màu vàng ? Mà hoa vàng làm sao lại nở nhiều đến nỗi như phủ kín khắp cảnh cây. người dừng tay gươm mà không nỡ chém, nhưng vẫn tiến bước. Cây hoa mai vàng không chịu. Nó lùi ra xa, lấy đà để lao mình lại, khí thế vô cùng mãnh liệt. người vội đưa ngược lưỡi gươm. Một tiếng kêu như lụa xé vang lên, đồng thời hoa vàng tung lên cao rồi lả tả rụng xuống như muôn ngàn xác bướm. Quan Lang chợt cảm thấy trong lòng xúc động. Nhưng chưa kịp nhìn xuống coi thân mai đổ gục ra sao, người bỗng giật mình vì có tiếng cười đâu đây. Khi ngẩng nhìn lên, người thấy trên nóc lâu đài lừng lơ một đám mây xám bên trong thấp thoáng những bóng ma, áo quần tối tả, đầu tóc rũ rượi đương ôm nhau, vừa nhảy múa vừa nhìn người cả cười. Cả giận, người cầm vỏ gươm ném vèo lên. Đám mây xám như loãng ra, những bóng ma tán loạn biến theo. Vỏ gươm không thấy rơi xuống mà đám mây trong khoảnh khắc đã tụ lại xám hơn vì bóng ma hiện lên đông hơn trước.

Không dẫn đo, Quan Lang phóng thật mạnh cả thanh gươm lên, đường gươm vút nhanh như một tia chớp. Bóng mây chợt biến hẳn và người thấy tí trên từng mây vị đạo sĩ áo vàng giơ tay ra đỡ gươm, từ từ tra vào vỏ, rồi đi như bay về phương Bắc.

Quan Lang ôm mặt bàng hoàng, một lát sau, tâm trí hình như trở lại bình tĩnh, người buông tay ra nhìn quanh thì chao ôi, một cảnh đau thương ngoài sức tưởng tượng hiện ra trước mắt : tòa lâu đài vòi vọi không còn, Quan Lang thấy mình đứng giữa gian phòng tiệc thưởng xuân của Đức Vua cùng các Lạc hầu, Lạc tướng. Ba người con gái mặc áo lụa hồng, xanh, trắng đang gục vào thân ba vị Lạc tướng và khóc sụt sùi. Dưới chân trước mặt người là thân một người con gái mặc áo vàng. người bàng hoàng đau đớn khi nhận ra đó chính là người vợ mới cưới của mình. Vua cha còn đứng yên như pho tượng đá kia, vẻ mặt căm hận vô bờ. Các Lạc hầu, Lạc tướng nhìn người như muốn xông vào ăn sống nuốt tươi cho hả. Duy có vị Quan Lang thứ là nhìn người với đôi mắt tràn ngập tình thương xót xa. Ngay trước mặt người là một vạc than hồng rực mà Đức Vua thường cho đốt giữa phòng như thể để xua khí lạnh mỗi khi có tiệc vui thâu đêm.

Một ý nghĩ vụt qua trong trí và người quyết định ngay.

Đưa mắt một lần cuối cùng nhìn Vua cha, nhìn em,

nhìn xác vợ và các Lạc hầu, Lạc tướng còn đứng quanh đó, rồi nhanh như chớp người lao mình vào vạc lửa. Những tàn than tung lên thành những hoa lửa rực rỡ như đêm hoa đăng.

### AB

Sau đên khủng khiếp mà vị Quan Lang trưởng trong cơn mê sảng vung gươm chém chết vợ cùng năm viên Lạc tướng rồi tung gươm ra phía ngoài để sau cùng tự kết thúc đời mình vào vạc lửa, Đức Vua âu sầu khôn xiết. Ngay vừa lúc xảy ra tai nạn, Ngài có sai các Lạc tướng ra ngoài tìm thanh gươm lạ nhưng không ai thấy một dấu vết gì.

Hai năm qua... Đức Vua đã già lắm, Ngài cho vời vị Quan Lang thứ và tỏ ý đến mùa Xuân năm tới sẽ làm lễ truyền ngôi cho. Vị này tâu với Vua cha rằng người đã từ lâu được biết ở một động núi thuộc bộ Lục Hải có một vị đạo sĩ giữ một thanh gươm thần đức từ thời vua Đế Minh. người lại trình với vua Cha sang đầu xuân sẽ đến động xin thanh gươm báu đó về rồi mới lên ngôi để lãnh trọng trách giữ vững sơn hà.

Vua cha gật đầu ưng thuận và đầu xuân năm đó vị Quan Lang thứ lên đường. Trước khi đi, người có vào đền đức Phù Đổng, dâng hương lên bàn thờ vị anh nhi của dân tộc.

Khi người tới thác ngàn cửa động thì trời cũng đã về chiều. người đưa mắt lặng nhìn màu nắng vàng trong phủ lên cả một khoảng non sông cẩm tú. người ngược nhìn lên cao thấy cả một bầu trời xanh bát ngát. Lòng bồi hồi, một tình thương yêu mênh mông như nước triều dâng lên tràn ngập cả tâm hồn. người thấy thương mến vô cùng đám dân hiền là anh em đồng bào với người kia; họ đã cùng nhau chia ngọt sẻ bùi trên mảnh đất gấm vóc này gồm từ phương Bắc, bộ Lục Hải và chạy dài tới xuống tới bộ Việt Thường, Bình Văn phương Nam <sup>7</sup>. Một ý chí cương quyết bảo vệ lấy non sông ấy, bảo vệ lấy những dân lành ấy, bỗng chảy mạnh trong huyết quản khiến người cảm thấy tâm hồn rung rung một niềm tươi vui mạnh như nhựa xuân dâng lên búp lá, man mác dịu hiền như trời xanh ngợp nắng vàng.

- Quan Lang, người đến lấy gương thần ?

Vị Quan Lang giật mình khi nghe câu hỏi. Thì ra người mãi suy nghĩ không biết rằng mình đã tới cửa động và câu hỏi vừa rồi là của một vị đạo sĩ mặc áo vàng, râu tóc bạc phơ với tia nhìn hiền dịu, đương đứng ngang cửa động như có ý đón người. người cúi đầu thi lễ rồi nói :

---

<sup>7</sup> Việt Thường, Bình Văn phương Nam: tức Quảng Bình và Quảng Trị.

## 45 | Sợ Lửa

- Thưa đạo sĩ, dịp đầu xuân này tôi sẽ được Vua cha truyền cho ngôi báu. Nhận thấy nước Hồ Tôn phương Nam ngập ngề muốn tràn cõi bờ Văn Lang, nên trước khi thọ phong, tôi đến đây ngỏ ý xin đạo sĩ ban cho thanh gươm thần Ngài giữ.

Đạo sĩ gạt đầu mà rằng :

- Thanh gươm vào tay Ngài thì tôi không có điều gì e ngại, nhưng trước khi trao gươm tôi dám xin hỏi một câu : theo ý kiến ngài thì cái gì mỏng nhất trên thế gian này ?

Vị Quan Lang trẻ tuổi đưa mắt nhìn ra phía ngoài xa cửa động. Ánh chiều nhẹ và vàng trong màu hổ phách, lê thê như giải lụa thu về chân trời. người đáp :

- Thưa đạo sĩ, nếu tôi bóc được ánh nắng chiều kia thì chắc là tôi đã có được một vật mỏng nhất trên thế gian này.

Đạo sĩ cất tiếng cười sáng khoái tỏ vẻ hài lòng lắm và mời Quan Lang thứ vào động.

Trước khi trao gươm cho vị anh quân tương lai đó, đạo sĩ còn ân cần dặn :

- Quan Lang, Ngài nên nhớ : muốn trị giặc nước, muốn trị những mầm phản trắc lẫn trong đám dân lành

thì phải có gươm làm uy thế, nhưng Ngài chỉ nên dùng nó làm hình thức giữ vững uy thế thì hơn, xin đừng ham dùng nó vào cuộc đâm chém tàn bạo kéo bị lạc nẻo theo vết xe đổ của những kẻ vũ phu khát máu.

Vị Quan Lang nhất nhất vâng lời, giơ tay nhận gươm cúi đầu lạy tạ vị đạo sĩ, rồi xuống động trở về Phong Châu.

Sau khi mang được gươm thần về, Quan Lang thứ đem đến trình vua cha, kể lại lời đạo sĩ căn dặn. Đức Vua vui mừng khôn xiết, cho đây là điềm lành, rồi lập tức làm lễ truyền ngôi cho con.

Vị Quan Lang thứ lên ngôi báu tức là Vua Hùng Vương thứ Tám. Tuy có thanh gươm, nhưng Ngài vẫn cho sứ đi giao hiếu với các nước lân cận, phương Bắc với các nước Bách Việt khác, phương Nam với nước Hồ Tôn. Các nước này cảm lòng thành thực của nhà vua cũng cho sứ sang Văn Lang tỏ tình giao hảo. Dân chúng nơi nơi sống trong cảnh thanh bình. Tiếng ca của trai gái vang khắp đồng nội của ruộng Lạc xa gần.

Hầu hết những vị vua con cháu Đức Hùng Vương thứ Tám trước khi lên ngôi, đều đã được truyền cho cách nuôi căn bản Thiện trong lòng để sử dụng gươm thần. Thanh gươm thần, dưới thời những vị vua đức dày một lòng thương dân yêu nước đó, không thấy thoát ra những

tiếng thở dài hay những tiếng hổ gầm sóng vỗ. Và khi các Ngài rút gươm ra khỏi vỏ, ánh hào quang long lanh một vẻ đẹp kỳ thú. Đến đời Hùng Vương thứ 13 thì lai lịch thanh gươm đó thất truyền. Và sau này, tới khi cháu Thục Vương là Thục Phán đem quân đánh chiếm nước Văn Lang, không biết rằng Vua Hùng Vương thứ 18 có còn giữ được thanh gươm báu của các tiên đế để lại cho không mà sao lại thua chạy, đến nỗi phải nhảy xuống giếng tự tử ?

## CON MÈO TRÈO CÂY CAU

Mấy lời rào đón :

Xin các bạn coi câu chuyện giải trí sau đây như muôn vàn truyện cổ tích ngộ nghĩnh khác của nước nhà hay của ngoại quốc. Xin đừng quá nệ hình thức mà « hệ thống hóa » từng vai trò để phù hợp một cách máy móc với từng nhân vật điển hình của « thế giới nhân loại ». Vạ nhất các bạn cứ cố tìm ngụ ý thì xin nghĩ trong phạm vi sau này :

- người ta chỉ có thể chinh phục kẻ khác bằng thực tài !

- người ta chỉ có thể thuận theo thiên nhiên mà sửa theo thiên-nhiên !

- người ta chỉ có thể hợp tác với nhau trên ý niệm Thiện !

*Con Mèo mày trèo cây cau,  
Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà ?  
- Chú Chuột đi chợ đường xa,  
Mua mắm mua muối giỗ cha chú Mèo.*

(Ca dao Việt-Nam)



Có nhiều bà con đọc xong câu ca dao trên rồi lên tiếng bình phẩm Mèo là nham hiểm. Các vị đó cho rằng :

Mèo vì không rình được Chuột nên phải lập mưu trèo lên cây cau trỏ sang mái nhà Chuột ở, lấy lời đường mật đón đưa thăm hỏi. Bè ngoài thon thót như vậy kỳ thực trong bụng, Mèo những mong Chuột sẽ nhẹ dạ ngúng nguây thò ra đề xuất kỳ bất ý nhảy sang vò liền. Chẳng may Chuột đi guốc vào lòng nham hiểm của Mèo nên ở lì trong ống tre rồi sai cháu nói chớ ra rằng : « Chú tôi đi vắng rồi ! »

Để tỏ lòng quân tử của mình, Chuột dặn cháu nói thêm : « Chú Chuột tôi đi chợ vắng để lo việc mua bán các thức về làm giỗ cha chú Mèo. » Lời lẽ trung hậu biết bao, nặng nghĩa bạn bè biết bao ! Đáng nhẽ Mèo nghe thấy như vậy phải lấy làm hổ thẹn về lòng lang dạ thú của mình và phải tìm cách cải tà qui chánh mới phải.

Hiểu như vậy chính là hiểu đúng theo tinh thần câu ca dao, nhưng oan cho Mèo quá.

Sự thực khi Mèo trèo lên cây cau là lòng thành muốn gặp Chuột mong cùng Chuột giao ước xóa bỏ tị hiềm cũ để kết bạn lâu dài.

Câu chuyện xảy ra tự ngày xưa ngày xưa, thời mà loài vật còn nói tiếng người.

Câu chuyện đó đầu đuôi như sau :

Có một ông phú hộ kia thấy Chó hay quật Mèo và Mèo hay vồ Chuột bèn nảy ra ý định làm cho Chó sợ Mèo và Mèo sợ Chuột. Chẳng hiểu rằng Phú Ông vì có tuổi mà sinh ra lẩn thẩn hay vì ruộng sâu trâu nái có thừa mà đâm ra tính chuyện làm ngang để mua vui ?

Con Chó cái nhà ông để lứa vừa rồi được bốn chú cún, con Mèo cái cũng đã cho ra đời ba chú Mèo xinh. Hôm đó, bốn chú cún hết nô giỡn ngoài sân lại kéo nhau sang vườn đuối nhau quanh mấy gốc cau và mấy bụi chuối. Phú Ông chọn chú cún mũm mĩm nhất bắt nhốt riêng một chỗ.

Mèo mẹ khi đó đang dạy ba con tập nhảy, tập vồ trong bếp.

Xin nói rõ thêm : sở dĩ bốn mẹ con Mèo phải đưa nhau vào bếp như vậy để khuất mắt Chó. Thời đó Chó mới ở rừng về « qui thuận » người nên tính tình còn thô bạo lắm. Trong làng không có ngày nào là không có rầm ba vự Chó quật chết Mèo.

Phú Ông vào bếp và cũng chọn chú Mèo đĩnh ngộ nhất bắt lấy. Mãi trưa hôm sau Phú Ông mới giương

bẫy chụp được chú Chuột non râu còn ngắn, da còn đỏ hồng.

Thế là đủ bộ !

Lập tức Phú Ông làm một cái chuồng lớn, chia làm ba ngăn : ngăn phía trong, sát góc tường, nhốt Chuột; ngăn giữa nhốt Mèo và ngăn ngoài cùng nhốt Chó. Chương trình giáo huấn bắt đầu ngay hôm đó.

Chương trình giáo huấn bắt đầu ngay hôm đó ! Phú Ông, một tay cầm roi tre, một tay thỉnh thoảng vuốt râu mép và bắt Chó, Mèo, Chuột lên ngồi cả trên cũi, lắng nghe mình nói.

Phú Ông nói rằng :

- Bớ Mèo ! Mi chớ tưởng rằng dòng giống mi ăn đứt dòng giống Chuột đâu nhé. Nói về nhanh nhẹn, mi đã chẳng nhanh gì hơn chú Chuột, ngay cả khi mi rượt bắt nó. Còn lúc bình thường thì mi oằn oại trĩu nải trong xó nhà, xó bếp, mi ngủ vùi ngủ dập trên đồng gio, đồng châu. Nói về răng, răng mi đâu đã nhọn đã sắc bằng răng Chuột ?

Cúi xuống chân, Phú Ông nhấc lên một cái vông đay bị cắn nát và giơ cho tất cả cùng trông rồi lại nói với Mèo :

- Mi có bao giờ cắn nát được chiếc võng như thế

này không ? Chính răng Chuột đã cắn đó. Mi hãy mở mắt ra mà nhìn. Đó là chiếc võng mà ta mới bện mùa hè năm ngoái. Qua mùa đông không dùng tới ta cất võng lên vừa thóc. Võng đay mới, bện chắc, ấy vậy mà răng Chuột nhọn hơn dùi, sắc hơn dao đã cắn nát được như thế đó. Răng mi liệu có bì được chăng ?

Thấy Mèo có vẻ lơ đãng, Phú Ông quát mạnh roi tre lên lưng và tiếng Mèo kêu thét lên.

Phú Ông quát lớn :

- Bớ Mèo, ta nói gì mi có nghe không ? Có sao khi ta nói mi nhìn đi tận đâu đâu Tiếng Mèo meo máo :

- Bẩm ông, con vẫn nghe đấy chứ ạ, con có dám nhìn đi đâu đâu !

Lờm Mèo một cái cuối cùng rồi Phú Ông cũng chạc bước tới gần nhốt Chó. Tay vẫn lăm lăm cầm roi, Phú Ông quát :

- Bớ Chó !

Chó run sợ :

- Dạ.

## 53 | Sợ Lửa

- Mi chớ có cậy sức lực hơn Mèo mà làm điều càn rỡ!

- Dạ.

- Tại sao dòng giống mi hay cà khịa quật chết

Mèo ?

- Dạ... dạ... Bầm...

- Trong năm nay, con mẹ mi đã quật chết của ta ba con Mèo và của nhà hàng xóm hai con.

Một tiếng roi vút tiếp theo tiếng kêu thất thanh của Chó rồi tiếng van lạy rồi rít :

- Con lạy ông ! Dạ... Bầm con lạy ông.

Phú Ông quát :

- Im !

Tức thì tiếng Chó im bật.

- Im cái mồm nghe không ?

Tiếng Chó :

- Dạ.

Giọng Phú Ông trở lại dễ dàng :

- Nghe ông nói đây. Mèo tuy kém mi về sức nhưng hơn mi có móng sắc, dù mi có khỏe tày trời nó vẫn có thể nhảy lên bám chắc cổ mi và cào rách nát thịt mi, mi rõ chưa ?

- Dạ.

- Rồi sau khi đã cào rách nát thịt mi rồi nó nhảy vút lên tường leo tít lên mái nhà, hỏi mi làm gì được nó chằng ?

- Dạ.

Lại một tiếng roi vút trong không khí nhưng lần này Phú Ông quát lên thành cũi. Tuy nhiên, Chó cũng rúm người lại và kêu thất thanh :

- Ối con lạy ông ! Dạ... bằm... Con lạy ông.

Phú Ông tiếp :

- Mi chớ quên Mèo đã về với chúng ta từ lâu, tính tình đã thuần thục. Nó nhịn chúng mi mà chúng mi không biết. Thực ra hỏi nó thua kém gì chúng mi nào ?

Chó vẫn lấm lét nhìn tay roi của chủ :

- Dạ.

## 55 | Sợ Lửa

Lùi lại hai bước rồi đứng vào chính giữa, Phú Ông khoát tay nói lớn :

- Vậy từ nay tất cả chúng bay phải nghe tao.

Chợt Phú Ông quay nhìn chòng chọc về phía Mèo :

- Bớ Mèo, mi có nghe thấy lời ta nói không ?

- Dạ bẩm ông con vẫn nghe.

Phú Ông gật đầu :

- Vậy từ nay tất cả chúng bay phải nhập tâm lấy lời ông dạy đây : Chuột nó không hèn yếu hơn Mèo và Mèo nó cũng chẳng thua kém gì Chó như chúng bay đã hiểu lầm, chúng bay nghe rõ chưa ?

Tất cả đều đáp :

- Dạ.

- Vậy từ nay chúng bay phải cư xử đúng mực. Ta cấm Mèo vồ Chuột ! Ta cấm Chó quật Mèo ! Chúng bay nghe rõ chưa ?

Tất cả đều đáp :

- Dạ.

Thấy tiếng Chuột lí nhí, Phú Ông tiến tới hỏi :

- Chuột ! Mi hãy mở mồm cho hoạt bát. Mi có sợ Mèo không ?

Chú Chuột bé bỏng buột mồm :

- Dạ bẩm sợ ạ !

Phú Ông dậm chân và quật roi tre đánh đét một cái lên mặt cũi quýt :

- Mi không nghe lời ta dạy lúc nãy sao ?

Chuột cuống quýt :

- Dạ có ! Dạ có !

- Thế việc chi mi phải sợ nào ?

Chuột đưa mắt liếc trộm Mèo rồi đáp :

- Dạ vâng ạ.

Một thoáng suy nghĩ... Phú Ông cho Chó, Mèo vào chuồng và bắt Chuột mang đi.

Phú Ông tự thấy rằng riêng với Chuột mình cần phải giảng dạy nhiều hơn nữa.

Mãi đến chiều hôm đó Phú Ông mới lại đem Chuột thả vào ngăn cũ bên Mèo.



Đêm hôm đó, một đêm thượng tuần có trăng. Trong chuồng chia ngăn, mỗi con vật tìm một xó khuất để nằm. Chẳng con nào nhìn con nào !

Tiếng Phú Ông còn như xoáy bên tai Chó. Thật là hãi hùng ! Ý nghĩa quan trọng của những lời nói đó Chó quên rồi. (Chó vốn vô tâm mà ! ) Cái khiến nó nhớ lại mà còn hãi hùng là kèm theo với tiếng quát tháo, nó đã nhận một roi quất xương sườn.

Nhưng rồi Chó cũng ngủ chợp đi lúc nào không biết.

Trong khi đó, ở ngăn trong cùng, chú Chuột bé bỏng cũng đang lan man nghĩ đến những lời Phú Ông dạy riêng mình lúc nãy. Nó nghĩ thầm : « Kể lời Phú Ông nói có lý. Nói về nhọn và sắc quả là răng mình nhọn sắc hơn răng Mèo. Nói về nhanh thì sự thực nếu mình không cuống Mèo vị tất đã đuổi kịp được mình. »

Ấy lúc nghe Phú Ông nói riêng thì Chuột vững tâm lắm, nhưng khi về nằm sát ở ngăn bên Mèo, dáng đi tuy trễ nải nhưng bề thế của hấn, Chuột lại thấy chột dạ.

Chuột lim dim đôi mắt, lắng nghe tiếng giã gạo và xay lúa đều đều bên nhà hàng xóm rồi cũng chợp đi lúc nào không biết.

Riêng tâm trạng Mèo có bề rỏi ren hơn cả, Mèo về ở với người trước Chó nhiều lắm nên cũng đã tiêm nhiễm

được vẽ điếm đạ của người trong cách cư xử cũng như cách xét đoán việc đời. Tuy nhiên, lần này Mèo cũng chịu không hiểu vì đâu Phú Ông lại bắt mình phải sợ Chuột.

Quả đáng tội, trưa này mấy lần Phú Ông phải hét : « Bớ Mèo, ta nói gì mi có nghe ta không ? » là đúng. Bởi sự thực, khi thoát nghe câu chuyện, Mèo cho là Phú Ông nói đùa.

« Mi chớ tưởng rằng, dòng giống mi ăn đứt dòng giống Chuột đâu nhé !... »

Ăn đứt lắm chứ ! Mèo đã từng thấy mẹ mình vò Chuột. Trời ! Chuột to cũng như Chuột nhỏ lúc đó hầu như bị thôi miên chỉ còn biết rúm lại chờ chết. Có chú vừa mới nhú ra khỏi ổ mà cũng cuống quýt thế nào đến nỗi không chui vào kịp. Rồi một tiếng « Chóe » thất thanh, tiếp theo mấy cái quật. Chỉ một loáng đã thấy mẹ ung dung đi lại phía ba anh em, mồm ngậm ngang lưng chú Chuột khôn nạn, tứ chi, đầu và đuôi rũ xuống, nhưng thịt còn nóng hổi.

Ăn đứt lắm chứ ! Lời mẹ dạy nhảy, dạy vò còn vang bên tai : « Các con quật đuôi bên trái thì nhảy sang bên phải, quật đuôi bên phải thì nhảy sang trái. Các con nhảy cao lên ! Nhớ phải đón đầu chú Chuột một chút ! »

Phải rằng Mèo tuy không nhọn không sắc cho lắm, song cũng thừa vững chắc để nhấm nháp thịt mềm, xương non của chú Chuột ! Chó quên lời của Phú Ông mà chỉ nhớ đến chiếc roi lằn lưng. Mèo trái lại, đã quên chiếc roi lằn lưng nhưng nhớ rành rọt lời nói phi lý của chủ.

Ánh sáng bên ngoài mờ đi rất nhiều, có lẽ trăng thượng tuần sắp lặn. Tiếng xay lúa đã ngừng từ lúc nào, duy tiếng chày thình thịch bên dậu thưa còn vang lên đều đều càng làm tăng thêm vẻ cô tịch của đêm khuya.

Mèo tuy nằm duỗi dài, gục đầu lên hai chân trước nhưng nó vẫn chưa ngủ.

Đã một tháng qua, cả ba con vật đều lớn lên trông thấy. Hôm nào Phú Ông cũng đến nhắc lại những điều đã nói hôm đầu. Thường thì ngày nào Mèo cũng bị ít ra là một roi vì tội không chịu chú ý nghe. Sau đó chừng nửa tháng, Phú Ông bắt Chuột, Chó, Mèo lần lượt nhắc lại lời mình vừa nói. Tuy Mèo nhắc trôi chảy hơn cả, nó vẫn bị chủ nhìn bằng con mắt nghiêm khắc, hằn học.

Thỉnh thoảng Phú Ông lại mở chuồng mang một mình Chuột đi đâu chẳng biết, có khi đến chiều mới thả về chỗ cũ.

Mấy ngày gần đây, Mèo nhận thấy Chuột bắt đầu có những cử chỉ hỗn xược với mình. Chuột đi đi lại lại bên kia ngăn và nhìn Mèo qua tấm phen đan như muốn khiêu khích.

Mèo ôn thâm trong trí lời mẹ dạy :

« Các con quật đuôi bên trái thì nhảy sang phải, quật đuôi bên phải thì nhảy sang bên trái. Các con nhảy cao lên ! Nhớ phải đón đầu Chuột một chút !»

Và tuy bề ngoài Mèo lờ như không để ý đến hành vi khiêu khích của Chuột, nhưng bề trong Mèo đã tưởng tượng ra cảnh mình phi thân lên cao nhảy đón đầu Chuột và... Mèo thấy móng vuốt mình ngứa ngáy vô cùng. Đến khi quay sang nhìn Chó, thấy thái độ Chó e dè nhìn lấm la, lấm lét, Mèo càng thêm ngán. Nó muốn kêu lên : « Cậu thực thà lắm ! Sao cậu ngu thế, sức tôi thì làm quái gì được cậu nào. »

Đêm hôm đó về khuya, ba con vật đã ngủ cả, chợt Chuột giật mình tỉnh dậy vì có tiếng ai gọi mình.

- Kìa bác, bác bị nhốt ở đây đây ư ?

Nhận ra đây là chú Chuột em cùng lứa với mình, Chuột anh vui mừng khôn xiết bèn hỏi lại :

- Sao chú biết tôi ở đây mà đến ?

## 61 | Sợ Lửa

- Ấy bà sáng nay có leo lên trên mái này, tình cờ nhìn xuống nhận ra bác, cụ mừng quá xuống ngay báo tin cho cả nhà. Hôm nhận được tin bác bị Phú Ông chụp được bắt đi, cả nhà cầm bằng là bác chết.

Chuột anh lắc đầu :

- Không việc gì chú ạ. Tôi không ngờ việc đó ngày nay chính lại hóa ra may mới chết chứ.

- Sao lại gọi là may hở bác ?

Chuột anh hạ giọng hơn :

- Phú Ông cốt giữ tôi để dạy dỗ, rèn luyện nâng cao dũng khí họ hàng nhà Chuột khiến Mèo sau này cũng phải « kiềng ».

Chuột em suy nghĩ rồi lắc đầu :

- Em không tin lời Phú Ông tí nào bác ạ. Ai đời Mèo lại « kiềng » Chuột bao giờ.

Chuột anh cướp lời :

- Ấy, lúc đầu tôi cũng nói với Phú Ông y như lời chú nói với tôi vừa rồi và bị Phú Ông mắng cho vuốt mặt không kịp.

- Phú Ông bảo sao cơ bác ?

- Phú Ông bảo tại mình ngu, mình cứ đình ninh là dòng giống nhà mình hèn kém rồi mình sợ sệt ra mặt nên dòng giống nhà Mèo mới lên nước thế.

Chuột em lại lắc đầu :

- Mình bé và yếu thế này, nó lớn ngàn kia... Em vẫn không tin bác ạ.

Chuột anh nói bằng giọng chắc chắn :

- Thế mà tôi tin đấy chú ạ. Phải được nghe Phú Ông nói mình mới thấy rằng dòng giống nhà mình đã nhâm mới sợ Mèo. Trong trời đất có chán vạn giống nhỏ mà đánh bay giống lớn. Có một hôm Phú Ông mang tôi ra đồng chứng kiến mấy con chèo bẻo đuổi đánh một con diều hâu trên trời.

- Con chèo bẻo nó như thế nào hở bác ?

- Trông chèo bẻo bay trên cao thì bề ngang chỉ nhỏ như chiếc thoi dẹt cưỡi, còn con diều hâu thì to trùng trục bằng cuộn thừng thả diều.

- Thế con diều hâu thua chạy thật ư hở bác ?

- Thua chạy thật mới chết chứ. Cậu cả cứ cúp đầu mà vỗ miết đôi cánh thôi.

- Lạ quá bác nhỉ ?

## 63 | Sợ Lừa

- Rồi Phú Ông giảng giải : « Chèo bẻo bé nhưng bé hạt tiêu nên điều hậu sợ. Có thể thôi. » - Ý kiến bác thế nào ?

- Tôi cho rằng lời Phú Ông nói đúng. Có lẽ ông cha chúng ta có một thời quá nhu nhược nên mới đến nông nổi ngày nay. Tôi quyết tâm theo lời chỉ dẫn của Phú Ông và hy vọng một ngày gần đây sẽ rửa nhục được cho họ hàng Chuột nhà ta.

Nghe vậy Chuột em cũng thấy vui lây và vững lòng. Ngoài sân như có tiếng động, Chuột em vội vàng cáo biệt :

- Thôi bây giờ em về để bác nghỉ. Em sẽ thì thọt đến thăm bác luôn.

- Ủ thôi chú về.

Thế là kể từ đấy, thường là vào lúc đêm khuya hai anh em nhà Chuột lại gặp nhau. Em mang tin gia đình. Anh kể lại chuyện học tập với Phú Ông.

Hai tháng qua....

Mèo, Chuột, Chó đã thành những Mèo, Chuột, Chó « thanh niên » hiếu thắng. Ngày nào Phú Ông cũng vào buồng này tới bốn năm lượt, nói lại lời cũ và bắt những con vật nhắc lại.

Chuột vênh vang tự đắc lắm. Phú Ông không còn phải mang nó đi dạy dỗ riêng như tháng trước nữa. Mèo trái lại rất lấy làm khổ tâm. Nó thấy nung nấu trong lòng và chỉ ao ước sao gặp dịp ăn sống nuốt tươi Chuột cho hả. Tuy nhiên, khi Phú Ông nói nó vẫn nghe, bề ngoài thật là thành khẩn. Khi Phú Ông bắt nó nhấc lại, nó nhấc càng trơn tru. Khóe nhìn của Phú Ông vì vậy cũng đã bớt gay gắt.

Chỉ có Chó là không có điều chi băn khoăn trong lòng. Tuy nó có nhớ cảnh mẹ nó quật chết Mèo nhà và Mèo hàng xóm, tuy nó vẫn biết rằng nó khỏe hơn Mèo nhiều lắm, nhưng bây giờ nó nghĩ lại tưởng tượng cảnh Mèo nhảy lên bám cổ và cào rách thịt nó - như lời Phú Ông hàng ngày giảng dạy - thì quả là có nguy và kẻ cũng đáng sợ lắm thay. Bởi vậy, thái độ Chó rất thuận thực đối với Mèo. Và cũng vì vậy ngoài roi ra oai hôm đầu, Chó không bị Phú Ông « đét » thêm lần nào nữa.

Như đã có chương trình dự định sẵn, một buổi sáng kia Phú Ông giảng giải lâu hơn mọi ngày rồi chợt ra lệnh cho Mèo phải ra đứng trước Chuột ở sát phen ngăn và nói rất kính cẩn : « Bẩm anh, em sợ anh lắm, anh đừng cắn chết em. »

Mèo không ngờ Phú Ông lại rắp tâm làm nhục mình đến thế. Nó thấy căm giận « lão già lắm cằm » và nó đã đi đến trước Chuột với một dáng điệu ngạo mạn rồi



## 65 | Sợ Lừa

nói với Chuột câu đó bằng một giọng khôì hài. Nó cầm bằng là sẽ bị một roi « quán xương sườn » như mọi khi. Thà thế còn hơn !

Nhưng nó đã tính nhầm : đi ngược ý muốn của chủ, nó khinh Chuột ra mặt thế cũng là khinh mạn Phú Ông vậy.

Sau một tiếng quát vang như sấm « Quân khôn kiếp ! » Phú Ông lôi tuột Mèo ra khỏi chuồng quật túi bụi một chặp đến mười roi. Tiếng Mèo van lạy rối rít, Chó ở trong ngăn sợ xanh mắt. Chỉ có Chuột là hả. Vừa lúc đó Mèo mẹ ngoài sân bờ ngõ bước vào...

Phú Ông quát :

- Con kia, lại đây ông bảo.

Biết Phú Ông đang nổi cơn lôi đình thịnh nộ, Mèo mẹ rụt rè bước lại :

- Dạ ông bảo gì con ?

Bằng một giọng đanh thép, Phú Ông truyền lệnh :

- Mi ra đứng trước Chuột, kính cẩn thưa rằng : « Bẩm anh, em sợ anh lắm, anh đừng cắn chết em. »

Việc Phú Ông giáo huấn ngược đời này, Mèo mẹ vốn có được biết. Nó nghĩ thầm : « Chắc con ta còn trẻ dại,

đã vụng về cư xử thế nào nên mới bị như đòn thế kia » và nó lảng lảng đến trước Chuột làm vẻ kính cẩn thưa rằng :

- Bẩm anh, em sợ anh lắm, anh đừng cắn chết em !

Phú Ông cười đắc chí bảo Mèo con :

- Mi thấy chằng ? Đến con mẹ mi còn không dám cãi lời ta nữa là mi.

Đoạn Phú Ông thả Mèo vào chuồng rồi đồng dặc ra lệnh :

- Hãy ra trước mặt Chuột và nói y như mẹ mày !

Mèo mẹ đưa đẩy con mắt làm hiệu bảo con hãy nên làm theo lời chủ.

Mèo con vừa bị trận đòn đau nên nhuệ khí cũng bớt bèn ra đứng trước Chuột nhắc lại y hệt lời mẹ lúc nãy :

- Bẩm anh, em sợ anh lắm, anh đừng cắn chết em !

Chú Chuột ve vẩy cái đuôi, hai tai nhỏ xíu hơi rung động, mõm hơi héch lên, đôi mắt ti hí chớp luôn mấy cái ra vẻ khoái chí.

Chó ngồi im thin thít ở góc ngăn.

Phú Ông cũng đã thấy hả giận một phần nào.

Mèo mẹ rón rén quay ra, đi thẳng xuống nhà ngang. Ngày hôm đó nó đã rình vồ được ba chú Chuột ở khoảng cối xay. Rồi những ngày tiếp đó nó đều hoạt động ráo riết như vậy.

Nó rắp tâm báo thù mà !

Hai chú Mèo con cũng theo gương mẹ, hàng ngày thì thọt vào bếp rình vồ Chuột nhất tiêu khiển.

Cũng kể từ hôm đó, Phú Ông càng năng lui tới chỗ ba con vật, Phú Ông không giảng dạy gì nữa mà chỉ bắt Mèo ra đứng trước Chuột nhắc lại câu : « Bẩm anh, em sợ anh lắm, anh đừng cắn chết em !» Rồi bắt Chó phải đứng trước Mèo kính cẩn thưa : « Van anh đừng cào nát thịt em !»

Rút kinh nghiệm trận đòn đau hôm nào mỗi khi phải nói với Chuột, Mèo tự làm như không hồn, tự làm như một con Mèo gỗ.

Phương pháp ấy thế mà hay ! Nó không còn thấy nỗi ám ức dần vật tâm can nữa, vì nó nói những lời đó y hệt chiếc cối xay lúa kêu ù ù lúc chập tối, tiếng chày giã gạo thành thạch lúc đêm khuya, hay tiếng vông kẻo kẹt buổi trưa hè. Điều làm Mèo khó chịu chính là vẻ quị lụy quá đỗi... « nghịch cảnh » của Chó. Rồi sau vài hôm, nó không khó chịu nữa mà thấy buồn cười. Ấy

thế mới nguy ! Sáng nay nhìn anh Chó to lớn, phồng phao khúm na khúm nùm trước mình với vẻ mặt đau khổ, Mèo đã tưởng nôn ruột lên rồi. Đến khi thấy Chó cất giọng ồ ồ trịnh trọng thưa : « Van anh đừng cào nát thịt em » thì Mèo tưởng không còn bám bụng nhịn được nữa. Lập tức nó vội dùng kế « linh hồn thoát xác » cũ để biến thành con Mèo gỗ. Nó biết lắm : tội để cho Chó nhìn với mình cũng óm đòn ngang với tội mình nhìn với Chuột.

Sang tháng thứ tư, Mèo, Chó càng lớn hơn nữa, duy Chuột là vẫn y như cũ. Có lẽ Chuột đã lớn hết cỡ rồi... Song Chuột chỉ kém thế về hình thức thôi, còn về tinh thần, uy tín Chuột đã tăng lên gấp bội. Chuột được Phú Ông cho phép tự ý muốn gọi Mèo lúc nào cũng được. Khi nghe tiếng gọi, Mèo phải lập tức chạy đến trước Chuột kính cẩn thưa câu : « Bẩm anh, em sợ anh lắm...»

Ngay buổi đầu trước khi có lệnh mới đó, Phú Ông mang Chuột ra chỗ khác nói riêng :

- Mi có thấy Mèo đã hết ương ngạnh và tỏ thái độ phục tùng mi ? Ngày mi thành công, tức là dòng giống nhà mi thành công đó.

Chuột kính cẩn thưa :

## 69 | Sợ Lửa

- Bầm ông, được vậy chúng con thật đội ơn ông vạn bội.

Phú Ông nói tiếp :

- Mi hãy nghĩ xem, rồi đây ta thả mi với Mèo ra giữa sân, mi sẽ đi đi lại lại chững chạc thản nhiên bên Mèo. Thỉnh thoảng mi lại quát bắt Mèo phải thưa câu : « Bầm anh, em sợ anh lắm » mi đã thấy hả dạ chưa ?

Chuột kính cẩn đáp :

- Bầm ông, được vậy chúng con thật đội ơn ông vạn bội.

Phú Ông tiếp :

- Rồi tin đó sẽ lan khắp xóm, khắp làng, khắp vùng; dòng giống mi trở nên oai vệ và dòng giống Mèo thì tự nhiên nhuệ khí nhụt hẳn như bị cắt tai.

Chuột không dấu được nổi vui mừng :

- Bầm ông, được vậy chúng con thật đội ơn ông vạn bội.

Phú Ông tiếp :

- Muốn Chóng tới ngày vinh quang đó, kể từ hôm nay trở đi, mi phải luôn luôn quát mắng, hạch sách. Nếu

Mèo tỏ thái độ ương ngạnh mi sẽ báo cho ta hay để ta nghiêm trị.

Chuột cúi đầu kính cẩn :

- Bẩm chúng con thật đội ơn ông vạn bội.

Khi Phú Ông vừa thả Chuột về chỗ cũ, lập tức Chuột làm bộ hung hăng quát ngay :

- Bớ Mèo !

Mèo hiểu thừa cơ sự nên kính cẩn thưa :

- Dạ anh gọi em.

Chuột càng nạt lớn :

- Mi hãy tới đây nhắc lại câu nói.

Con Mèo tinh khôn của chúng ta đã ngoan ngoãn nhắc lại câu nói : « Bẩm anh, em sợ anh lắm... »

Phú Ông lúc đó đứng tì tay ngay chỗ cửa ra vào, vờ ngẩng mặt lơ đãng nhìn trời chiều rồi thong thả bước xuống thềm ra sân, đầu gật gù về tự đắc.

Kể từ hôm đó, Chuột suốt ngày hống hách quát tháo, hạch sách Mèo. Tuy đã có phương pháp « linh hồn thoát xác » để biến thành Mèo gỗ mà chú Mèo đáng thương của chúng ta đôi khi cũng thấy máu sôi lên trong huyết

quản. Nhưng có bực tức thì cũng chỉ bực tức trong bụng thôi, Mèo đại gì mà để lộ ra nét mặt.

Tối hôm đó, Chuột vừa thiu thiu ngủ thì bên ngoài có tiếng gọi. Tuy mắt nhắm, mắt mở mà Chuột cũng nhận ngay ra là chú em mình.

Chuột hỏi em :

- Làm sao mà có tới một tháng trời không thấy chú đến đây ?

- Bác tính đến làm sao được cơ chứ ? Nguy hiểm lắm bác ơi. Hôm nay em đến đây cũng là mạo hiểm lắm đấy.

- Cái gì mà có vẻ ghê gớm thế ?

- Bác ạ, gia đình nhà ta bây giờ phải tản lên nóc nhà cho đỡ nguy hiểm.

- Thế gia đình không ở bếp nữa ư ?

- Không dám ở bếp nữa bác ạ. Con Mèo mẹ nó rình mò ráo riết quá. Mặc dầu bà đã trông nom hết sức chu đáo, cấm không cho tụi nhỏ lơ dểnh ra khỏi tổ ban ngày, thế mà cứ hai ba ngày lại có một đứa bị toi mạng vì con mẹ Mèo. Rồi đến lượt bà hôm qua, chẳng biết nghĩ ngẫm thế nào mới chập tối cụ đã lằm cằm bò ra nhặt hạt ròi, hạt vãi bị con mẹ Mèo nó vồ mất, có khổ không ?

Vừa nghe dứt câu chuyện, Chuột anh thấy uất lạng người. Nó chột hung hăng ra phía Mèo quát lớn :

- Bớ Mèo !

Đêm đã về khuya, Mèo đang ngủ say nghe tiếng gọi giật mình tỉnh dậy bỡ ngỡ.

- Bớ Mèo !

Nhận ra là Chuột gọi mình, Mèo nghĩ thầm : « Sao đêm hôm khuya khoắt hấn còn gọi mình làm trò gì thế này ? » Nhưng dù đêm hay ngày thì bản phận của Mèo vẫn phải là vâng lời.

Nó cất tiếng thưa :

- Dạ anh gọi em ?

Tiếng Chuột nạt lớn :

- Mi hãy tới đây nhắc lại câu nói.

Mèo ngoan ngoãn tiến tới nhắc lại câu : « Bẩm anh, em sợ anh lắm... »

Tuy trong nhà tối om nhưng Mèo cũng nhận thấy bóng Chuột em thập thò ngoài chuồng phía sát góc tường.

Chuột em được chứng kiến cảnh đó lắc đầu lè lưỡi phục anh, nhưng trong bụng vẫn gờm Mèo.



Chuột anh đồng dục ra lệnh :

- Thôi cho về chỗ cũ.

Rồi quay lại góc chuồng với em, vẻ hãnh diện. Nó cho như là đã báo thù được một phần nào cái nhục truyền kiếp đối với Mèo.

Chuột em nói :

- Bác ạ, bác oai thật đấy nhưng không hiểu sao em vẫn thấy kinh thẳng cha ấy.

- Đó là chú chưa được dạy dỗ để biết cách tự nâng cao bản lĩnh uy nghi của mình. Chính tôi trước đây cũng nghĩ như chú nhưng bây giờ thì tôi hiểu, Mèo không những không dám bắt nạt tôi mà sau khi bị mấy vó Phú Ông đánh cho quần xương sườn hấn cũng đã hiểu rằng hấn kém về tôi rất xa. Với tôi bây giờ thì hấn phải vào khuôn vào phép.

Chuột em cáo từ.

- Thôi em về bác ạ, kéo mẹ Mèo nó đánh hơi được thì nhà lại một phen khóc hết nước mắt.

- Ủ thôi chú về. Chú nói với nhà rằng xin tất cả cứ yên tâm. Ngày tôi xuất đầu lộ diện rửa nhục cho họ hàng nhà Chuột chúng ta không còn bao xa nữa.

Cuộc giáo huấn kéo dài đến hết tháng thứ năm thì các con vật đều thuận thực theo chiều uốn nắn của Phú Ông.

Buổi sáng hôm đó là một buổi sáng đầu thu, gió heo may phe phẩy làm xào xạc mấy tàu lá chuối khô ở ngay đầu hồi nhà. Phú Ông thực hiện cuộc thí nghiệm đầu của mình. Ông mở toang cửa chuồng, bỏ các ngăn ở trong chuồng. Thế là ba con vật sống chung sát bên nhau. Chuột đi đi lại lại bên Mèo vẻ chững chạc. Chó cũng đi đi lại lại bên Mèo nhưng vẻ khúm núm.

Thỉnh thoảng tiếng Chuột quát :

- Bớ Mèo, hãy nhắc lại câu nói !

Và Mèo kính cẩn một cách thần nhiên nhắc lại câu :  
« Bẩm anh, em sợ anh lắm... »

Để làm vui lòng Phú Ông, Mèo đôi khi cũng vờ quát Chó :

- Bớ Chó, mi hãy nhắc lại câu nói !

Và trong khi Chó khúm núm, kính cẩn nhắc lại câu «Van anh, anh đừng cào nát thịt em » thì Mèo đưa mắt lơ đãng nhìn Chuột uốn éo bò quanh và nghĩ thầm : « Sao xương sống nó có thể mềm đến thế ! Sao lông nó bóng nhẫy đến thế !»

Rồi trí tưởng tượng của Mèo cứ thế theo đà mà mở rộng ra như mây gặp gió.

Mèo nghĩ thầm :

- Bảo Chuột là con vật không xương thì không đúng đã đành, không xương như một con sâu to thì kinh tởm lắm ! Nhưng bảo Chuột là con vật có xương thì cũng quá lắm. Cái kiểu nó bò mềm mại thế kia thì xương đó chỉ là sụn thôi, một thứ sụn làm tăng phần đậm đà cho thịt.

Tự nhiên Mèo thấy ngứa ngứa móng vuốt và nước dãi hình như ứa đầy miệng.

Bỗng nhiên bên ngoài có trẻ nhỏ vào báo với Phú Ông :

- Bẩm ông có người gánh thóc đến giả nợ.

Phú Ông gật đầu theo ra ngay. Mèo thấy nhẹ hẫng người. Và chỉ một thoáng suy nghĩ, nó đã quyết định xong cả. Bóng Phú Ông vừa khuất, tiếng Chuột lại hách dịch :

- Bớ Mèo, hãy nhắc lại câu nói.

Mèo không để ý đến lời Chuột nữa, nó nghĩ thầm :  
«Mình lại về rừng ở là cùng chứ gì. »

Phú Ông vừa ra tới giữa sân, chưa kịp hỏi người gánh thóc đến trả nợ câu nào thì bỗng nghe một tiếng « Chóe » thất thanh của Chuột. Ông vỗ đùi kêu :

- Thôi hỏng rồi.

Và ông chạy bỏ trở lại. Vừa khi đó, Mèo từ trong nhà nhảy vọt ra. Sự thể quả đã hỏng thật !

Tiếng Chó ở trong chuồng :

- Bẩm ông, Mèo nó đã ăn mất Chuột rồi.

Phú Ông lôi Chó ra, thả xuống đất và quát :

- Mày đuổi quật chết Mèo cho tao.

Chó trù trù đáp :

- Bẩm ông, con sợ nó cào nát thịt con.

Phú Ông điên tiết đá Chó một cái mạnh như trời giáng và quát lớn :

- Mày ngu như Chó ấy, đuổi mau không nó chạy mất giờ.

Cái đá và tiếng quát đó đủ phủ hết lượt « bụi giáo huấn » bấy lâu đã phủ hờ lên linh tính Chó. Nó chợt nhận thấy rõ là nó khỏe hơn Mèo nhiều lắm. Với sức lực ấy mà vùng vẫy, mà tấn công, Mèo cào sao nổi ! Nó

chạy vút ra cửa.

Nói về Mèo, sau khi nhai ngấu nghiến Chuột xong bèn tìm lối thoát thân. Nhảy ra tới ngoài, nó thoáng nhìn thấy trên mái nhà hàng xóm bóng một chú Chuột vừa chui vội vào ống tre. Cao hứng, nó đương tìm lối nhảy lên rình bắt, thì Chó đã huỳnh huých từ xa phi tới. Mèo nhảy tót lên thân cây cau gần đấy rồi leo tít lên ngọn. Ở trên đó, nó nhìn thẳng vào ống tre mái nhà hàng xóm, trong đó thập thò mấy chú Chuột xinh. Chó lồng lộn rít lên từng hồi ở dưới, Chó không biết trèo.

Hôm đó, Mèo đã ở lì trên ngọn cau đến chiều, Chó hục hặc ở dưới. Sau cùng, Chó tự biết là không thể làm gì được, đâm chán bỏ đi.

Phú Ông thoát đầu nộ khí xung thiên nhưng sau cũng nguôi dần. Tới lúc chiều, cả bóng tối bắt đầu phủ nhòa lên cảnh vật, Phú Ông còn thấy bóng Mèo lắt léo trên ngọn cau thì bỗng rủ lòng thương hại.

Ông tới gốc cây và nói :

- Thôi hãy xuống mau, ta tha tội cho.

Giọng Mèo rất cảm động :

- Bẩm, cảm ơn ông lắm, nhưng còn e Chó nó sẽ rình quật chết con.

- Mi không phải lo điều đó.

Mèo xuống, Chó từ xa chạy bỏ lại. Phú Ông quát :

- Mi hãy xin lỗi Chó đi, rồi hai con phải sống với nhau cho hòa thuận nghe.

Mèo đã thành thực xin lỗi Chó, mặc dầu nó cũng thành thực nhận thấy là nó chẳng có lỗi gì với Chó. Sau đó hai con sống chung với nhau như bạn vậy.

Đến đây, tưởng phải xin phép độc giả mở một dấu ngoặc để giải thích thêm là : Tục lệ bắt Mèo chấp tay trước Chó nay vẫn còn. Tôi còn nhớ cách đây ít lâu, vì thấy nhà nhiều Chuột quá, mẹ tôi phải đi chợ mua một con Mèo về.

Con Mực của tôi từ trong nhà nhảy xổ ra muốn quật chết tươi Mèo ngay. Mới trông thấy vậy, tôi tưởng như con Mèo khó lòng mà sống qua được một ngày. Trong khi đó, mẹ tôi vừa nâng cao Mèo lên quá đầu vừa quát mắng Chó :

- Chết giờ ! Em nó đây mà.

Các em tôi vốn thích Mèo nên đồ xô lại quát và dọa đánh Mực. Mẹ tôi hạ thấp Mèo, chấp hai chân trước của nó, làm điệu như thể Mèo vái con Mực mấy cái và người nói nửa như nói thay Mèo, nửa như sui Mèo nói

thế :

- Lạy anh đi ! Lạy anh đừng cắn em !

Con Mực tuy rít lên nhưng vẫn đứng nguyên.

Các em tôi đã đi kiếm đâu được mỗi đứa một thanh củi to tướng, lăm lăm cầm ở tay. Khi mẹ tôi buông Mèo xuống đất chỉ cầm đầu dây buộc cổ nó thôi thì con Mực càng rít lên rùng rợn và dè dặt tiến lên. Con Mèo hơi cong lưng lại, một chân trước co lên thành một đường cong, miệng phun phì phì.

Các em tôi giờ một loạt thanh củi lên và hét :

- Chết giờ ! Chết giờ !

Mực ta hít mấy cái như muốn ghi nhận kỹ hơi Mèo rồi quay đi. Một lát sau, khi mẹ tôi buộc Mèo vào chân bàn ăn thì Mực đã qua lại đó một cách thản nhiên rồi. Sang tới ngày hôm sau cả hai con mặc nhiên coi nhau như người một nhà và sống với nhau rất thân thiện. Tuy nhiên, không khí thân thiện đó đôi khi cũng có bị xáo trộn, thường là vào những bữa ăn và ở những trường hợp hạn hữu, khi một miếng xương hay miếng thịt rơi đúng giữa vị trí hai con. Lúc đó buộc lòng Mực phải lấy cả sức nặng của thân thể lao lại để uy hiếp Mèo. Mèo cũng chỉ nhảy tránh lấy lệ, cách xa chỗ đó chừng vài bước, và quay lại phun phì phì, trong khi Mực nhai

ngẫu nhiên miếng xương hoặc miếng thịt, động cơ của cuộc tranh chấp vừa qua.

Sau đó đôi bên lại hòa !

Trở lại chuyện Mèo, Chó của Phú Ông. Sau ngày Mèo chấp tay xin lỗi Chó, hai con sống với nhau thật là hòa thuận. Đôi khi đi vào nhà thấy cái chuồng cũ, Mèo không khỏi thấy vừa sợ vừa buồn cười, vừa vui thích. Sợ là vì nhớ lại những roi vút lên lưng và trận đòn thập tử nhất sinh của Phú Ông ngày nào; buồn cười vì nghĩ đến cử chỉ khả bỉ của Chuột rồi bị mình vồ; vui thích vì thấy Chó đã bớt hung hăng đi nhiều và đã trở thành người bạn thiết với mình. Câu « ghét nhau như Chó với Mèo » thực không còn đầy đủ ý nghĩa quan trọng như xưa nữa.

Rồi Mèo nghĩ nếu quả là mình và Chó đã có thể quên hết mọi hiềm khích cũ để sống hòa thuận thật sự bên nhau thì sao tình bạn đó lại không có thể thực hiện giữa mình và Chuột ?

Và ngay chiều hôm đó Mèo trèo lên cây cau, nhìn sang ổ Chuột trong ống tre, gọi chú Chuột em ra ý muốn trần tình mọi lẽ phải trái rồi đôi bên sẽ sống thân thiện bên nhau kể từ đây.



Nhưng đáp lời Mèo, Chuột em không chịu ra; Chuột em chỉ sai thằng cháu ra nói thác là : « Chú tôi đi vắng rồi. »

Hôm sau Mèo lại trèo lên cây cau gọi. Cháu Chuột lần này ra nói thêu dệt thêm rằng : « Chú Chuột tôi đi vắng để mua các thứ làm giỗ cha chú Mèo. »

Mèo nghĩ thầm :

- Ranh con chỉ nói tầm phào. Giỗ bố mình vào tháng hai, bây giờ mới đầu tháng chín mà lại kêu là đi chợ mua các thứ làm giỗ cha mình. Bố lão !

Rồi thêm mấy lần sau nữa, Chuột em vẫn nhất định không chịu xuất đầu lộ diện và chỉ sai cháu ra nói thác cái câu trí trá nghe mãi thấy chán tai : « Chú Chuột tôi đi vắng để mua các thứ về làm giỗ cha chú Mèo. »

Mèo không biết rằng hai con vật trong một nhà chỉ có thể xóa bỏ hết tị hiềm khi cả hai cùng có thiện chí giúp ích cho chủ !

Khi đó sự phá hoại của Chuột ngày một lớn. Chúng ăn vụng thóc, ăn vụng ngô, tối đến chúng đi từng đoàn ra phá hoại mùa màng ngoài đồng. Khi không có ăn thì bạ cái gì chúng gặm nhấm cái ấy. Thầy đồ nghèo bên hàng xóm có mấy pho sách quý của thánh hiền cũng bị Chuột cắn nát. Rồi chợt cả một vùng lân cận xuất hiện

một thứ bệnh tối nguy

hiêm, mười người bị chết cả mười. Lúc chết người nào cũng thấy mẩn lên khắp mình những nốt đỏ. Về sau các cụ gọi bệnh đó là dịch hạch. Các cụ có ngờ đâu bệnh đó chính cũng lại do loài Chuột gây ra.

Sau đó Mèo hoàn toàn bỏ ý định kết giao với Chuột. Trái lại, nó cùng các con cháu ra tâm rình mò, diệt giống phản phúc ấy cho Phú Ông.

Còn Chó ! Kể từ ngày Chó kết giao với Mèo thành thử ra ngoài việc giữ nhà cho chủ, Chó không còn thú gì tiêu khiển nữa. Sau cùng, thấy Mèo đuổi bắt Chuột suốt ngày, Chó cũng xoay ra đuổi quật Chuột chơi cho đỡ buồn. Nhưng, như chúng ta ai nấy đều biết, Chó bắt Chuột vụng quá lắm. Chó to hơn Mèo nên ở thế bất lợi không luôn luôn mau lẹ bằng. Rất nhiều khi vào lúc trời chiều bảng lảng, Mèo đang nằm trên mái nhà mơ màng nhìn làn khói lam uồn mình trên các mái bếp, hoặc đăm chiêu ngắm ngôi sao hôm mọc sớm lấp lánh đằng Tây, hoặc thả hồn theo tiếng chuông chùa cô tịch, bỗng giật mình tỉnh mộng vì những tiếng xô đuổi lạo xạo dưới nhà. Kế đó đến tiếng hục hặc làu nhàu của Chó. Và bạn nào cũng vậy, Mèo chỉ khẽ lắc đầu thương hại cho ông bạn vụng, rồi lại nằm phục xuống tiếp tục thả hồn vào cảnh chiều man mác của nơi đồng nội thanh bình.

## CON THUYỀN MA

Xưa có một đoàn người hẹn cùng gặp nhau ở miền biên giới nọ. Họ gồm chừng ba mươi tráng sĩ, thân nhau như anh em, đều là những tay phiêu lưu cự phách; chuyến này họ trù tính đi lâu để thăm nhiều miền xa lạ.

Sau mấy tháng vượt đèo cao, rừng rậm, đoàn tráng sĩ tới một miền duyên hải vô cùng hoang vắng, dân cư không thấy bóng một ai, mặc dầu hai bên đường có vô số nhà cửa bỏ không.

Ở đây vừa có bệnh dịch tàn sát dân vùng chằng ? Những người sống sót phải tản cư đi các miền xa lánh nạn chằng ?

Thật ra thì dân chúng tản đi vì họ cho rằng Trời đã bỏ quên không nhìn nhận miền này, để mặc cho yêu khí xuất hiện. Yêu khí xuất hiện thành một hòn đảo, đứng trên bãi cát thì nhìn thấy rõ, nhưng hễ bước xuống thuyền định chèo tới đảo thì lại không thấy gì cả.

Các tráng sĩ cho ngựa leo lên một khoảng cao rộng để phóng tầm mắt nhìn ra xa. Lúc đó mặt trời vừa lặn.

Hoàng hôn.

Trong ánh vàng bâng khuâng của buổi chiều tà, đoàn người phiêu lưu bỗng thấy một niềm hoang loạn nung chảy trong không khí. Cả vũ trụ cơ hồ sắp vĩnh viễn tàn theo buổi chiều. Có điều phải công nhận : ánh hoàng hôn hôm đó tuyệt đẹp. Rừng, núi, biển như cao, rộng thêm. Cả đoàn tráng sĩ có cảm tưởng kỳ dị như đang cưỡi ngựa đi giữa thình không.

Gió ngoài khơi thổi tấp vào núi, không ra nhẹ không ra mạnh.

Thăm thẳm dưới chân họ là một vùng biển bao la.

Mặc dầu họ là những tay phiêu lưu kỳ cựu, mặc dầu họ đã làm quen với biết bao gian nguy mà sao họ đều thấy rờn rợn và làn gió như thổi vào hồn họ những xao xuyên, những kinh hoàng. Họ đắm đuối nhìn cả miền duyên hải với núi non lờm chờm, với những thành đá cao vòi vọi đứng dựng thành một bức tường vô tận chạy thẳng tấp tới chân trời. Tiếng sóng rầm rộ xô vào chân núi và tiếng một loài chim lạ vang lên rõ rệt. Không khí đượm vẻ ma quái hoang vu. Ánh hoàng hôn trước khi tắt chột bùng lên muôn phần huy hoàng. Đoàn người cùng reo vui, vì họ vừa chợt nhận thấy một hòn đảo xuất hiện nơi xa.

Hòn đảo xuất hiện với một khoảng lớn màu vàng đậm. Chính giữa có một vệt sáng lấp lánh. Xung quanh

vệt sáng là đường viền xanh thẫm với những điểm trắng nhỏ lay động luôn luôn.

Một tráng sĩ có biệt tài nhìn xa bèn dùng nhãn lực để quan sát. lát sau tráng sĩ đó nói :

- Màu vàng trên đảo là màu lúa chín. Điểm sáng lấp lánh là hồ nước ngọt, Xung quanh là cây xanh. Bên bờ hồ có một bầy tiên nữ đang nhảy múa. Những điểm trắng lay động lúc tung lên cao làm vòm cây xanh lốm đốm trắng, lúc lả tả rụng xuống như hoa mai gặp gió, đó là những con hạc cứ mỗi điệp khúc lại sà xuống múa cùng bầy tiên nữ.

Ánh hoàng hôn vừa tắt, đảo xa mờ đi như một ảo ảnh sau làn khói lam dâng lên tự mặt biển.

Trời tối hẳn, phía trước có ánh sáng. Ánh sáng reo vui. Ánh sáng chào đón.

Đoàn tráng sĩ cho rằng nơi đó có người ở bèn lần theo con đường dốc thoai thoải, xuống bờ biển, tiến lại gần. Thì ra đây là một chiếc thuyền khá lớn, đủ chứa cả bọn. Thấy trên thuyền thấp thoáng có bóng người, họ bèn leo lên. Đó là viên thuyền trưởng, dáng người vạm vỡ, vẻ mặt làm lì, rõ ra là một đại du khách đã dạn dày với sương gió.

Viên thuyền trưởng nói có thể chở mọi người đi xem đảo Cự Lạc gần đó.

Cả bọn hỏi : « Đảo Cự Lạc như thế nào ? »

Viên thuyền trưởng đáp : « Đảo này bốn mùa hoa cỏ tốt tươi, cây cối sầm uất, có đủ các thứ lúa đã chín vàng, gặt đi rồi tự nó lại mọc. »

Ai nấy vui vẻ buộc ngựa lại trên bờ, bên một hốc núi, rồi lên thuyền.

Họ định đến thăm đảo rồi sẽ quay về xứ sở đón những người thân cùng đến hưởng hoa thơm, quả lạ và gặt lúa vàng ở đây.

Viên thuyền trưởng tức khắc đẩy thuyền ra khỏi bờ. Vì trên thuyền không có thủy thủ, nên viên thuyền trưởng nhờ mọi người cùng chèo giúp. Ai nấy đều vui vẻ vào việc mà không biết đã lên nhầm một con thuyền ma.

Rồi với vùng ánh sáng do chính con thuyền tỏa ra, viên thuyền trưởng nói là sẽ đưa mọi người đến đảo Cự Lạc.

Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền di chuyển đều do sức chèo của đoàn người ưa phiêu lưu.

Cứ như thế lâu lắm.

Chợt một người trong bọn hỏi viên thuyền trưởng : « Tại sao trên trời không có lấy một vì sao ? »

Viên thuyền trưởng đáp : « Đường đi tới đảo Cự Lạc không có sao. »

Sự thực đêm hôm đó sao đẹp lắm. Giải Ngân Hà vắt ngang trời rộng và hiền như tình mẹ. Muôn vàn vì sao nhỏ như những mảnh lân tinh vụn chìm dưới đáy hồ trong vắt. Đây đó một vài ngôi cực sáng như qui tụ cả niềm hoang lạc của khoảng trời. Phương Tây, ngôi sao Hôm lấp lánh một niềm tin bất diệt. Phương Bắc ngôi sao Tinh Đầu hướng chéch lên như chiếc xe chở các thiên thần đương lên một cái dốc thoải thoải.

Tiếc thay đoàn người phiêu lưu ngôi trên con thuyền ma bị yêu khí che lấp, nên không ai nhìn thấy gì.

Mọi người lặng lẽ chèo...

Tiếng chèo khua nước vang ra một khoảng rộng trên mặt biển.

Cứ như vậy khá lâu.

Một lúc sau, chợt trong bọn lại có người khác lên tiếng hỏi : « Trên trời không có sao thì làm thế nào nhận được phương hướng ? »

Viên thuyền trưởng đáp : « Chính tôi là phương hướng rồi, đừng ai nghi ngại gì cả. »

Mọi người lại lặng lẽ chèo...

Những đợt sóng từ xa liên tiếp ủa tới, vỗ vào mạn thuyền như muốn gửi lên khoang thuyền một phần bí mật rộng lớn của biển cả.

Chợt một người khác nữa trong bọn hỏi : « Trời không có trăng sao soi sáng, thuyền đâm vào núi đá thì sao ? »

Viên thuyền trưởng đáp : « Với vùng ánh sáng do chính thuyền tỏa ra đủ để soi sáng cho thuyền khỏi đâm vào núi đá. »

Sự thực, khi đó trăng hạ tuần lên cao đã từ lâu. Ánh trăng hiền dịu tỏa nhớ nhưng, thơ mộng lên khắp mặt biển mênh mông. Trăng nước u hoài như dìu nhau đi vào vô tận.

Tiếc thay đoàn người phiêu lưu ngồi trên con thuyền ma, bị yêu khí che lấp nên chẳng ai trông thấy gì.

Mọi người lặng lẽ chèo...

Tiếng mái chèo khua trên sóng nghe sao hoang mang. Đôi khi như ghen ngào. Đôi khi như thỗn thức.

Cứ như vậy lâu lắm... lâu lắm...



Chợt một người khác hỏi : « Quái, đáng lẽ phải qua đêm rồi mới phải, sao trời vẫn tối mò thế này ?»

Viên thuyền trưởng đáp : « Trước khi tới đảo Cực Lạc, không ai thấy ánh mặt trời. Đường đi như vậy. »

Sự thực lúc ấy mặt trời đã ló ở dãy núi xa xa, mặt biển mênh mông phản chiếu màu hồng rực. Chỉ một loáng sau, mặt trời lên cao, vũ trụ chan hòa nắng vàng, sóng nước chuyển từ màu xanh thẫm sang màu cẩm thạch tuyệt đẹp.

Tiếc thay, đoàn người phiêu lưu ngồi trên con thuyền ma, bị yêu khí che lấp nên không ai nhìn thấy gì.

Mọi người lặng lẽ chèo. Họ là những người ưa phiêu lưu. Kiên nhẫn là đức tính cố hữu của họ. Bóng đêm mênh mông chụp lấy họ càng như khuyến khích thái độ lặng lẽ và chí kiên nhẫn đó. Có lẽ họ đã chèo như vậy trong nhiều ngày qua rồi. Đôi khi cũng có người cất tiếng hỏi xem đã sắp tới đảo Cực Lạc chưa, thì viên thuyền trưởng vì mãi lái thuyền mà không đáp. Thành thử câu hỏi đó vang lên như một câu tự hỏi trong đáy linh hồn của từng người một. Về sau họ đều ngẫm cảm thấy rằng thái độ khôn ngoan hơn cả để bảo tồn sinh mạng là không nên hỏi gì nữa. Viên thuyền trưởng càng trở nên lảm lì, như đương dùng hết sức mạnh của suy tưởng để sai khiến đoàn người phiêu lưu suy tưởng theo

một hướng mà hẳn quyết định.

Con thuyền chòng chành.

Cả khối đen xung quanh chuyển động dữ dội.

Bão biển !

Thuyền xô lên cao, nhào xuống thấp, ngã nghiêng kinh hồn. Rồi biển sủi lên sùng sục như một lớp dầu sôi. Tiếng gầm thét trở nên dữ dội như muốn xé màng tai. Mọi người mở to mắt vì khủng khiếp.

Thuyền nhào lộn giữa cơn thịnh nộ của biển cả, vấp phải những tảng đá ngầm; nhiều chỗ dập nát. Trong khi chống đỡ với cuồng phong đã có mấy người tử nạn. Viên thuyền trưởng bảo mọi người khiêng những xác đó đặt vào những chỗ thủng. Hẳn niệm chú. Tự nhiên xác chết rữa ra thành một thứ keo dính vào thuyền và lấp kín những chỗ hư đó.

Phong ba dịu dần rồi hết.

Dưới vùng ánh sáng do chính con thuyền tỏa ra, viên thuyền trưởng nói : « Nhất định thuyền sẽ tới đảo Cực Lạc ! »

Mọi người lặng lẽ chèo...

Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của đoàn người ưa phiêu lưu khi đó đã vắng mất vài bóng người. Họ vừa chèo vừa đưa mắt nhìn về phía thuyền hư, nơi có xác bạn họ rửa ra để hàn thuyền.

Chợt sóng gió lại nổi. Mặt biển như phân chia ra thành muôn ngàn luồng nước mãnh liệt, đổ dồn về phía thuyền, biển chỗ đó thành vực thẳm, hợp với vòm trời thành một khối tròn rùng rợn.

Tiếng biển réo lên như muôn vàn thác đổ. Sóng biển còn lên. Lắm khi thuyền như nhào lộn giữa một hàm dài bằng sóng. Lắm khi thuyền vút nhô lên chênh vênh trên đỉnh của một ngọn sóng. Lúc đó mọi người cùng thấy biển ngàu bọt. Màu bọt thấp thoáng trắng giữa những khoảng đen lớn bóng loáng như bôi mỡ. Có lúc biển dựng đứng trên đầu như một bức thành vạn cổ.

Sự quái đản cùng cực đó đã khiến đoàn người càng trở thành vô cùng bình tĩnh.

Thuyền tránh sao khỏi đá ngầm. Thêm mấy người tử nạn.

Xác nạn nhân lại được khiêng đắp vào chỗ thủng mới để viên thuyền trưởng niệm chú cho tan rửa ra và gắn vào thuyền. Sóng gió ngót dần...

Dưới vùng ánh sáng do chính con thuyền tỏa, viên thuyền trưởng nói mấy lời khích lệ : « Thuyền nhất định sẽ đến đảo Cực Lạc ! »

Trời không một vì sao. Biển mênh mông, ánh nước đen ngòm. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của đoàn người phiêu lưu còn lại.

Chợt khỏi đen mênh mông lại chuyển động. Trời ơi, họ không ngờ cuộc phiêu lưu này gặp nhiều gian lao đến thế. Cả đoàn người hãi hùng. Trong bóng tối mênh mông, đại dương như biến thành một con quái vật có đời sống thực sự. Và là một con quái vật luôn luôn giận dữ !

Trong khi chống giữ với trận cuồng phong mới, đoàn người phiêu lưu có nghĩ đến những con ngựa mà toàn thể bọn họ buộc trên bờ, bên hốc núi. Có lẽ những con ngựa đó dứt được giây cương mà quen lối trở về quê hương rồi chăng ? Họ mong như thế lắm. Họ mong cho đoàn ngựa với linh tính phú bẩm sẽ tìm được lối về quê cũ.

Trước đây họ ngỡ có thể đến đảo Cực Lạc ngay để rồi còn quay trở về đón những người thân đến sau. Giờ đây, họ chỉ dám mong chính họ thoát mọi hiểm nghèo mà tới được đảo.

Thuyền tung lên... Rồi nhào xuống... Rồi những lỗ thủng.... Rồi những người tử nạn...Rồi viên thuyền trưởng niệm chú.... Con bão biển này vừa qua, con khác vội tới. Chính lúc bão ngớt lại là lúc họ có thì giờ để ôn hết mọi hãi hùng. Nghe lớp sóng mỏng trốn mạn thuyền, họ cảm thấy như đây là sự tuần hoàn, sự hô hấp của con quái vật. Sau mỗi cơn điên, con quái vật lại nằm thở lấy sức để sửa soạn một cơn khác kinh hoàng hơn.

Mà quả vậy, càng những cơn phong ba về sau, sóng gió càng dữ dội. Có lần ngọn gió cuồng loạn như muốn thổi tung mọi người lên cao. Nhưng, con thuyền như có một sức hút kỳ dị, mọi người chỉ bám vào mạn thuyền mà không ai bị hất ra ngoài bao giờ. Ngay cả những kẻ vừa tử nạn, chân tay buông rời khỏi mọi bầu vú mà cũng vẫn còn lại trong thuyền để dùng vào việc gắn những chỗ dập nát sau này !

Thuyền đã thủng khắp nơi và có nghĩa là khắp nơi đều có gắn xác người.

Tuy phải luôn luôn chống lại với phong ba, trí nhớ đoàn người phiêu lưu vẫn rất sáng suốt. Họ nhớ chỗ nào đã gắn xác bạn nào. Có thể nói con thuyền giờ đây họ chèo là con thuyền làm bằng xác bạn đồng hành xấu số của họ. Đã có người trong bọn họ tự đặt thềm một nghi vấn : « Hay chính con thuyền đó đã làm bằng xác biết bao nhiêu người xấu số trước họ ?»

Điều đó càng khiến họ cảm thấy một mối tình xót xa đối với chính con thuyền đã đưa họ vào bước phiêu lưu gian khổ này.

Họ không còn mong chóng tới đảo Cực Lạc nữa. Họ chỉ mong con thuyền đi ngang qua bất cứ hòn đảo nào. Khi đó chắc chắn họ sẽ trút cả nỗi căn hờn căm lạng bấy lâu xuống hai bàn tay sắt rồi xông lại bóp nghẹt cổ tên thuyền trưởng, xé xác nó thành từng mảnh trước khi cùng nhảy xuống biển bơi vào.

Ngày đó có tới chãng ?

Họ tin rằng sẽ có !

Họ muốn rằng phải có !

Nhưng trong khi chờ đợi, sóng gió hầu như trở thành liên miên. Thuyền vẫn va vào đá ngầm mà không đắm, bởi mỗi khi thuyền rập nát, trên thuyền đã có người tử nạn để vá vào chỗ thủng đó.

Tiếng gió gầm nghe như u uất. Khí âm, khí dương cách biệt nghẹn ngào. Trong không trung, quỷ thần như căm hờn oán trách. Trời biển ngạt đẫm hơi độc.

Tới một ngày kia, trên thuyền chỉ còn lại mấy người sống sót.

Số người càng ít, mối hận thù càng lớn, càng nặng. Họ mệt mỏi lắm rồi. Họ muốn quảng mái chèo xông tới quyết sống mái với tên thuyền trưởng rồi có bỏ xác lại cũng cam. Nhưng chính những người ưa phiêu lưu đó lại sợ xác mình phiêu lưu trên biển. Bởi vậy họ bảo nhau cố chèo riết. Họ bảo nhau trèo mền lấy con thuyền, phương tiện độc nhất có thể đưa họ ngang qua bất cứ hòn đảo nào. Họ chỉ từng chỗ thuyền thủng và nhắc rành rọt từng tên người bạn xấu số. Nhắc như vậy họ thấy lòng nhẹ nhõm, bởi mỗi người trong họ đều nghĩ :

- Mai đây không may đến lượt ta, chắc các bè bạn còn lại cũng sẽ nhắc luôn đến ta.

Họ đưa mắt nhìn ra bốn phía, soi mói tìm, hy vọng họ thấy một hình nổi mờ nhạt trong khoảng mênh mênh, báo hiệu sự hiện hữu của hòn đảo ngang qua. Rồi họ đưa mắt nhìn nhau để thăm trao ý nghĩ : phút hạnh ngộ đó mà tới thì dù trên thuyền chỉ còn một người - một người mang oán cừu cho cả đoàn người. người đó hãy trút cả khối nặng oán cừu xuống đôi bắp tay thép mà vung mái chèo lên phang nát mặt hình hài tên thuyền trưởng điêu ngoa trước khi nhảy xuống biển bơi vào hòn đảo cứu tinh. Còn linh hồn nó, trốn thoát sao khỏi oan hồn bao người tử nạn ! Oán cừu phải gặp oan cừu mà tiêu tan để giải tỏa cho đại dương được nhìn thấy vòm trời.

Nhưng...

Trong khi chờ đợi, trời vẫn không một vì sao. Biển càng mênh mông, ánh nước càng đen ngòm sau mỗi cơn bão. Con thuyền vẫn di chuyển đều do sức chèo của một số nhỏ những người ưa phiêu lưu còn sống sót.



## MÃNG XÀ NỮ VƯƠNG

Ngày xưa, tại một làng miền Trung du có một chàng học trò họ Trần. Chàng mồ côi cha từ sớm. Thoạt tiên được mẹ nuông chiều, chàng mải rong chơi tới ngày. Chợt một chiều nắng quái, nhìn mái tóc mẹ trắng phau (lúc đó mẹ chàng đang ngồi khâu vá ngoài hiên) chàng mới giật mình tự nghĩ : « Chết chưa, nếu ta không lo lập thân tu tính thì mai đây làm sao báo hiếu được mẹ già ?»

Chàng ra công học hành đến nỗi một năm sau thầy đồ làng không còn đủ sức dạy chàng nữa. Thầy đồ bèn dẫn chàng tới nhập môn một bậc hiền giả mà thảo luận dụng bên kia thung lũng.

Kể từ đây, ngày ngày chàng phải thức giấc từ giữa canh tư, rời khỏi làng qua khu rừng rậm chân núi, vượt đèo Ngang. Khi chàng sang tới nhà thầy, ở thung lũng bên kia, phía Đông, thì cũng đã cuối giờ Mão và trời hửng sáng từ lâu rồi. Học xong, chàng trở về làng ngay để kịp hầu hạ mẹ già. Tuy vất vả thật, nhưng chàng vui với sách đèn, vui với đạo hiếu nên quên cả mệt. Duy có một điều chàng hơi lo ngại là tại khu rừng rậm ở chân núi kia đã từ ba trăm năm nay hình như có một giống yêu quái nào đến ở thì phải. Nó vẫn thường hiện hiện giữa ban ngày.

Hỏi rằng đã có một người tiểu phu hay một khách qua đường nào bị yêu quái trêu chọc ? Tuyệt nhiên là chưa. Nhưng rất nhiều khi trời đương trưa bỗng có một cơn gió lạ như từ bốn phía lùa lại khu rừng và mọi người đổ xô ra xem, thì một trăm lần y như cả trăm, ai nấy thấy rõ ràng những ngọn cây rừng, những hoa, những búp như rạp xuống dưới một sức nặng vô hình.

Khoảng xẹp đó rất lớn. Những người ở ngay dưới khu rừng nhìn lên thì không hiểu hình thù khoảng đó ra sao, nhưng với những người được chứng kiến cuộc hiển hiện này từ xa, họ thấy khối đẹp ngoằn ngoèo như hình một con trăn lớn. Và lần nào cũng như lần nào, tuy run sợ mà tất cả những người nép ở dưới rừng hay ở ngày rìa rừng đều nhận thấy có mùi hương thơm nức. Sự hiển hiện đó tuy không gây thiệt hại gì nhưng vẫn có tính cách quái đản khiến những người dân quanh vùng mỗi khi qua khu rừng đều e dè sợ sệt, cố ý cắm đầu bước nhanh. Còn ban đêm thì hầu như tuyệt nhiên không ai dám qua lại chốn đó nữa. Như vậy chàng thư sinh hiếu hạnh kia, hàng ngày phải qua khu rừng vào lúc tàn canh, tránh sao khỏi bồi hồi e ngại ?

Nỗi lo lắng đó, đã có lần chàng ngỏ cùng thầy và được thầy dạy rằng : « Con là học trò chăm ngoan theo đạo thánh hiền, con luôn luôn ăn ở hợp với đạo Trời, như vậy thì yêu tinh nào dám hại con ? »

Nghe lời thầy, từ đây chàng mới yên lòng.

Đã ba năm qua, chàng đi học băng qua rừng như vậy, qua rừng vào đúng lúc bóng đêm còn đậm nét, tiếng rừng còn quá âm thầm mà không hề thấy động tĩnh gì, mặc dầu những cuộc hiển hiện quái đản với những cơn gió kinh hoàng vẫn hằng xảy ra vào trưa, giữa trưa êm ả mùa xuân, giữa trưa gay gắt mùa hạ, giữa trưa hiu hắt mùa thu, hoặc giữa trưa thê lương của ngày đông tháng giá.

Năm đó nhà vua hạ chiếu chỉ mở khoa thi. Trần Sinh càng mải miết đêm ngày đèn sách. Trên đường đến nhà thầy, chàng thường lẩm nhẩm ôn bài, lẩm khi qua khỏi khu rừng lúc nào không biết. Cũng may, vì qua lại đã quá lâu năm nên đường đi chàng thuộc lầu từng quãng, chưa hề bị lạc lần nào.

Tới buổi tan học kia, Trần Sinh dậy từ đầu canh tư, chàng cấp sách ra đi ngay. Đó là một đêm rằm, trăng sáng vàng vạc như ban ngày. Vì lần này là buổi học cuối cùng, chàng cần đến sớm để nghe lời thầy dặn dò. Chàng vừa đi vừa lẩm nhẩm ôn lại bài. Trăng càng về gần sáng càng lạnh biếc. Trần Sinh đã đi sâu vào khu rừng thăm thẳm, nhìn ánh sáng chiếu lổ chỗ trên mặt đất, chàng tưởng như có muôn ngàn cánh hoa mai vừa rụng. Những cánh hoa ánh sáng đó phản chiếu giao hòa với nhau khiến Trần Sinh ngỡ đã rạng đông. Khi nghe

tiếng chim từ qui còn khắc khoải chàng mới dám chắc chắn rằng còn lâu trời mới sáng.

Chợt Trần Sinh dừng bước né vội sang một bên.

Chàng tưởng mình sắp đâm đầu vào một dáng thướt tha áo trắng. Định thần nhìn lại. Nào thấy bóng ai ? Chàng chỉ thấy ngay bên tay phải mình có một cây nhài, hoa nở trắng xóa gần như phủ lấp cả bụi, mùi hương thơm nức. Chàng lim dim ngắm những bông hoa đầm sương, ngời sáng dưới ánh trăng biếc, khiến bụi hoa tựa một cái mũ bình thiên có nạm ngọc.

Trần Sinh tự nhủ thầm :

- Có thể chứ, trong rừng sâu lúc khắc vội canh tàn này, còn thiếu nữ nào dám qua đây.

Chàng lại cắm cúi đi, trí tập trung vào trang sách vô hình, miệng tiếp tục lẩm nhẩm ôn bài. Chợt chàng nhảy vội sang bên đường. Rõ ràng chàng nhìn thấy bóng một nàng áo đỏ vừa lướt tới. Chàng bàng hoàng định thần nhìn lại. Xung quanh vẫn lặng ngắt như tờ. Chàng chợt chú ý tới bụi cây bên trái. Đó là bụi hoa lựu rừng. Vì bông hoa nào cũng đầm sương nên cả bụi hoa đỏ rực dưới ánh trăng. Nhiều bông sương đọng ngập bầu hoa nên mỗi khi có làn gió đưa đẩy, chúng chợt lấp lánh như kim cương. Lúc đó Trần Sinh mới hoàn hồn và cũng

như lần trước, chàng nhủ thầm :

- Có thể chứ, trong rừng sâu lúc khắc vội, canh tàn này, còn con gái nhà ai dám qua đây nữa.

Rồi chàng lại cầm cúi đi nhưng vì lòng còn nghi hoặc nên luôn luôn định thần nhìn về phía trước, không lằm nhằm ôn bài nữa. Một lát sau, chàng ra khỏi rừng sắp sửa lên đèo. Phía Đông bắt đầu ràn rạng. Ánh trăng chỉ còn thảng thốt mờ hồ đọng trong những lùm cây sâu thẳm.

Tới nhà thầy, sau khi đã ôn lại các bài quan trọng, sau khi đã nghe thầy căn dặn kỹ lưỡng nghi lễ nhập trường thi, Trần Sinh có kể lại thầy nghe chuyện lạ tưởng như vừa gặp trong rừng.

Hiền giả cười bảo chàng :

- Con không có điều gì đáng lo ngại cả. Nếu quả đây là thần núi hiện lên thì theo điềm xưa : gặp Bạch y Tiên nữ, đi thi thế nào cũng gặp may, nếu gặp cả Hồng y Tiên nữ thì con sẽ đỗ đầu hai khóa liền.

Quả nhiên sau đó Trần Sinh đỗ thủ khoa ngay khóa đầu, rồi vào kinh thi Hội lại chiếm bảng Khôi nguyên lần nữa. Chàng được nhà vua ban áo mũ, cho phép về làng vinh quy bái tổ, để rồi sẽ trở lại triều đình làm quan đại thần. Về gần tới quê, chàng mới hay khi mình vào

kinh thi, ở nhà mẹ đã bị bạo bệnh mất. Chàng dâng sớ xin vua cho ở lại quê nhà cư tang, rồi dựng lều ngay bên mồ mẹ, ngày đêm hương khói trong ba năm liền.

Vừa hết đại tang, Trần Sinh sửa soạn qua thung lũng tạ ơn thầy.

Nhớ lại trước đây hồi còn đèn sách, Trần Sinh cũng dậy từ giữa canh tư rồi theo đường cũ đến nhà thầy.

Đó là một đêm hạ tuần. Vành trăng như chiếc lược bạn trôi lững lờ trong biển mây. Ánh trăng bờ ngõ tỏa xuống vạn vật hiện thành những bóng bâng khuâng, như thương, như tiếc, như chờ đợi, như nhớ nhung. Chàng đi được một quãng thì mây đen từ đâu kéo đến tỏa rộng kín trời. Gió lớn. Vừa bước vào cửa rừng thì mưa lớn. Nước theo triền dốc đổ xuống ào ào khiến chàng không nhận thấy lối cũ. Một lúc sau, hoàn toàn mất phương hướng, chàng lảo đảo mãi trong rừng hoang dưới trận mưa ngày một lớn. Tiếng nước rào rào như thác tự trời đổ xuống. Vừa bị lạnh, vừa lo sợ, Trần Sinh còn đang lúng túng, chợt nhận thấy từ phía trước có bóng người thoăn thoắt đi lại. Vui mừng, chàng tiến vội lên. Đó là một người con gái. Cả hai cùng dừng lại đối diện nhau. Giữa cơn bão táp, giữa rừng tối đen mà không hiểu sao chàng thấy rõ được vẻ hoa kiều diễm của nàng. Nàng mặc quần áo đen, đôi mắt cũng đen như vậy, nhưng bóng bẩy, thăm thẳm và vô cùng heo hút. Có điều Trần

Sinh nhận thấy sự gặp gỡ đó như quyền lấy đời chàng, khiến tự nhiên chàng cảm thấy lòng ấm áp.

Chàng cất tiếng lễ phép hỏi :

- Dám thưa quý nương, chẳng hay người có việc gì vội mà phải qua rừng vào lúc này ?

người con gái đáp, giọng êm như ru :

- Thiếp họ Lưu, nhà nghèo, mẹ già mới mất. Vì việc lo ma chay vừa qua tiêu pha tốn kém nên hôm nào thiếp cũng phải thức dậy từ canh tư, vượt qua khu rừng này sang bên kia thung lũng dệt vải thuê cho đến chiều mới về. Hôm nay chẳng may vừa đến cửa rừng thì gặp cơn mưa bất ngờ.

Trần Sinh cũng kể lại việc mình đi tạ ơn thầy, chẳng may gặp mưa rồi lạc đường.

người con gái nói :

- Tiên sinh học đã thành tài nay sang nhà thầy, thiếp tưởng không có điều gì đáng vội. Gần đây có tòa miếu cổ, thiếp xin đưa chàng tới đó chờ ngớt mưa hãy lên đường.

Không đợi chàng trả lời, người con gái thoăn thoắt đi trước. Trần Sinh vội vã theo sau. Quả nhiên đi được một quãng nhỏ thì có tòa miếu cổ thật.

Trần Sinh vừa bước lên thềm hiên để trú mưa thì người con gái nói :

- Thung lũng mà tiên sinh sắp đi tới ở phía Đông, thung lũng thiếp tới dệt vải ở phía Tây, lát nữa tiên sinh cứ theo đường trước đền mà đi sẽ tới cửa rừng.

Nói đoạn nàng đi thẳng.

Trần Sinh hốt hoảng như vừa để rơi một vật báu, vội vàng gọi giật lại :

- Trời vẫn mưa lớn, xin quý nương hãy tạm trú cùng tôi nơi đây đã.

người con gái vẫn thoăn thoắt bước đều, ngoái cổ lại nhìn chàng, vẫn với đôi mắt xa vời và thăm thẳm ấy, rồi nói :

- Thiếp đi dệt vải thuê lấy tiền trả nợ, việc không thể chậm trễ được.

Rồi khuất bóng. Áo đen mát hút trong đêm mưa.

Trần Sinh tần ngần đứng nguyên chỗ cũ cúi đầu suy nghĩ. Mưa tạnh lúc nào không biết. Chàng đi thẳng theo hướng trước đền. Ra tới cửa rừng trời vừa sáng.

Đến tạ ơn thầy xong, buổi chiều trở về, chàng tìm lại đường đến ngôi đền. Gió rừng heo hút xung quanh lặng



ngắt như tờ.

Tới nhà, suốt đêm hôm ấy, rồi mấy đêm sau

nữa, chàng trần trọc không sao ngủ được. Hễ chợp mắt y như mơ thấy người con gái mặc quần áo đen với khuôn mặt tươi như hoa, với màu da trắng như mỡ đông, với đôi mắt thăm thẳm xa vời.

Tới đêm thứ tư, chàng không nén nổi sầu tương tư; khoảng canh tư, chàng vùng dậy đi thẳng đến khu rừng. Đêm hạ tuần đó trời quang, không gợn một gợn mây nào. Mảnh trăng lưỡi liềm trắng lộng tỏa ánh sáng dịu dàng. Không hiểu sao, Trần Sinh linh cảm thấy nhất định chàng sẽ gặp được người con gái họ Lưu đêm nay.

Quả nhiên, một lát thấy có tiếng động phía sau, chàng quay vội lại đã thấy nàng đứng trước một bụi nhài, hoa nở trắng xóa. Đêm nay nàng mặc áo lụa bạch càng khiến nước da nàng trắng mát. Trần Sinh mạnh bạo tiến lên, nàng vẫn đứng nguyên hơi mỉm cười nhìn lại.

Trần Sinh thổ lộ hết nỗi mong nhớ của chàng từ đêm được gặp nàng lần đầu. Càng nói, giọng chàng càng thiết tha, càng say sưa với chính lời nói của mình. Khi sự tĩnh, chàng thấy mình đã nắm lấy tay nàng lúc nào không biết. Da nàng êm mát làm sao !

Thấy nàng không có vẻ kháng cự, Trần Sinh tiếp :

- Nếu nàng bằng lòng, tôi sẽ mang trầu cau đến xin cưới nàng làm vợ.

Lúc ấy người con gái mới nói :

- Mẹ thiếp đã mất, họ hàng chẳng còn ai, nếu chàng có lòng thương đến thiếp, xin cứ cho tấm lụa may áo là đủ.

Được lời như cởi tấm lòng, chàng muốn xin theo nàng về nhà ngay thì nàng đáp :

- Xin chàng hãy trở về, ngày mai cũng giờ này, gặp thiếp ở đây và mang cho thiếp tấm lụa như đã hứa.

Trần Sinh ngoan ngoãn vâng lời. Đi được một quãng, chàng quay lại còn thấy nàng đứng nguyên chỗ cũ, tà áo trắng dịu dàng phơ phất dưới trăng, đằng sau là bụi nhài, hoa trắng xóa.

Hôm sau Trần Sinh mua lụa mang đến trao cho nàng đúng chỗ cũ. Nàng nói :

- Thiếp còn năm hôm nữa thì dệt xong vải trả nợ, chàng hãy nán đợi đến hôm đó đón thiếp ở đây.

Qua năm đêm khó ngủ, đến ngày hò hẹn Trần Sinh tới nơi, quả nhiên đã thấy người con gái yêu kiều đó

đứng đợi chàng chỗ cũ. Nàng mặc quần áo lụa, thứ lụa chàng mua tặng nàng.

Trần Sinh hỏi :

- Chẳng hay hôm nay nàng có thể đưa tôi về thăm nhà được chăng ?

Nàng đáp :

- Xin chàng theo thiếp.

Rồi thoăn thoắt đi trước. Trần Sinh rảo bước theo sau, nhiều khi phải cố gắng mới kịp được nàng.

Hai người đi xuyên sâu vào giữa rừng. Chợt Trần Sinh thấy hiện ra trước mắt một cửa rừng khác. Khi đó trời cũng vừa hừng sáng.

Ra khỏi rừng là một thung lũng xinh xắn, có ruộng mạ non, có rất nhiều cây hoa và đặc biệt khoảng giữa có một dòng suối trong veo chảy qua. Hai bờ có hai hàng cây lá lấp lánh trắng như bạc mà hoa thì vàng. Trên một gò cao sát ngay bờ suối là một mái nhà tranh xinh gọn.

Tới nơi, người con gái nói :

- Đây là nhà thiếp.

Trần Sinh hỏi :

- Ruộng mạ xanh kia do nàng cấy ?

- Ở thung lũng này màu rất tốt, mỗi năm thiếp cấy được hai mùa, mỗi mùa thiếp để ra chừng một tháng để làm công việc đó.

Trần Sinh suy nghĩ rồi ướm hỏi : - Nàng có ưng theo về quê tôi chăng ?

người con gái hỏi lại :

- Nơi đây chàng không ưng hay sao ?

Trần Sinh chưa biết trả lời thế nào, hỏi tiếp :

- Nàng ở đây một mình ? người con gái đáp :

- Từ khi mẹ già thiếp mất, thiếp vẫn ở đây một mình.

- Một mình trong rừng sâu thế này nàng không sợ sao?

- Thiếp mồ côi cha từ sớm. Mẹ thiếp trước đây vẫn thường nói nơi đây do cha thiếp chọn, đất tốt, suối lành, không có thú dữ, không có yêu ma, ai ở cũng được, miễn là có hiền đức.

Sự thực ngắm địa thế, Trần Sinh cũng cảm thấy nơi đây quả là đất lành. Xung quanh rừng sâu thăm thẳm,

núi cao vòi vọi, dòng nước tươi sáng chảy qua cánh đồng xanh kia như tượng trưng cho cái bất tuyệt.

Nàng hỏi :

- Chàng đã có lòng thương đến thiếp thì dù đi đâu thiếp chẳng phải theo. Thiếp biết chàng đương lo nghĩ về quê quán cùng mồ mả tổ tiên, nhưng nơi đây có xa quê chàng là bao ? Nếu chàng ưng ở đây, rồi sau này muốn về thăm quê lúc nào chẳng được ?

Lời nàng dễ thương, lý nàng đ đoan chính, Trần Sinh đưa mắt nhìn cảnh vật quanh mình một lần nữa : cảnh vật êm đềm trầm mặc như chốn thần tiên.

Chàng bằng lòng ở lại.

Đêm hôm đó không có trăng, nhưng ánh sao vằng vặc lấp lánh như nhậy òa xuống tắm lấp lánh trên dòng suối. Chàng làm lễ hợp cẩn cùng nàng.

Ngày tháng êm đềm. Đã đủ bốn mùa trôi qua. Cánh đồng xanh đã hai lần biến đổi màu mạ xanh ra lúa vàng. Dưới mái nhà xinh có khung cửi. Khi không phải làm mùa, nàng chăm chỉ ngồi dệt lụa.

Trần Sinh cũng đã một lần về thăm quê rồi trở lại. Bên người vợ hiền, trong một khung cảnh thần tiên chàng sống như trên được giao cảm với tạo vật, dưới được làn

bạn với cái ngoài sống chết.

Rất nhiều khi chàng mơ thấy sinh hạ được một đứa con giống cả cha lẫn mẹ, xinh ơi là xinh, nhưng khi chàng tỉnh dậy chàng chỉ thấy vợ nằm bên mình thêm thiếp. Hương xuân, một mùa xuân bất diệt như tràn ngập trong phòng.

Trần Sinh nhận thấy, cứ mỗi năm một lần vợ chàng xin vắng mặt một ngày nói là đi hái lộc rừng. Ba năm qua chàng thấy thêm rằng ngày nàng vắng nhà đó bao giờ cũng đúng vào ngày mừng năm tháng năm.

Chàng còn chú ý một điều, tuy thoát tiên như hư như thực nhưng càng về sau càng rõ ràng, là sau một ngày đi vắng, khi trở lại nàng trẻ đẹp lên bội phần.

Rồi cứ hàng năm, hễ đến ngày thấy vợ xin phép đi hái lộc rừng, rồi khi trở về với sức đẹp nuốt nà, Trần Sinh lại nhớ ngay ra ngày đó là ngày mừng năm tháng năm.

Đã mười năm qua chàng thấy vợ vẫn trẻ đẹp như ngày nào mới kết đôi.

Đã mười năm qua chàng sống mặn nồng, say đắm bên người vợ hiền dịu như tiên giáng trần.

Đã mười năm qua mà chàng tưởng như chưa hết một ngày ân ái.

Chàng tự thấy tâm hồn sáng khoái, thân thể vạm vỡ, tai thính, mắt sáng. Chàng cảm thấy rõ ràng chính chàng rồi cũng mãi mãi trẻ đẹp như vợ. Nỗi vui của chàng lớn như núi rừng, tươi như hoa, trong như suối và huyền ảo như hàng cây lá bạc hoa vàng đứng soi mình bên giòng nước kia.

Đi bất cứ đến đâu, nhìn bất cứ cái gì nghe bất cứ tiếng gì chàng đều thấy đấy là những hình ảnh, những âm thanh của Hạnh Phúc.

Sự sung sướng tràn ngập hồn chàng đến nỗi đã nhiều khi chàng ngồi lặng bên vợ cho đến nửa đêm

để ngắm nàng thoãn thoắt đưa thoi dệt vải. Rồi khi nàng đã lên giường thêm thiếp giấc nồng, chàng lại ngồi cho đến suốt sáng, ngắm vẻ đẹp luôn luôn thay đổi nhưng bao giờ cũng hiền dịu chung thủy.

Cái đẹp của nàng quý giá nhất ở chỗ làm cho chàng say mê mà không bao giờ điên đảo.

Sang năm thứ mười một của cuộc tình duyên, chàng nảy ý định quyết nhớ ngày mừng năm tháng năm để rình lên xem nàng hái lộc rừng nơi nao.

Ngày đó tới, chàng đã phải cố gắng vất vả lắm mới theo kịp hút vợ tới một thung lũng hẻo lánh, xung quanh cây cao lá rậm um tùm. Chàng thấy nàng cởi hết quần

áo, khóa thân rồi rùng mình hiện thành con trăn cực lớn đương cuộn khúc, đầu ngồng lên cao.

Trần Sinh bàng hoàng kinh hãi, hai tay vịn vào một thân cây gần đây và định thần nhìn xem sự thể ra sao. Chàng thấy con trăn chuyển động rồi duỗi khúc ra. Thân nó tròn trùng trục và có điều kỳ dị là từng khúc phản ánh lại những màu sắc của hoa lá ngay bên cạnh. Đầu nó lẩn trong bóng tối màu đen, khúc nào gần lá cây thì phản ánh màu xanh, khúc nào gần các cụm hoa tím, trắng, đỏ thì phản ánh những màu tím, trắng, đỏ. Nó thành con trăn muôn màu trông càng muôn phần ghê rợn. Nó chuyển mình bò quanh, màu sắc biến chuyển luôn luôn khiến nhiều khi Trần Sinh hoa mắt tưởng chừng cả khu rừng đó lúc nhúc không biết cơ man nào là những con trăn nhỏ.

Con trăn bỗng quán đầu vào gốc cây cổ thụ. Nó uốn mình, cuộn khúc bắt đầu vật vã, khúc đuôi tung lên cao rồi đập xuống đất khiến cả một khoảng cành cây nhỏ quanh đấy rập nát toi bời.

Trần Sinh ngờ rằng con trăn muốn nhổ bật gốc cây cổ thụ đó lên.

Nhưng không ! Kia nó đã vươn lên. Thì ra nó lột xác. Sau một lúc vật vã vừa qua, xác khúc đầu của quán vào thân cây. Rồi đầu nó trườn đi, đồng thời khúc thân dẫn



ra, dẫn đến đâu là lột xác đến đấy. Tới khi khúc đuôi lướt khỏi gốc thì thân cây cũng vừa được quấn kín bởi xác cũ của nó.

Vô tình con trăn bò về phía Trần Sinh, dáng trể nải mệch nhọc khiến chàng tuy chưa nói mà đã líu lưỡi, tuy chưa chạy mà đã díu chân.

Con trăn càng tiến tới gần, tiến tới gần nữa. Trần Sinh nhìn rõ thấy mang nó đương bạnh ra. Đầu nó thốt nhiên to bằng chiếc chum, đôi mắt của nó lớn như hai quả trứng, màu đen lóng lánh, miệng nó há ra đỏ lòm, hàm răng trắng nhọn.

Lúc đó Trần Sinh mới thét lên được một tiếng rồi quay đầu vùng chạy, mồ hôi toát ra như tắm. Chạy được một quãng, chàng nghe có tiếng gọi phía sau : « Chờ thiếp với chàng ơi, thiếp đây mà, làm sao chàng sợ ? »

Trần Sinh quay lại thấy vợ mình, với vẻ đẹp kỳ ảo mượt mà đặc biệt của ngày mừng năm tháng năm, đương cố sức đuổi theo chàng.

Hình ảnh ghê gớm khủng khiếp vừa qua vẫn còn ngọt ngào trong trí, chàng thét lên :

- Con quỷ kia, mi hãy lập tức quay trở lại lùm cây sau mi. Ta không muốn trông thấy mi nữa.

Vợ chàng vừa lùi, vừa cất giọng thiết tha :

- Chàng ơi, thiếp xin vâng lệnh chàng, nhưng chàng đừng nói vậy tội nghiệp, thiếp đâu phải là loài quý.

Khi bóng nàng đã khuất sau lùm cây, chàng hét lớn :

- Ta cấm con quý kia không được theo chân ta về nữa. Mi không được theo chân ta về nữa nghe không ?

Tức thì tiếng nàng khóc nức nở vọng ra :

- Thiếp van chàng đừng nghĩ chuyện tuyệt tình. Thiếp đâu phải là loài quý chàng ơi !

Trần Sinh càng hét lớn :

- Con quý kia hãy câm miệng ! Ta cấm mi, ta cấm mi theo ta về đó !

Tới đây chàng còn nghe tiếng khóc ảo não của nàng sau lùm cây. Trần Sinh rẽ cành vạch lá đi như bay về. Tới gần nhà, chàng chợt dừng lại, tự nghĩ :

- Không, ta không thể về ngay được. Nhỡ con quý theo ta thì sao ?

Chàng bèn leo lên tận ngọn một cây cổ thụ cao ngất gần đây. Trên đó, chàng nhìn thấy rõ căn nhà tranh giữa cánh đồng xanh, bên dòng suối nhỏ với hàng cây lá bạc

hoa vàng, nơi chàng đã được sống qua mười năm hạnh phúc.

Chàng chưa kịp ôn lại một hình ảnh nào trong khoảng thời gian đó, có tiếng nói ngay sau lưng :

- Thiếp van chàng đừng nghĩ đến chuyện tuyệt tình. Thiếp đâu phải loài quỷ chàng ơi !

Trần Sinh quay ngoắt lại.

Vợ chàng đã đứng ở chạc cây sau.

Nàng vẫn đẹp dịu hiền chung thủy như từ xưa.

Chàng thấy lòng say sưa quen thuộc như được uống thứ mật hoa vừa lên men.

Nàng vẫn đẹp huyền ảo, long lanh, mơn mớn, vẻ đẹp đặc biệt của ngày mừng năm. Lại thêm vẻ ủ ê sâu nã khiến vẻ đẹp đó càng muôn phần quyến rũ như vẻ đẹp của một vị thần linh đi lang thang đến ngày tận thế, than khóc thành gió mưa cho những lầm lỗi của mình.

Thân dựa vào chạc cây, Trần Sinh ngồi gục mặt lên đầu gối trong khi tiếng nàng thoảng như gió, hay là nàng nhờ gió kể hộ, thủ thủ như tiếng suối róc rách, hay là nàng nhờ giòng suối trong kể hộ, thanh thanh như tiếng chim, hay là nàng nhờ chim rừng kể hộ, kể rằng :

- Thiếp van chàng đừng nghĩ đến chuyện tuyệt tình. Thiếp đâu phải là loài quỷ chàng ơi ! Xưa kia thiếp là một tiên nữ trên Thiên đình, thiếp được Ngọc Hoàng phán cử đứng quạt hầu khi Ngài ngồi họp với các thiên thần. Có một lần mãi vui chơi, thiếp cùng chị em hát múa suốt đêm không ngủ. Hôm sau đến buổi quạt hầu, khi Ngọc Hoàng thượng đế đứng dậy nâng chén bô đào ra lệnh bãi chầu, thiếp không biết đã phẩy quạt, hát chén lưu ly. Năm đó, dưới hạ giới vừa là năm Tỵ, chén ngọc rơi vỡ cũng đúng vào giờ Tỵ, Ngọc Hoàng quyết định đày thiếp làm kiếp rắn. Rủ lòng thương, Ngài cho thiếp làm MĂNG XÀ NỮ VƯƠNG. Rồi trước khi đi, Ngài lại mở lượng hải hà cho thiếp được hiện nguyên hình tiên nữ để gá nghĩa trăm năm cùng một người trần. Bởi thiếp là rắn thần nên lướt tới đâu ánh màu cây cỏ đến đó và người trần chỉ thấy được hắt thiếp đi. Sau hơn 300 năm sống kiếp rắn, thiếp đã gặp chàng đêm nào trước ngày chàng đi thi. Âu cũng là duyên trời ! Thiếp biết hai lần chàng đỗ đầu. Thiếp biết chàng là người con hiếu, bỏ công danh phú quý ở lại quê nhà chịu tang mẹ. Thiếp đã hiện nguyên hình tiên nữ nhưng trá làm người con gái nhà nghèo để gặp chàng. Đêm đó trời mưa lớn, rừng tối đen nên chàng thấy thiếp như mặc quần áo đen. Muốn dấu gốc tích thần tiên, mấy ngày sau thiếp xin chàng tắm lưa để màu sắc thiếp khỏi biến đổi với cỏ cây. Rồi thiếp đã là người vợ hiền của chàng trong mười

năm trường. Hằng năm, cứ đến ngày mừng năm tháng năm thiếp lại nói dối, xin phép chàng ra đi hái lộc rừng, rồi đến khu rừng kín lốt xác để giữ màu thanh lịch, giữ vẻ trẻ trung bên chàng mãi mãi. Nhưng cũng kể từ ngày cùng chàng chẵn gối thiếp đã thụ lãnh ở chàng phần hình hài. Mỗi khi hiện hình rấn, thiếp không còn thể tàng hình lẫn với cỏ cây được nữa mà chỉ phản chiếu lại đúng màu sắc cỏ cây, vì vậy chàng mới có thể nhận ra thiếp vừa rồi. Chàng ơi, thiếp có nguồn gốc thần tiên, bị đày làm MÃNG XÀ NỮ VƯƠNG, nhưng lòng thiếp có đâu như loài rắn rết ! Lúc thiếp lốt xác, chàng há có nhận thấy mùi hôi tanh nào ? Thiếp van chàng đừng nghĩ chuyện dứt tình, thiếp đâu phải loài quỷ chàng ơi ! Thiếp chỉ được quyền một lần chọn chồng. Là vợ chàng kiếp này; thiếp chỉ có thể là vợ chàng kiếp sau, cho đến ngày thiếp được trở lại Thiên đình, nhưng kiếp sau biết rằng chàng có gặp thiếp ?»

Tiếng gió như ngừng thổi dài, tiếng suối như ngừng róc rách, tiếng chim bỗng nín thính, nhưng âm hưởng lời nói của nàng tiên thất thế vẫn còn man mác ngập ngừng bên tai chàng.

Trần Sinh nước mắt đầm đìa quay lại nhìn vợ.

Nàng vẫn cứ đẹp dịu hiền chung thủy như từ xưa.

Nàng vẫn đẹp huyền ảo, long lanh mon mồn, vẻ đẹp

muôn phần quyền rũ, của riêng ngày mừng năm tháng năm, vẻ đẹp nảo nùng của một vị thần linh đi lang thang đến ngày tận thế, than khóc thành gió mưa cho những lỗi lầm của mình.

Nhưng khi nàng ngẩng nhìn lên, Trần Sinh bỗng rùng mình nhớ lại hình ảnh khủng khiếp vừa qua. Chàng úp vội mặt trong hai bàn tay; trong trí chàng, đôi mắt thăm thăm xa vời của nàng như biến thành đôi mắt lớn màu đen lóng lánh. Làn tóc mây, dòng suối huyền, xòa xuống cổ như biến thành mang rắn bạnh ra thành chiếc chum có vẩy lấp lánh. Miệng xinh chúm chím của nàng, hàm răng ngà ngọc của nàng như biến thành miệng đỏ lòm, răng nanh trắng nhọn.

Chàng hét lên một tiếng vô cùng đau thương :

- Em ơi, không thể được nữa rồi !

Chàng vùng dậy tung mình lên khoảng không, đồng thời với tiếng rú thê thảm của nàng tiên nữ thất thế.

Rơi xuống mặt đất, thân chàng chỉ còn là một đống nhão vụn, xương thịt lẫn lộn. Linh hồn Trần Sinh đi thẳng xuống âm phủ. Trước ngục môn, có vô vàn các linh hồn khác xếp thành hàng lần lượt đi vào. Mỗi linh hồn trước khi vào, được tên quỷ sứ gác cửa cho húp một bát cháo. Hỏi ra mới biết đó là CHÁO LÚ, ăn vào

linh hồn sẽ quên hết những việc xảy ra ở kiếp trước.

Đến lượt linh hồn Trần Sinh bước đến cửa.

Khi đã lĩnh bát cháo, lúc sắp bung lên miệng, chàng nghĩ thầm :

- Ta cần quên hết chuyện cũ, ta phải quên hết chuyện cũ. Nhưng cầu xin Thượng Đế cho kiếp sau lại được gặp MĂNG XÀ NỮ VƯƠNG !

## PHO TƯỢNG THẦN

**X**ưa, tại một động đá kia có một pho tượng thật kỳ lạ : pho tượng thần.

Động đá này trông ra một đại dương mênh mông. Gió tự ngoài khơi bốn mùa thổi vào động khiến bầu không khí nơi đây mùa hạ thì mát mẻ, mùa rét thì ấm áp. Động đá này khá sâu, càng đi ngoằn ngoèo vào phía trong, động càng mở rộng và không khí càng đượm vẻ thanh bình. Nhiều khi bên ngoài biển lộng sóng cao, phong ba quay cuồng gầm thét, mây trời rách nát lộng lộng chạm mặt nước, đại dương cuồng dại chuyển mình bốc lên thành núi cao, nhào xuống thành vực thẳm đen ngòm, ấy thế mà bước chân đến vào tới chốn sâu này của động : chao ôi là bình tĩnh và yên ổn ! Ngay cả tiếng gió thổi thốt ngoài cửa động, như tiếng những bóng ma chạy trốn, cũng không hề lọt vào tới đây. Lẽ ra thì ở chốn sâu này không thể có ánh sáng, mặc dầu tí trên đỉnh động có một lỗ hồng lộ thiên khá lớn. May sao giữa động có một cái bệ đá, giữa bệ có một pho tượng. Ánh sáng lọt từ trên đỉnh động chiếu thẳng lên pho tượng để tỏa thành một hào quang lộng lộng soi sáng khắp lòng động. Pho tượng bằng ngọc thì phải.

Kể từ thuở xa xưa, thuở còn bờ sôi ruộng mật, thuở muôn thú cỏ cây còn nói tiếng người, thì pho tượng đó nhỏ lắm, nhỏ có thể cầm gọn lên, để vào giữa lòng bàn



tay. Tới khi loài người sinh sôi nảy nở ngày một lúc nhúc, cõi trần biến thành thiếu thốn, rồi từ thiếu thốn thành bất công, từ bất công đưa đến những tội ác kinh tởm, thì đã có nhiều kẻ manh tâm muốn ăn cắp pho tượng ngọc đó đi, nhưng khi nhấc pho tượng ngọc đó ra khỏi bệ đá, ánh sáng mắt chỗ nương tựa, cả lòng động trở thành tối như bưng, phương hướng đảo lộn, chẳng còn có thể tìm thấy lối ra, và cả lòng động bỗng mất hết sinh thú. Chính vì vậy pho tượng được trả nguyên chỗ cũ và về sau này không còn kẻ nào nghĩ đến chuyện đánh cắp nó đi nữa.

Tới một ngày kia, có một Phú Ông từ phương xa đến. Phú Ông bước vào động, thấy không khí thần tiên quá đổi, bèn nảy ý chiếm động làm của riêng.

Phú Ông bạc nhiều, ruộng lắm, kẻ hầu người hạ thiếu gì. Phú Ông có một vợ cả và rất nhiều nàng hầu. Cả sông thì đông chợ, lắm vợ thì nhiều con, cảnh đề huề của Phú Ông, không một người phàm trần nào là không thèm muốn khát khao. Có lẽ vì vậy Phú Ông có một nụ cười sao phè phỡn. Vì là một người thế lực nhất vùng nên khi Phú Ông đến chiếm động đó không gặp một phản ứng nào cả. Phú Ông dùng động làm nơi nghỉ mát để di dưỡng tinh thần sau những vụ mùa khó nhọc, phải trông nom ruộng nương, đốc thúc nông phu cày bừa, gặt hái.

Có một điều làm Phú Ông khó chịu lắm, ấy là pho tượng ngọc.

Pho tượng ngọc tuy bé nhưng nét chạm trở cực kỳ tinh tế. Ấu đó cũng là một kỳ công của Tạo Hóa ! Pho tượng có nét mặt thật thanh tú : trán cao, đường mi cong, sống mũi thẳng, đôi má vừa vặn không hóp một cách khắc khổ, không phình phính một cách thô kệch. Những nét đó tuy có khác với Phú Ông nhưng không làm cho Phú Ông méch lòng... Điều đã khiến Phú Ông bực dọc, chính là nụ cười phảng phất trên miệng pho tượng ngọc. Nụ cười khoan dung lại như cao kỳ. (Phải công nhận rằng nét mặt không quan hệ bằng nụ cười, vì chính nụ cười mang đến linh hồn cho nét mặt.) Thế thì làm sao mà nụ cười trên miệng pho tượng kia lại chẳng làm méch lòng ông ? Giời cho Phú Ông hưởng lộc đầy đủ nên hễ Phú Ông hơi mở miệng cười là cả một sự thỏa thuê tràn ngập trên khuôn mặt phì nộn. Trong khi đó, nụ cười đạm bạc của pho tượng sao đượm vẻ khinh nhờn, ngạo nghễ. Khinh nhờn ngạo nghễ với cuộc đời cho Phú Ông được hưởng, khinh nhờn, ngạo nghễ với chính Phú Ông nữa.

Nhiều lần đến nghỉ mát, Phú Ông quyết không nhìn pho tượng, nhưng càng không nhìn nụ cười bí ẩn cao kỳ đó càng ám ảnh dữ, nhiều khi như hiển hiện ra trước mắt. Có một lần cáu tiết, Phú Ông dẫn cho pho tượng

nằm ngửa xuống bệ, nhưng pho tượng đứng liền trên một khối tròn lại tự động nhòem dậy về vị trí cũ sau một hồi lắc lư. Chính trong lúc pho tượng lắc lư, nụ cười phảng phất trên môi càng linh động, do đó càng muôn phần ngạo nghễ và càng làm Phú Ông giận đến sôi máu. Có một ngày kia, Phú Ông nghiêng răng, giơ bàn tay chuôi mấn nắm gọn lấy khuôn mặt pho tượng những muốn bóp vụn pho tượng thành cám. Tình cờ Phú Ông nhận thấy ánh sáng trong động vẫn y nguyên. Thì ra hề còn ở nguyên vị trí cũ trên bệ thì dù bị che khuất bởi bất cứ cái gì pho tượng vẫn phản chiếu ánh mặt trời để soi sáng cho động như thường.

Nảy ra một ý kiến tự cho là kỳ diệu, Phú Ông trở về quê hương, tìm ra sông Hoàng Hà lọc ở chỗ đất sông mới bồi lấy một chút thạch cao thật tốt mang tới động. Rồi Phú Ông cặm cụi suốt trong mấy ngày đắp thạch cao lên pho tượng y hệt theo hình cũ, duy khuôn mặt và nụ cười, Phú Ông quyết tạc theo khuôn mặt, nụ cười của mình.

Sau mấy ngày cần cù, Phú Ông đã thành công. Pho tượng vì vậy có lớn hơn một chút. Ánh sáng vẫn được tỏa đều trong động, càng ngắm pho tượng, Phú Ông càng đắc chí cười hê hê. Khuôn mặt sao mà giống Phú Ông thế. Cũng đôi má phình phính, cái mũi bè bè, và nụ cười, nhất là nụ cười, như bông hoa xòe nở ở một độ

mãn khai nhất.

Ánh sáng pho tượng ngọc vẫn ngày đêm bốc ra, như tỏa thành hơi nóng. Chừng nửa tháng sau, một sự chuyển biến vô cùng kỳ dị đập vào mắt Phú Ông. Pho tượng vẫn lớn như lúc Phú Ông vừa đắp lại, hình dáng vẫn thế nhưng lớp thạch cao phủ ngoài như bị ánh sáng của ngọc tỏa ra, quện lấy để giờ đây cũng biến thành ngọc. Điều đáng buồn cho Phú Ông là khuôn mặt và nụ cười của pho tượng lại hiện ra như cũ. Đôi má không còn phình phính mà thon lại, mũi không còn bè bè mà trở nên cao và gọn, rồi đến nụ cười, ôi nụ cười ngạo nghệ - lại phảng phất xuất hiện trên đôi môi đầy tinh thần.

Lập tức Phú Ông trở lại sông Hoàng Hà, chọn lấy một thứ thạch cao tốt hơn nữa, đem về động. Phú Ông hì hục đắp lại pho tượng một lần nữa theo đúng khuôn mặt, nụ cười của mình. Pho tượng lớn lên gấp bội. Thực ra điều đáng buồn cho Phú Ông, vì nửa tháng sau, ánh sáng nung nấu của pho tượng ngọc lại quện lấy lần thạch cao ở ngoài, biến nó thành ngọc và cũng đồng thời khuôn mặt thực của pho tượng lộ ra với nụ cười ngạo nghệ ngày càng rõ rệt. Phú Ông vò đầu, bứt tai, nghiến răng ấn mạnh pho tượng cho đổ xuống. Phú Ông thấy chối tay và pho tượng chỉ hơi rung chuyển : pho tượng đã lớn, đã nặng hơn trước nhiều !

Đúng vào đạo ấy, có một tên lái buôn từ phương xa qua vùng quê hương của Phú Ông. Tên lái buôn nhận thấy nơi đó màu mỡ, phì nhiêu bèn nảy đã tâm tìm mưu đoạt lấy. Hắn bèn tung tiền mua chuộc các tá điền, các nông phu. Chẳng bao lâu, những người này tham lợi, bỏ dần Phú Ông để đi theo hầu hạ tên lái buôn. Còn những kẻ vì lẽ này hay lẽ khác ở lại với chủ cũ thì họ làm việc quá trễ nải, quá chênh mảng. Cuối năm đó, Phú Ông hoàn toàn bị phá sản, tất cả gia cơ điền sản lần lượt rơi vào tay tên lái buôn đúng như mưu kế nó trù tính trước. Chiếm xong nhà cửa của Phú Ông, nó bèn tới chiếm nốt động đá. Các gia nhân cũ của Phú Ông kể lại cho nghe về chuyện lạ của pho tượng. Bán tín, bán nghi, nó bèn theo phương pháp ở xứ nó, chế ra một thứ bột rất lạ, đem nhào với nước thì quánh lại như keo. Nó dùng chất keo đó trát trùm lên pho tượng. Khi trát tới khuôn mặt, nó cũng cố nặn một pho tượng cho có khuôn mặt xương xương, cho có mũi cao và nhọn, cho có nụ cười kiêu hãnh giống hệt nó. (Âu cũng là khuynh hướng « tự kỷ trung tâm » thường tình của con người, muốn cái gì cũng quy về mình, giống như mình.)

Nửa tháng sau, tên lái buôn quay lại động thì đã thấy lần keo ngoài hóa thành ngọc, khuôn mặt của pho tượng không còn xương xương, xảo quyết mà trở lại đầy đặn như cũ. Cái mũi không còn cao và nhọn hoắt mà trở lại thành dọc dừa như cũ, nụ cười kiêu hãnh thiên cận mắt

đi nhường chỗ cho nụ cười cũ, tuy đượm vẻ ngạo nghệ, nhưng thanh lịch hồn nhiên.

Tên lái buôn vốn nay đây mai đó nên không lấy thể làm bực mình cho lắm, tuy nhiên, có lẽ vì lòng tự ái cố hữu của con người, mỗi khi lui về động nghỉ ngơi dăm bữa nửa tháng, nó lại đi chế bột hòa keo trát lại pho tượng. Trong thâm tâm, nó cho đó chẳng qua cũng là một trò tiêu khiển. Đến khi lượt keo biến hóa thì nó đã dời động đi làm một chuyến buôn khác nơi xa rồi.

Pho tượng mấy lần được trát keo như vậy, lại có dịp cao lớn thêm lên bội phần.

Đúng vào rạo đó, chợt có một tên lạ mặt hết sức dị tướng, không biết tự nơi đâu mò tới quanh vùng này.

Khô người hăn to lớn và thô kệch ngoài sức tưởng tượng của con người. Cổ thì rụt khiến đầu hăn như đặt ngay trên vai. Hăn béo đến nỗi trông xa tưởng như hăn có tới ba cái cằm, cái nào cũng nung núc những thịt. Má hăn như hai tảng thịt lớn xệ xuống. Khuôn mặt hăn ở dưới tuy bạnh ra như vậy mà lên tới trán thì thu hẹp hăn và khi lên tới đỉnh đầu thì trở nên nhọn hoắt. Trông mặt hăn thực quái đản như một cái thủ lợn mà người hàng thịt đã phanh rộng ra để sửa soạn đem luộc. Đôi mắt hăn đỏ ngầu những tia máu, nhưng hăn luôn luôn làm bộ suy nghĩ nên ít người nhận thấy điều đó. Bụng hăn

càng là một sự lạ khủng khiếp, nó phồng về phía trước, nó phệ về phía dưới, nó to đến nỗi khi hấn đứng dậy đi, người ta không còn ngạc nhiên về bụng của hấn nữa mà ngạc nhiên về tại sao đôi chân hấn lẻo khoẻo như vậy lại có thể mang nổi được cái bụng vĩ đại đến thế. Nguyên hấn là một tên phù thủy mới ở trên núi xuống. Bao nhiêu phép lạ của hấn chính ở cái bụng to lớn quá khổ đó.

Mắt hấn lúc nào cũng lim dim như trên đã nói, dáng hấn đi bao giờ cũng lừ đừ. Thoạt tiên ai cũng kinh tởm ghê hãi vì cái khổ người thô kệch, quái đản của hấn, nhưng về sau thấy vẻ hấn trề nải lừ đừ người ta đâm coi thường, nhiều khi quên hấn có hấn. Biết bao người đã sa vào một tình cảnh thảm thương nói ra đến đau lòng, mũi lệ vì sự coi thường chênh mảng đó.

Nguyên do như sau : tên phù thủy chứa trong bụng ba thứ thuốc mê, thuốc độc và dao găm. Mắt hấn tuy lim dim như không nhìn thấy ai, dáng tuy lừ đừ như con thuyền không lái bập bênh theo gió, nhưng hấn đã ở sát người nào mà người đó không biết thì nhanh như chớp, hấn ôm người đó quay sang một phía khuất, rồi cúi xuống hôn. Trong khi hấn hôn như vậy là hấn đã nôn ra từ trong bụng một chất thuốc mê khiến nạn nhân lập tức trở thành mất trí, rồi chẳng bao lâu bỏ cửa bỏ nhà bỏ cha bỏ mẹ ra đi theo sát hấn như bóng với hình,

trung thành với hấn như một con chó khôn với chủ. Khi mọi người khám phá ra sự thật đó thì xung quanh hấn đã có bao nhiêu nạn nhân mất trí, quay quẩn xung quanh hấn thành một đạo quân cảm tử, có thể nói vững chắc hơn thành sắt tường đồng. Từ đó, hễ hấn tới đâu mọi người đành lảng xa đi nơi khác ngay tức khắc. Tuy nhiên, thỉnh thoảng lại có một nạn nhân đáng trí bị hấn chộp được. Có những kẻ cố sức vùng vẫy quyết không để cho hấn làm nhục, hấn bèn nôn ra hơi độc khiến nạn nhân thấy choáng váng mắt mờ, tai điếc, chân tay tê liệt. Có những người can trường hơn, đã đến nước thế rồi mà vẫn còn ra sức kháng cự, hấn bèn vận dụng hết gân sức cánh tay ghì nạn nhân thật chặt rồi phun ra một lưỡi dao găm xuyên thấu tim đối thủ. Thường thì khi hấn buông ra, chao ôi, vì bị ép quá mạnh, xương sườn nạn nhân đã gãy, con ngươi lòi khỏi hố mắt và lưỡi thè ra ngoài như một người bị thắt cổ chết đã mấy ngày. Lúc đó mọi người mới biết tên phù thủy kia thực là một hung thần nguy hiểm đến ghê rợn. Ai nấy đi đâu cũng lăm lăm cầm dao găm để rui có bị hấn ôm bắt chột thì thúc mũi dao vào phanh bụng hấn ra. Từ đây số nạn nhân rất hiếm. Thấy vậy, tên phù thủy bèn mang cả đoàn bộ hạ sang vùng khác. Hấn đã tới vùng sông Hoàng Hà, nơi ruộng đất xưa kia của Phú Ông mà hiện nay thuộc quyền sở hữu của tên lái buôn.



Tên lái buôn vì mãi bày mưu lập mẹo để độc quyền thu lợi vùng này, nên không biết gì về tin tức quái của tên phù thủy.

Đặt chân tới vùng này, tên phù thủy tìm một khu rừng vắng, dấu tạm lũ bộ hạ cho đỡ huyên náo, rồi lừ đừ đi xem xét quanh miền. Đúng lúc đó tên lái buôn dời khỏi động đá, sửa soạn ra đi. Thoáng thấy bóng người lạ mặt, tên lái buôn vội lùi về một gốc cây. Linh tính như báo cho nó biết tên dị tướng kia đến sẽ là tai họa lớn cho nó, cũng như nó đã là tai họa lớn cho Phú Ông trước đây.

Ngồi sát gốc cây rồi tên lái buôn trừng trừng theo rõi từng bước của đôi thủ. Tên phù thủy vẫn lừ đừ thơ thẩn phía xa như con diều hâu lơ đãng lượn vòng trên không một ngày đẹp trời. Tên lái buôn chợt cảm thấy mệt mỏi, nó dựa lưng vào gốc cây cố dước mắt lên mà đôi mi vẫn nặng nề sụp xuống.

Nó đứng dậy định trở về động đá, chợt một cánh tay sắt choàng lấy ngang nó. Biết phút hiểm nghèo đã tới, nó đem hết sức bình sinh vùng mạnh một cái. Nhưng than ôi, cánh tay kia bỗng như một khối thép đổ xuống, đồng thời một tia gió lạnh vụt thấu suốt tim : tên phù thủy, không hiểu sao nhất đán đã dùng ngay phương pháp thứ ba, phun dao găm hạ thủ nó.

Mấy ngày sau, tất cả bộ hạ của tên lái buôn (những tá điền, nông phu cũ của Phú Ông) đều bị thuốc mê của tên phù thủy nguy hiểm. Tên phù thủy không quên đến chiếm động đá. Hắn quyết thắp pho tượng thần; quyết dùng ánh sáng pho tượng làm rạng rỡ hình ảnh của hắn. Hắn tự biết có thừa sức tạo ra rừng để che lấp một cây cỏ thụ cô độc. Hắn sẽ cho đắp chòm lên pho tượng ngọc một pho tượng thật vĩ đại của chính hắn bằng một thứ phún xuất thạch đặc biệt. Đầu pho tượng sẽ chạm nóc động.

Cả khối phún xuất thạch nặng nề như vậy - hắn tự nghĩ - đè lên, hỏi với một trọng lượng nhỏ nhoi cũ, pho tượng ngọc đủ sao nhiệt lượng để tác động ngược lại ?

Bộ hạ của hắn khi đó đã có hàng ngàn tên đủ cả nam phụ lão ấu. Nếu quan sát kỹ đoàn bộ hạ đó, ai cũng phải nhận thấy một điều lạ là mặc dầu tuổi tác khác nhau, nam nữ khác nhau mà họ đều giống hệt nhau về tính tình, về vẻ mặt, vì nạn nhân nào cũng vậy, khi đã bị tên phù thủy bất ngờ chộp được phun thuốc mê vào mũi rồi thì thoát tiên thần thờ mắt trí trong mấy ngày. Sau đó nạn nhân chột hăng hái chửi bố mẹ, chửi vợ, chửi chồng tùy theo trường hợp nạn nhân là đàn ông hay đàn bà, đã có vợ hay chồng chưa. Rồi khi đã bỏ nhà ra đi theo tên phù thủy, nạn nhân lại tự nguyện rửa mình. Đó là đã đến lúc tha hồ cho tên phù thủy sai phái, bảo sống

thì sống, bảo chết thì chết. Cha mẹ họ, vợ con họ, chồng con họ tới nơi chỉ thấy một lũ người lồng lộn nhảy lên như chơi chơi hết chửi cha, chửi mẹ lại tự chửi mình. Người nào cũng giống người nào, không sao mà nhận ra được. Cảnh tượng vừa bỉ ổi vừa đau lòng ! Đêm đến, tên phù thủy cho các bộ hạ tới những nghĩa trang san phẳng các mồ mả để lấy chỗ nhảy múa và ca hát những điệu ca man rợ nghe rợn tóc gáy.

Tại phía tây động Tượng Thần có một trái núi lửa. Tên phù thủy biết rằng, tại những khoảng núi mới phun, nếu đào sâu xuống hai mươi thước sẽ lấy được một thứ phún xuất thạch màu đỏ như máu và quý ở chỗ, lúc mới lấy lên thì dẻo như kẹo, nhưng ít lâu sau trở thành rắn như đá. Tên phù thủy quyết định dùng thứ phún xuất thạch đó thay vào những thứ thạch cao tầm thường, để đắp tượng thần. Hẳn là pho tượng đó càng trở nên muôn phần tráng lệ bởi thứ ánh sáng lồng lộn của pho tượng ngọc từ bên trong tỏa ra. Hẳn cho gọi một tên họa sĩ bộ hạ tới vẽ hình hẳn trên một tấm vải lớn. Tấm hình đó được mang vào động để mấy tên bộ hạ điêu khắc gia trông vào đó mà nặn tượng. Sau đó hẳn tổ chức một cái cầu người nối liền hỏa diệm sơn phương Tây với động Tượng Thần phương Đông.

Thế là công việc lớn bắt đầu. Đoàn người vừa chửi cha mẹ, vừa tự chửi mình vừa nỗ lực thay phiên nhau đào đất, xúc phún xuất thạch, rồi chuyền tay nhau, chuyền rất mau lẹ đến động Tượng Thần cho mấy điều khắc gia. Tên phù thủy đi đi lại lại bên ngoài vừa kiểm soát, vừa khuyến khích. Họ làm việc cho tới khuya và trước khi đi ngủ họ vỗ tay đều làm nhịp, đồng ca một bài do mấy tên thi sĩ bộ hạ mới làm ra :

Chúng ta sẽ thắng pho tượng nhỏ bé miền Đông Đê  
dựng lên pho tượng của chủ soái.

Ôi vùng trán Ngài mênh mông.

Ôi nụ cười Ngài khoan khoái.

Chúng ta sẽ thắng pho tượng nhỏ bé miền Đông.

Trong suốt một ngày vừa làm việc, vừa chửi rửa, chỉ có mấy phút đó những nạn nhân kia được ôn lại một vài lời văn hoa của nhân loại.

Một thời gian qua, pho tượng hoàn thành.

Tên phù thủy đến tận nơi xem, đẹp lòng khôn xiết. Pho tượng giống hấn như đúc. Cũng hai bên cổ và má bạnh ra mà hấn cho là biểu hiện sự phồn thịnh. Cũng cái trán vút lên và đỉnh đầu nhọn hoắt mà hấn cho là biểu hiện sự đa mưu túc trí. Cũng đôi mắt lim dim mà hấn cho là biểu hiện sự bình thản vô tư. Cũng cái bụng

phệ xuống phía dưới, phình ra phía trước mà hấn cho là biểu hiện lòng cương nghị. Pho tượng đỏ như máu, lớn chật động. Đầu pho tượng sát đỉnh ánh sáng.

Tất cả bộ hạ hấn, kể cả những điêu khắc gia, những thi sĩ, những họa sĩ, lúc đó đã xong việc cả bèn ra san phẳng một vùng nghĩa địa mênh mông gần đấy, làm chỗ nhảy múa cho nhiều đêm vui tung bùng liên tiếp.

Trong suốt những đêm vui đó, tất cả đều vỗ tay ca vang lên rằng :

Chúng ta sẽ thắng pho tượng nhỏ bé miền Đông Đê dựng lên pho tượng của chủ soái.

Ôi vùng trán Ngài mênh mông.

Ôi nụ cười Ngài khoan khoái.

Chúng ta sẽ thắng pho tượng nhỏ bé miền Đông.

Lũ bộ hạ càng hát càng hăng khiến chính tên phù thủy cũng thấy say mê. Sau một đêm nhảy múa, sáng hôm sau chúng nối đuôi vào động đi quanh pho tượng, mặt ngừng lên chiêm ngưỡng.

Dạ hội kéo dài tới đêm thứ mười lăm tức là đêm vui cuối cùng. Sớm hôm đó, lũ bộ hạ theo như thường lệ, kẻ trước người sau nối nhau vào động để chiêm ngưỡng « Pho tượng chủ soái ». Tên phù thủy đứng ngay ngoài cửa động lim dim nhìn họ bằng con mắt bao dung như

tên chẵn cừ nhìn đàn súc vật ngoan ngoãn của mình vào chuồng. Chợt bên trong có tiếng kêu rú khủng khiếp. Hấn vội chạy bổ vào.

Thực là một cảnh kỳ lạ đến không biết xếp vào loại nào trên trần gian. Kỳ lạ ở chỗ vừa rùng rợn, vừa hài hước, vừa đẹp uy nghi. Cả đoàn bộ hạ của tên phù thủy vây xung quanh pho tượng, chân tay như co rúm, mắt trợn ngược, miệng há hốc, ngừng nhìn lên cao.

Chúng bị phép lạ nào hành hạ ? Không, đó là chúng biểu lộ lòng căn hờn. Pho tượng khổng lồ không còn là « Pho tượng chủ soái » nữa. Bụng pho tượng đã thon đi. Cổ pho tượng trở lại tròn, khuôn mặt pho tượng trở lại thanh nhã, và nụ cười, ôi nụ cười bất diệt lại xuất hiện ngạo nghễ hơn bao giờ hết. Vì pho tượng được đắp cao sát đỉnh động nên nụ cười của pho tượng như tỏa ánh sáng chan hòa xuống ngập động. Bất giác tên phù thủy cũng gằm lên một tiếng rùng rợn nghe nửa như tiếng người, nửa như tiếng thú. Ở miệng hấn ộc ra cùng một lúc vừa thuốc mê vừa thuốc độc và mấy lưỡi dao sắc nhọn hình lá lúa. Nhưng hơi thuốc độc và thuốc mê tức khắc bốc lên đỉnh động rồi thoát ra ngoài, mấy lưỡi dao găm rơi xuống đất, một lưỡi cắm vào chân tên phù thủy khiến máu hấn chảy loang ra. Hấn lại gằm lên một tiếng nữa, lần này thỏ ra ít huyết. Hấn ra lệnh cho đoàn bộ hạ lập tức ra ngoài động. Rồi cả tụi chúng nó đi biệt tích

khởi vùng, dưới ánh nắng bắt đầu gay gắt của một ngày đầu hạ.

Ít lâu sau người ta được biết nốt đoạn kết số phận chúng như sau :

Kể từ ngày tên phù thủy bị hộc máu ở động Tượng Thần, sinh lực hẳn yếu đi nhiều lắm. Do đó hẳn không điều khiển được bộ hạ dễ dàng như cũ. Mấy tên thi sĩ nạn nhân bỗng trở lại vẻ dụi dàng, tình cảm chúng muốn lại sâu xa thâm thía. Mấy tên điêu khắc gia cũng giữ vẻ trầm mặc và đắm chiêu nhìn lên khoảng trời thăm thẳm như muốn tìm những vẻ đẹp vô hình. Đi dưới trời nắng chang chang, họ bỗng thèm bóng mát. Vừa lúc đó, tên phù thủy dẫn họ đi ngang qua một khu rừng. Mấy tên thi sĩ vừa hướng đoàn người đi thẳng vào rừng, vừa hét lớn :

- Bóng mát ! Bóng mát ! Ôi sao chúng ta thèm bóng mát !

Cho rằng như vậy là oai danh mình bị xúc phạm, tên phù thủy gầm lên, ra lệnh đoàn người dừng lại. Nhưng đã quá muộn ! Lời thét vừa qua của mấy tên thi sĩ đã hầu như đánh thức được lòng thèm khát bóng mát của cả bầy bộ hạ sau bao ngày đi rạc cẳng dưới nắng hè gay gắt. Mấy tên thi sĩ cùng điêu khắc gia chạy ù vào rừng. Tên phù thủy xông lên, phang dao găm hạ thủ họ. Cả

đám đông bỗng xao xuyến và nổi lòng công phẫn. Rồi không ai bảo ai, họ cùng vào quyết sống mái với tên mà trước đây họ suy tôn là chủ soái. Tên phù thủy vội vàng phun thuốc mê, phun thuốc độc, phun dao găm. Tuy hấn cũng có giết được một số lớn nạn nhân, nhưng vì số bộ hạ thâm nạp từ xưa quá đông, bây giờ họ lại cùng nổi loạn một lúc nên hấn không sao diệt kịp. Hấn bị họ đánh ngã, rồi bị giày xéo lên khiến sọ đập nát như như trứng chim rơi và bụng rách nát, ruột gan lòi ra trông thực muôn phần ghê tởm.

Lũ người sống sót tỉnh dần, tìm đường trở về quê hương, còn các xác nạn nhân, qua một đêm bị những con chó sói ở trên núi xuống tha đi mất.

Trở lại truyện động Tượng Thần.

Giờ đây pho tượng lớn quá, gằn chặt cả động, nên không kẻ nào nghĩ đến việc chiếm động làm của riêng nữa. Duy có một điều mà người ta còn thắc mắc : không hiểu thứ ngọc của pho tượng là ngọc gì mà lại có sức nung nấu mạnh đến biến chất được cả những thứ thạch cao cùng phún xuất thạch đắp phủ bên ngoài !

Nhìn hỏi pho tượng thì pho tượng vẫn giữ nụ cười bất biến. Chỉ có hỏi Trời, mà Trời thì chưa có ai gặp cả.



Và cũng kể từ đây, người ta thăm động với tinh thần mến nơi danh lam thắng cảnh của đất trời, người ta chiêm ngưỡng pho tượng với tinh thần thẩm mỹ vô tư.

Thực là kỳ lạ ! Vì cũng kể từ đây, nụ cười của pho tượng đượm vẻ hiền hòa, chan chứa tình an ủi và hậu như mất hết vẻ ngạo nghễ cũ. Đó là tại lòng người chiêm ngưỡng trong sạch hay tại pho tượng thân đã hết ưu tư ?

Có lẽ tại cả hai.

## TRUYỆN CON TINH ĐỜI TRẦN PHÉ ĐẾ

Dưới đời Trần Phế Đế, quân Chiêm Thành biết nước Nam suy nhược cứ sang cướp phá luôn. Năm Canh Thân (1380) lại sang phá đất Nghệ An. Nơi đây có một gia đình họ Nguyễn gồm một mẹ già và bốn người con, ba trai một gái. Bốn anh em thờ mẹ chí hiếu, đặc biệt người em thứ ba có khuôn mặt đẹp và hiền; bà mẹ cùng hai anh thường âu yếm gọi « nụng » là chú Ba. Ông bố, nguyên là một viên dũng tướng, đã từng phò ba đời vua Trần Nghệ Tông, Trần Duệ Tông và Trần Phế Đế. Tháng 5 năm Mậu Ngọ (1378), khi quân Chiêm Thành tràn đến Nghệ An để rồi ngược đánh Thăng Long lần nữa, ông tử trận ở sông Đại Hoàng, xác cuốn theo dòng mát tích.

Lần này, thấy giặc Chiêm tràn đến, bốn anh em bèn bỏ nhà cửa đưa mẹ sang lánh nạn ở Ngu Giang, huyện Hoàng Hòa (Thanh Hóa). Mãi đến năm Nhâm Tuất (1382), khi tướng quân Nguyễn Đa Phương đã phá được quân Chiêm, đuổi chúng khỏi đất Nghệ An, gia đình họ Nguyễn mới trở về quê hương.

Nhà xưa vườn cũ bị quân giặc san thành bình địa, rêu phong, lau mọc, không còn nhận đâu với đâu nữa. Bốn anh em đành phạt bừa một khoảng cỏ lau, bụi rậm, rồi đắp nền dựng nhà rước mẹ về ở. Không ngờ dưới nền

nhà có một tảng đá trắng đã thành tinh. Chú Ba không may bị con tinh chọn làm nạn nhân trước nhất.

Khi bốn anh em đã dựng xong nhà, bèn chia nhau ra đồng vỡ ruộng để kịp làm mùa. Hôm đó người em thứ ba ham cấy cho xong thửa ruộng lớn nhất nên về tối. Khi qua quán đầu làng, chú thấy có bóng người ngồi trong. Chú Ba ghé vào, thấy một tráng sĩ mặc áo lam, đầu chít khăn võ biên màu xanh nhạt, ngang lưng đeo thanh bảo kiếm, dáng điệu uy nghi. Chú Ba toan rút lui, cho đấy là một anh hùng hảo hán, trên đường giang hồ chợt dừng bước giây lát. Nhưng tráng sĩ đã đứng dậy niềm nở cúi đầu thi lễ và hỏi han nhiều câu tỏ ra am hiểu vùng này nhiều lắm. Rồi tráng sĩ rút ở chỗ giây lưng ra một hồ rượu nhỏ, nói :

- Đây là thứ rượu bò đào cất rất công phu và để đã lâu năm, xin quý huynh cùng tôi tợp vài hớp.

Đoạn mở nút. Mùi rượu bốc lên ngào ngạt. Ý hẳn thấy vẻ người em còn bỡ ngỡ, tráng sĩ ngửa cổ, nghiêng bầu uống luôn mấy hớp, mắt bỗng sáng lên, vẻ mặt hồng hào trông thấy. Lần này lại trao bầu rượu cho chú Ba lời nói nồng nàn hơn :

- Xin quý huynh cùng tôi uống thử một hớp. Rượu thiết quý ! Thiết quý !

Chú Ba mạnh dạn giơ tay đỡ lấy và cũng ngửa cổ nghiêng bầu uống một hớp. Thoạt tiên, rượu trôi qua cửa họng như một dòng lửa cháy bỏng, sau đó toàn thân nóng ran, đầu óc bùng bùng. Khi chú Ba cáo biệt tráng sĩ, vác cây ra về, thấy bước đi nhẹ lâng lâng như bay trên mây thì tự lấy làm khoái chí mà không biết rằng tráng sĩ đó chính là con tinh hiện hình và hồ rượu kia là đầu lâu của một người chết trôi, bên trong óc rữa thành nước. Về đến nhà, chú Ba nói « thiên hô bát sát » không chịu ăn cơm. Hai anh cho rằng chú Ba vì làm cố nên bị cảm nắng. Bà mẹ khuyên chú Ba đi ngủ sớm và sai cô gái út đi nấu cháo cho anh. Khi cô này mang cháo lên, thì thấy buồng trống không, bèn hô hoán lên rồi cùng hai anh chia nhau mỗi người mỗi ngã đi tìm. Suốt đêm không tìm thấy ! Bà mẹ òa khóc, tin rằng con mình trong cơn mê sáng hẳn bị trâm hà nơi sông sâu nào rồi. Hôm sau khi mặt trời lên đến ngọn tre thì có tin hai người anh đã tìm thấy chú Ba nằm sấp, mê man bất tỉnh trong một bụi duối um tùm đầy gai sắc ngoài nghĩa địa. Khi hai anh khiêng được chú về, cả nhà tíu tít mài thuốc đổ vào miệng rồi hú hồn, gọi tên mà chú vẫn bất tỉnh, ngực chỉ còn thoi thóp. Ai cũng cảm bằng chú Ba chết ! Mãi đến chiều chợt thấy chú vươn vai rồi ngáp. Trong khi vươn vai, trán chú từ từ nhả lại thành chữ « Vương » nét thật sâu, khuôn mặt như méo xệch, đôi

khác đi rất nhiều, phải chú ý lắm mới thấy một vài nét hao hao giống khuôn mặt ngày xưa.

Nguyên do từ sau khi uống rượu ma, chú Ba khoái chí thấy người như được đi lơ lửng trên chín tầng mây. Chú nể lời mẹ vào nằm; nhưng rồi nhân lúc cả nhà không ai để ý, bèn lén ra ngoài, chân bước thênh thang, chẳng mấy lúc đến quán đầu làng, thấy tráng sĩ áo lam vẫn còn ngồi đó. Cả hai cùng niềm nở chúc nhau tưởng như đã là đôi bạn kỳ cựu lắm.

Con tinh bịa ra một câu chuyện : « Chẳng nói đâu gì quý huynh, nguyên trước đây đệ có cùng quý huynh giữ chức trực lại ở cửa Tử Đông, ngày giúp đức Đế quân xét giấy tờ, đêm cùng đức Đế quân vào châu Thượng đế. Có một hôm, quý huynh vì quá chén bỏ đào nên quên buổi phải đi hầu linh giá, đức Đế quân bèn tâu việc đó lên Thượng đế, đức Ngọc Hoàng nổi giận, phán đây quý huynh xuống gia đình họ Nguyễn nghèo nàn này. Đệ đây thực không phải người trần. Vì nhớ quý huynh nên hôm nay đệ xuống đón gặp để được cùng quý huynh say chén rượu xưa. »

Chú Ba nghe nói mà nở lòng, nở ruột. Thì ra chú đã từng làm quan trên thiên đình ! Chú hỏi bạn đồng liêu cũ liệu có thể đưa mình lên thăm thiên cung được chăng?

Con tinh nói :

- Lên thiên cung là một việc rất khó, nhờ Ngọc Hoàng biết, đệ có thể bị biến xuống địa ngục. Chi bằng mời quý huynh lên thăm tộ xá, cũng là một cảnh bồng lai, bốn mùa xuân bất tận, khả dĩ quý huynh có thể thỏa chí được vậy.

Đoạn cả hai cùng khoác tay nhau đi, nói cười, cười nói muôn phần tâm đắc, đến bụi cây kia thì dừng lại. Con tinh vẫy tay một cái, tức thì trên cao một con quạ đen cực lớn, vuốt dài, mỏ nhọn, thoạt trông thấy, chú Ba rùn người, ngã khụy xuống rồi mê đi. Chú thấy như có người nhắc bổng mình lên, rồi tiếng « ông bạn đồng liêu » cười ha hả :

- Xin quý huynh bình tâm, đức Đế quân được Ngọc Hoàng ban cho bạch hạc, còn chức trực lại được ban con thần ô này. Hồi nào tại chức, quý huynh cũng có một con như thế đó. Nào, xin mời quý huynh lên...

Chú Ba được con tinh vực lên lưng con quạ trước, rồi nó lên sau. Con chim quái dị nhún mình vỗ cánh, phút chốc cả hai cùng biến lẫn vào mây mờ. Chú Ba không ngờ xác chú đã gục ngất trong bụi dưới tha ma và giờ đây chỉ là linh hồn chú ngồi trên lưng con quạ theo con tinh lên cao.

Được một lát, con tinh vỗ vai chú Ba :

- Đã thấy tẻ xá rồi kia.

Con quạ bay miết về một tinh cầu có vẻ như lấp lánh nhưng không phải là ánh sáng thực. Càng tới gần, vẻ lấp lánh đó càng mờ đi rồi mất hẳn.

Con quạ hạ cánh xuống.

Đó là một mảnh đất mênh mông, lơ lửng giữa không trung. Ôi ! Quả là bồng lai tiên cảnh ! Ánh sáng mờ mờ huyền ảo, nhìn lên cao chỉ thấy một màu trắng đục, không mặt trời mà cũng không một vì sao. Không khí man mác và lặng ngắt.

« Thực khác xa cảnh trần tục ồn ào » - Chú Ba nghĩ thầm vậy.

Con tinh giơ tay về phía trước :

- Xin quý hữu theo tôi ngắm qua phong cảnh nơi đây.

Chú Ba đi theo, đưa mắt nhìn bốn bề. Xung quanh thắp thoáng như có bóng núi đồi.

Chú lẩm bẩm :

- Thiết tưởng đây thì kém gì thiên đường ! (Than ôi ! Thiên đường của loài đá trắng thành yêu tinh !) Giọng

con tinh niềm nở :

- Xin quý hữu theo đường này.

Đi sâu vào một chút, chú Ba nhận thấy hai bên đường là những cánh đồng hoa ngút ngàn. Trong cảnh yên lặng như tờ, không một mảy gió, những bông hoa xòe nở thành những nét bất biến.

Chú Ba hỏi :

- Tất cả những hoa đều mãn khai sao ?

Con tinh đáp :

- Muôn vạn loài hoa ở chôn này đều do đệ mang từ hạ giới lên. Tới đây, kể cả những nụ non nót nhất cũng mãn khai cả.

Chú Ba càng tấm tắc khen không ngớt miệng rồi lại đưa mắt nhìn những đồng cỏ xanh xanh làm nền cho muôn sắc hoa. Cũng vẫn trong cảnh yên lặng như tờ, không một mảy gió, bãi cỏ trông hết một tấm thảm mênh mông, bất động như vẽ trong tranh.

Con tinh nói :

- Thế giới này là của riêng đệ và cũng là của quý huynh, mong quý huynh cứ tùy tiện đi khắp hết nơi chốn. Đệ xin phép tạm biệt quý huynh vì đã đến giờ hầu



linh giá đức Đế quân lên châu Thượng đế.

Chú Ba vui vẻ đáp lễ « ông bạn đồng liêu ». Chờ ông bạn lên lưng thần ô vút mất hút trong màn mây mờ xong, chú mới quay lại tiếp tục cuộc du ngoạn.

Thương thay, chú Ba không biết rằng thế là linh hồn chú đã bị giam lỏng ở chốn tinh cầu giá lạnh này.

Thoạt tiên, chú tự thấy vinh hạnh được là quý khách chốn bồng lai. Chú tung tăng đi theo các ngã đường ngang dọc. Con đường nào cũng hai bên là đồng cỏ xanh bát ngát làm nền cho muôn màu sắc của muôn vàn loài hoa nở mãn khai.

Chừng một ngày qua đi rồi mà ánh sáng vẫn mờ mờ như lúc mới đến, không lúc nào sáng hơn hay tối hơn một chút. Phóng tầm mắt ngắm mãi cũng chán, chú Ba cúi xuống nhận xét kỹ từng bông. Chú thấy cùng một loài hoa mà có những bông thật lớn, bên những bông thật nhỏ xíu. Chú đùa rằng những bông nhỏ đó khi ở hạ giới hẳn là những nụ vừa nhú. Chú cúi xuống vuốt ve một bông, nhưng vừa khẽ động, cây hoa đã đổ xuống, những cánh hoa rời ra, những lá lìa khỏi cành tan tác. Chú thử một vài bông khác đều thấy thế cả. Thì ra tất cả muôn vàn loài hoa, với muôn vàn màu sắc khoe tươi đó chỉ là những cành hoa hết nhựa, không có rễ, cắm hờ xuống đất.

Chú cúi xuống nhặt cỏ, nhận thấy đây đó đều là những xác xanh rải lên thành thảm. Cỏ cũng không có rễ !

Chú tiến vào giữa bãi, tới một cây thông lớn, lấy tay khê ấn, tức thì cây đổ xuống như một xác chết đứng. Cây cũng không có rễ ! Lúc bấy giờ, chú mới thấy cái yên lặng nơi này là rùng rợn, cái ánh sáng lờ lờ nơi này là quái đản. Không một mảy gió. Than ôi ! Nơi chú tưởng là thiên đường chỉ là thế giới chết, thoạt trông tuy muôn màu mà kỳ thực các màu sắc đều ngưng đọng, cỏ, cây, hoa, lá đã khô xác tự bao giờ. Bác giác chú chạy như điên cuồng qua các cánh đồng, chạy đến đâu, xác cỏ bay, cây hoa đổ... cánh hoa rời... lá hoa rụng...tơi tơi đến đó. Chú lướt chạm phải cây cỏ thụ nào, cả thân cây lẫn chiêng.

Chú Ba đã mắc mưu con tinh rồi. Con tinh tạo ra thế giới này thực, nhưng nó là loài đá thì thế giới của nó làm sao mà có được sinh khí ? Nó phải tốn bao nhiêu công mới mang lên được đủ cây cối hoa cỏ để trang điểm cho thế giới này, nhưng cây cối hoa cỏ vào tay nó tới thế giới này, đều mất hết sinh khí, chỉ còn giữ nguyên được màu sắc giả dối bên ngoài.

Chú Ba kêu gào, chú gọi mẹ, chú gọi hai anh, chú gọi em gái... Tiếng của chú mất hút vào khoảng lờ lờ, không một tiếng vang đáp lại.

Trong khi đó, dưới hạ giới, con tinh đã nhập vào thể xác của chú. Chính là lúc cả nhà thấy chú vươn vai, khuôn mặt đổi khác và trán nhẵn thành hình chữ « Vương ». Bà mẹ thấy con đã tỉnh dậy, vui mừng chảy nước mắt. Hai anh yên lòng vác cuốc đi thăm đồng như cũ. Cô em út xuống bếp giết gà nấu cháo cho anh Ba.

Bà mẹ già hơi chột dạ thấy « thằng Ba » đi đi lại lại trong nhà vẻ kiêu hãnh lạ lùng. Có lần chú Ba vung tay làm đổ bình hương trên bàn thờ mà không thềm ngoài cổ lại. Lúc bà cụ ra đặt cho ngay ngắn bình hương, chú cũng không thềm để ý tới. Thỉnh thoảng chú có đưa mắt nhìn bà cụ nhưng vẻ lạnh lùng phát rợn tóc gáy.

Khi cô em út bung mâm cháo gà lên, cô thấy anh Ba nhìn mình với đôi mắt vô cùng bỉ ổi. Bỗng giác cô giật tím người, đặt mạnh mâm cháo gà xuống, rồi quay ngoắt đi thẳng xuống bếp. Đến chiều sẩm, khi hai người anh về, thấy chú Ba đã lên giường nằm thì bảo nhau rén bước đi êm, cho là em còn mệt.

Bà mẹ lo lắng, cô em hờn giận, nhưng không ai hé răng tỏ lộ một lời nên hai người anh vẫn chưa biết gì và hôm sau cả hai đã lại vác cuốc ra đồng từ tinh sương.

Mãi tới ba ngày sau hai anh mới nhận thấy thái độ lạnh lùng khác thường của chú Ba.

Người anh cả nói :

- Này chú Ba, con trai họ Nguyễn thì phải tươi tỉnh và hay làm chứ. Hôm nay chú ra đồng với chúng tôi đi, chẳng mấy mà ngày mùa tới rồi.

Chú Ba lạnh lùng nói :

- Tôi không phải họ Nguyễn, tôi họ Hồ.

Hai người anh cười ồ, cho rằng em sau cơn ốm mắt trí. Duy cô em gái không cười. Vẻ lo âu càng hiện lên nét mặt bà mẹ. Hôm sau cụ ốm. Tuổi già sức yếu nên bệnh tình sớm trở nên trầm trọng.

Chú Ba rút ở thắt lưng ra một bầu rượu - lúc đó hai người anh mới biết là chú Ba vẫn giắt một bầu rượu ở ngang lưng - rồi vừa mở nút vừa nói với bà mẹ :

- Xin mẹ uống ngay hớp rượu này, đây là thứ rượu bò đào rất quý, uống vào là bách bệnh tiêu tán.

Bà mẹ ngần ngại nhưng cười hiền hòa để làm vui lòng con. Chú Ba cố ép. Sau cùng cụ ngửa cổ, nghiêng bầu, uống một hớp. Đôi mắt cụ sáng lên, da mặt căng hồng. Rồi cụ đứng nhồm dậy đi lại như thường. Cả nhà reo mừng. Một lát sau tiếng cụ cười ròn khanh khách như tiếng ma quái, rồi cụ nói huyền thuyên toàn những chuyện đường âm. Hai người anh cuống quýt cùng bỏ

đi hai thôn xa để tìm hai thầy lang về xem bệnh lại. Cô em gái lần xuống bếp, chợt cô nghe tiếng mẹ gầm thét rung chuyển cả nhà. Cô chạy vội lên vừa kịp thấy mẹ ôm bụng ngã xấp xuống. Hình như ruột cụ bị rượu ma đốt đứt làm đôi. Cụ ộc huyết rồi gục đầu vào vũng máu đỏ tát thờ. Cô gái vừa khóc mẹ nỉ non vừa tìm cách vực thi hài mẹ lên giường. Cô cảm thấy lạnh lạnh ở sau gáy. Cô quay lại. Ông anh Ba quý hóa đã đứng sau lưng, mắt đục ngầu đục vọng. Cô đứng phắt dậy toan chạy trốn, nhưng đã bị « anh Ba » giơ hai bàn tay sắt nắm lấy cả vai. Cô cự quật, cô vùng vẫy nhưng không lại được với sức anh Ba. Cô la hét vang trời nhưng các thôn xóm ở xa, ai mà nghe thấy ?

Tiếng cô gầm lên :

- Con trai họ Nguyễn không loạn luân thế !

Tiếng chú Ba cũng gầm lên át hẳn tiếng cô :

- Ta không phải họ Nguyễn, ta họ Hồ !

Tiếng cô gái đáng thương trở nên nghẹn ngào, sặc sụa... Một lát sau cô vùng chạy xuống bếp...

Khi hai người anh đón được hai ông lang về thì một cảnh tượng vô cùng bi thảm hiện ra trước mắt. Bà mẹ đã chết cứng, gục mặt vào vũng máu đông màu tím đen. Giường phản đều bị xiêu đổ, các đồ thờ văng ra mỗi nơi

một chiếc, bát hương bị đập vỡ, bài vị bị dẫm nát.

Gọi chú Ba, chú Ba đi đâu mất. Gọi cô em út cũng chẳng thấy cô em thưa. Khi hai anh xuống bếp thì, đầu lòng chưa, cô em gái đã treo cổ trên xà nhà.

Mẹ chết ! Em chết ! Đến khi khâm liệm, người anh cả nhận thấy hạ thể em nhầy nhụa, lúc đó mới biết em bị hiếp.

Hai người anh cũng muốn tìm chú Ba để xem kẻ hung bạo nào đã đột nhập vào nhà. Người anh cả nghĩ đến lời nói kỳ dị « Tôi không phải họ Nguyễn, tôi họ Hồ » của chú Ba mà bán tín bán nghi. Sau cùng cả hai anh em cùng đồng ý cho rằng : trong khi hai người đi đón thầy lang, có một tên hung bạo đột nhập vào nhà hiếp em gái. Chú Ba chắc nổi xung vào đầu đả với kẻ địch, nhưng vừa ốm khỏi, sức yếu nên bị nó hạ cho chết giặc rồi bắt cóc đi.

Khi chôn cất mẹ và em xong, hai anh bỏ cả công việc đồng áng, ra sức đi tìm cứu chú Ba. Sau bao ngày nhọc lòng tìm kiếm vẫn không thấy tăm hơi chú Ba đâu cả, hai người đành trở về vùi đầu vào công việc cũ để quên nỗi sầu muộn gia đình.

Có một buổi sớm kia, người anh cả dậy từ mờ mờ, vác cuốc ra thăm đồng liền. Khi qua một hốc cây đầu

làng thấy có con mèo chữa đang vun ổ đẻ. Chạnh lòng nhớ đến mẹ già xưa, nhớ đến em gái thác oan và em trai mất tích, người anh cả nghĩ rằng, tình cảnh đó muôn vật đều cảm thông, bèn đi vợ những rơm và cỏ khô ở dọc đường gần đây vát vào cho con vật. Trời đã cuối xuân mà còn lạnh ngọt. Mỗi lần người anh vợ được một nắm cỏ mới mang lại đã thấy nắm cũ được trải ra rất gọn và con mèo chữa kêu lên mấy tiếng như tỏ ý cảm ơn. Vừa vợ tới nắm cỏ cuối cùng, người anh thấy một ông cụ già từ xa lại. Ông cụ nhìn anh chăm chú. Anh làm như không để ý, ném nắm cỏ vào cho mèo rồi vác cuốc toan đi thẳng.

Ông cụ lên tiếng :

- Tôi trông bác rõ ra là người phúc hậu, nhưng muốn chừng gặp cảnh gia biến thì phải ?

Người anh cung kính đáp lễ rồi kể lại gia cảnh.

Ông cụ chăm chú nghe, gật gù nói :

- Nếu vậy có khi em giai bác bị họa lai thân ám và trong gia đình bác có yêu ma tác họa. Bác hãy đưa lão ra xem mộ ông cụ thân sinh. Lão vừa nhận thấy một ngôi đất rất quý ở đằng kia, dám chắc mộ đặt đúng huyết thì chỉ nửa tháng là phát vượng khí, hồn thiên của ông cụ sẽ về trừ tà ma và phù hộ cho những người còn sống.

Người anh cả buồn rầu đáp :

- Cháu quên không thưa với cụ là cha cháu đã phò ba đời vua nhà Trần, rồi bị tử trận ở sông Đại Hoàng năm năm trước đây, chẳng hiểu xác trôi dạt nơi đâu.

Mắt ông cụ sáng lên :

- Có phải vị võ tướng đã chống nhau với quân Chiêm trên sông Đại Hoàng tháng 5 năm Mậu Ngọ ?

Người anh cả gật đầu lia lịa :

- Thưa cụ chính thế, chính thế !

Ông cụ nắm vội lấy tay anh :

- Thật là ông giỏi run rủi cho bác được gặp lão.

Nguyên sau cái ngày tháng 5 năm Mậu Ngọ, quân Chiêm ngược dòng sông lên chiếm đóng Thăng Long thì dân làng lão thấy có một xác người trôi dạt vào bến. Khi vớt lên, căn cứ vào bộ giáp trụ và những vết thương mà đoán rằng đây là một võ tướng nhà tử trận. Dân làng nhớ ơn bèn an táng, xây phần mộ và lập đền thờ ngay bên sông. Bác hãy theo lão, chỉ ba ngày đường là tới nơi.

Người anh cả cảm động rung rung nước mắt, mời ông cụ về qua nhà, giao mọi công việc cho em rồi theo



ông cụ ra đi tức khắc. Khi về, anh thuê riêng một chiếc thuyền để chở linh cữu cha.

Chọn được ngày lành, tháng tốt, giờ linh, ông cụ địa lý phân địa bàn, đặt huyệt táng cho vị võ tướng trung thần họ Nguyễn.

Xong việc, ông cụ từ tạ đi ngay, mặc cho cả hai anh em cố vật nài lưu lại làm sao cũng không được.

Trước khi đi, ông cụ nói với người anh cả :

- Bác có phúc lớn nên lòng gười run rủi cho gặp lão mà rước được linh cữu cha về. Nay mộ đã đặt vào thế đất « lưỡng long tranh châu » chỉ nửa tháng nữa vượng khí sẽ đem phúc lành về cho anh em bác.

Đoạn ông cụ ra đi thẳng. Hai anh em phục xuống, vừa khóc, vừa lạy cho đến khi bóng người khuất sau rặng tre...

Công việc đồng áng lại tiếp tục như xưa.

Mười lăm ngày qua...

Đêm hôm đó, một đêm trung tuần tiết đầu hạ, trăng vừa nhô khỏi ngọn tre, chiếu sáng vắng vặc.

Cuối trời Tây lấp lánh vài vì sao tuyệt đẹp. Hai anh em vừa ăn cơm tối xong, chợt có tiếng gầm thê thảm

ngoài ngõ :

- Lạy hai anh, em là con giai họ Nguyễn, em không phải họ Hồ.

Hai anh em cùng reo vui :

- A ! Chú Ba đã về.

Rồi chạy ra cổng. Quả nhiên thấy em nằm phục trước bụi tre, hai anh vội khiêng vào nhà đốt đèn lên thì người em vừa tắt thở. Tuy nhiên khuôn mặt chú Ba không còn hốc hác, trán không nhăn chử « Vương », mà rõ ràng trở lại hiền hậu như xưa. Khóc thương suốt đêm rồi hai anh cũng không biết làm gì hơn là khâm liệm em chu đáo để đưa đi chôn vào ngay buổi trưa. Khi lấp đất xong lại văng vẳng nghe như tự chốn xa xăm có tiếng van nài thâm của chú Ba. Bất giác, cả hai anh em môi cùng mím chặt mà nước mắt ròng ròng.

Vào khoảng nửa đêm, người anh cả đang mơ màng chợt nghe có tiếng chú Ba nói :

- Lạy anh tha lỗi cho em, em là con giai họ Nguyễn, em không phải họ Hồ.

Người anh ngồi nhòm dậy, rồi như theo tiếng gọi của linh tính, vác cuốc rảo cặng ra mộ chú Ba.

Trời vẫn vụ mây đen, nên tuy trăng ở ngay đầu mà ánh sáng vô cùng hiu hắt.

Tới mà em, rõ ràng người anh nghe có tiếng rên la ở dưới bốc lên :

- Lạy anh tha lỗi cho em, em là con giai họ Nguyễn, em không phải họ Hồ.

Lập tức người anh cuốc đất lên, bật nắp áo quan, ôm vội chú Ba ra. Mây vừa tan, trăng lại sáng, khuôn mặt hồn hậu của chú Ba sao đượm vẻ sầu hận ! Chỉ nhìn khuôn mặt không thì tưởng chú Ba còn sống và đương qua một giấc mộng hãi hùng, nhưng chân tay thân thể chú vẫn cứng nhắc. Người anh cả đành đau đớn đặt em xuống, đẩy lại nắp áo quan, rồi hì hục lấp đất. Khuôn mặt hồn hậu của người em xấu số vẫn như hiển hiện dưới tầng đất. Khi nắm mồ đã cao như cũ, anh nằm phục xuống khóc nức nở.

Chợt như có tiếng sóng vỗ đâu đây. Anh nhòm dậy, thấy mình đương đứng trên một bãi cát. Biển mênh mông hiện lên trong một bầu ánh sáng mơ hồ. Từng đợt sóng lớn xô vào bờ mang theo những luồng ánh sáng lân tinh. Phương Đông rạng dần... Trăng hạ tuần từ từ nhô khỏi mặt biển, ử rữ rùng rợn như một đầu quái vật méo mó. Cả mặt biển hiện thành cảnh hoang tàn từa tựa thưở khai thiên lập địa với sự tàn phá của hỏa diệm

sơn. Các lớp sóng vẫn tuần tự xô vào bờ, tiếng đều đều. Trong khoảng vàng úa rộng lớn đó, bóng những đợt sóng nhấp nhô hiện thành hàng hà sa số những điểm đen như những đầu người đang cố bơi ngang.

Người anh cả nghĩ thầm, có lẽ đây là bể trầm luân, và các chúng sinh kia đang cố bơi vào bến Giác. Chợt trong số đó có một đầu nhô lên thật, rồi cả người. Người đó như đi trên nước tiến về bãi cát. Bỗng người anh cả chạy vội kêu lên :

- Chú Ba !

Chú Ba tóc xõa, nét mặt u sầu chạy lại, rồi phục xuống bãi cát nức nở :

- Lạy anh tha lỗi cho em, em là con giai họ Nguyễn, em không phải họ Hồ.

Anh Cả cúi xuống nâng em lên. Chú Ba gục vào vai anh thổn thức.

Tiếng chú nói mơ hồ :

- Em đã mắc mưu con tinh đá trắng, hồn em bị giam lỏng trên một tinh cầu chết, xác em bị nó mượn để đầu độc mẹ già, hãm hiếp em gái. Nay nhờ có cha đến cứu, đuổi con tinh, cướp lại thể xác, nhưng em còn mặt mũi nào nhập vào cái xác ô uế đã mắc những tội tà đình

đầu độc mẹ già, hãm hiếp em gái như thế nữa. Em cúi lạy xin cha đừng về báo mộng cho các anh biết đầu đuôi câu chuyện, em cúi lạy xin cha cho phép em được mãi mãi theo hầu cha; nhưng cha bảo : hoặc em phải tiếp tục sống mà ăn năn phút làm lỗi đã uống rượu độc để rồi hôn mê theo yêu tinh, hoặc em phải xuống địa ngục chịu hình phạt đoid chậu máu để chuộc tội, chứ chưa thể theo cha được. Em đã chọn đường xuống địa ngục, nhưng trước khi đi em thấy cần phải bộc lộ hết sự tình để anh rõ. Thừa anh, trong thời gian em đền tội ở địa ngục, cỏ không mọc được ở mộ em.

Người anh cả ôn tồn nói :

- Nếu vậy thì em hãy thật lòng ăn năn tội lỗi, chắc chắn hồn thiên của cha sẽ tìm cách cứu vớt em. Em đừng về mộ khóc lóc nỉ non nữa mà mang tiếng với làng nước là gia đình chúng ta có thần nanh mổ đỏ trong nhà.

Chú Ba đáp :

- Em nguyện tuân lời dạy bảo của anh.

Rồi thụp xuống lạy :

- Anh tha lỗi cho em, em là con giai họ Nguyễn, em không phải họ Hồ.

Rút lời, chú Ba khóc thét lên, người anh cả giật mình choàng dậy. Thì ra, sau khi đắp mả lại, vì quá thương em, anh đã khóc trên nấm đất rồi ngất lịm đi và mơ thấy mình đứng trước biển cả gặp em. Tiếng khóc thét sau cùng của chú Ba chính là tiếng sét. Khi đó mây đen đương ùn ùn tụ chân trời Tây kéo lại, sấm chớp nổi âm âm, gió lạnh ngắt, mưa ụp xuống như thác. Cả vũ trụ thoát biến thành biển nước trắng xóa.

Có tiếng gọi. Biết là chú Hai đi tìm mình, người anh cả cao giọng đáp lại. Người em tiến tới dìu anh. Khi hai anh em về tới gần cổng, chợt một tia chớp sáng lóe ngay trước mặt, tiếp theo một tiếng sét cực lớn như xé trời làm rung chuyển cả một vùng. Cả hai chạy vội vào nhà thì thấy một viên đá trắng bị tiếng sét vừa rồi đánh bật lên ở đúng gian giữa. Viên đá trắng này có hình chữ « Vương » hằn đen trên một mặt phẳng. Người anh Cả hiểu hết câu chuyện. Hôm sau anh đục phiến đá thành hình con chó đầu có chữ « Vương » rồi đặt nó ra cổng ngõ, phát lời nguyện rằng : « Khi ở dưới đất, mày là con tinh tác hại gia đình tao, nay giữa thanh thiên bạch nhật mày là con chó đá canh cửa cho gia đình tao !»

Mùa xuân năm sau, tức là năm Quý Hợi (1383), khi chiến thuyền của Lê Quý Ly đi đánh Chiêm Thành, qua cửa bể Nghệ An có ghé lại ít lâu, chiêu tập con cháu các vị trung thần nghĩa sĩ để huấn luyện thành hàng tiêu

tướng. Người anh cả gia đình họ Nguyễn có mặt trong đám người thân nạp này.

Trước khi đi, anh dặn chú Hai rằng :

- Anh đi chuyến này để đền nợ nước, báo thù nhà, bao giờ nhiệm vụ xong xuôi, anh sẽ trở về cày ruộng cùng em.

Sau đó lại ra thăm mộ chú Ba. Người anh bao dung độ lượng đó đã khóc thở không được. Mộ người em vẫn chưa mọc cỏ. Mào đất vẫn bạc phếch, khô cằn.

Nghे nói : trải bao trận vào sinh ra tử, người anh lên dần tới hàng đại tướng, năm Canh Ngọ (1390) có cùng với Trần Khát Trân đánh tan quân Chiêm và lấy được đầu Chế Bồng Nga trong trận thủy chiến ở sông Hải Triều.

Tới khi tướng Chiêm Thành là La Khải đem xác Chế Bồng Nga hỏa táng và hai người con Chế Bồng Nga phải sang hàng nước Nam thì người anh cả xin vua cho trở về quê.

Lúc đó hai anh em cùng lập gia thất để lại xum họp như xưa.

Ngoài cổng con chó đá có đầu chữ « Vương » hãy còn và sang mùa xuân năm sau - Ôi, hân hoan biết mấy, lòng người anh cả - mộ chú Ba đã xanh um những cỏ. Đó là năm Tân Mùi (1391), đời Trần Thuận Tông, niên hiệu Quang Thái thứ Tư.



## THAY LỜI BẠT

### NHIP BA

Tặng DOÃN QUỐC SỸ

*ngực anh thủng lỗ đạn tròn  
lưỡi lê thấu phổi  
tim còn nhẩy đập  
nhịp ba nhịp ba nhịp ba  
tình yêu tự do mãi mãi  
anh về ngã xuống vườn nhà  
cây liền kết trái  
hoa rụng rơi rơi ủ xác  
anh chạy nhịp hai qua cách trở  
mắt bừng  
thống nhất tự do  
ngoài xa thành phố  
bánh xe lăn nhịp ba  
áo màu xanh hơn hờ  
nhát búa gõ  
lòng máy quay  
cửa nhà thi nhau lớn  
nhịp ba nhịp ba nhịp ba  
tình yêu tự do mãi mãi  
sông bồi phù sa  
ruộng lúa trở hoa*

*núi cao uốn cây rừng  
nhịp ba nhịp ba nhịp ba  
tình yêu tự do mãi mãi  
đất nước ào ào vỗ nhịp  
triều biển chập chùng  
Hà Nội Huế Sài Gòn  
ôm nhau nức nở  
có người cầm súng bắn vào đầu  
đạn nổ nhịp ba  
không chết  
anh ngồi nhóm dây  
khỏe mạnh lạ thường  
bước ai thánh thót  
nhịp ba  
tình yêu  
tự do  
mãi mãi  
tình yêu tự do mãi mãi  
tình yêu tự do  
mãi mãi anh ơi*

THANH TÂM TUYỀN

## TIỂU SỬ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng : « Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp. » Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu

Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào

năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là « Thất Tinh ». Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn Miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển ĐI được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

## **TÁC PHẨM**

**SỢ LỬA** (Truyện cổ tích, 1956)

**U HOÀI** (Truyện ngắn, 1957)

**GÁNH XIẾC** (Truyện ngắn, 1958)

**GÌN VÀNG GIỮ NGỌC** (Truyện ngắn, 1959)

**DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH** (Truyện dài, 1959)

**KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT** (1959)

**KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRÚ** (1959)

**KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH**  
(1959)

**KHẢO LUẬN VỀ TẢN ĐÀ** (1960)

**KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN** (1960)

**KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG** (1960)

**TỰ LỰC VĂN ĐOÀN** (Khảo luận, 1960)

**HỒ THUYỀN DƯƠNG** (Truyện cổ tích, 1960)

**BA SINH HƯƠNG LỬA** (Khu Rừng Lau I, 1962)

**NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VĨ TUYẾN** (Khu Rừng  
Lau II, 1964)

**TÌNH YÊU THÁNH HÓA** (Khu Rừng Lau III, 1965)

**NHỮNG NGẢ SÔNG** (Khu Rừng Lau IV, 1966)

**TRÁI CÂY ĐAU KHỔ** (Kịch, 1963)

**KHẢO LUẬN VỀ NGŨ PHÁP VIỆT NAM** (1964)

**NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU** (Khảo luận, 1965)

**CÁNH TAY NỔI DÀI** (Truyện ngắn, 1966)

**ĐÓT BIÊN GIỚI** (Truyện dài, 1966)

CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)

TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)

THẦN THOẠI ÁN ĐỘ (Biên khảo, 1969)

NGỤ NGÔN (Biên khảo, 1969)

VÀO THIỀN (Tùy bút, 1970)

SÀU MÂY (Truyện dài, 1970)

CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)

TRÁI ĐẰNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)

CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)

THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG,  
HY LẠP, BẮC ÂU (Biên khảo, 1972)

THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên  
khảo, 1972)

VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)

CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG (Truyện dịch, The Last  
Unicorn của Peter S. Beagle, 1973) ĐI (Truyện dài,  
1982)

... Doãn Quốc Sỹ xứng đáng được đa số anh em trọng nể về tư cách đạo đức, tính nhân hậu và nhất là hào khí Kê Sĩ trong trại tù. Có lập trường quốc gia dân tộc thể hiện rõ nét qua các nhân vật trong các tiểu thuyết của ông, cũng như khi ông ở trong các trại cải tạo.

Trong những tác phẩm văn chương của ông, Doãn Quốc Sỹ như chúng ta thường thấy hầu hết các nhân vật đều là những người rất hiền lành, bao dung, yêu người yêu đời, không hận thù và tin tưởng cái thiện bao giờ cũng thuận lòng trời và đạt thành viên mãn.

...

Những tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ dường như có chung một mẫu số là văn chương dùng để tải đạo và làm cuộc sống con người tươi đẹp hơn. Có rất nhiều nhận xét về ông như là một nhà văn có chân tài, một nhà giáo tận tụy, một Kê Sĩ khí tiết. Có một văn hữu quá cố đã viết: *"Sống ở một thời đại mà ngôn ngữ lạm phát thê thảm, biết bao con người trở thành hời hợt, trâng tráo... Doãn Quốc Sỹ ăn ở thanh bạch trong tình yêu quê hương, gia đình, bằng hữu mà không mấy may e dè ngại ngùng, thiếu nghĩ ông thật đáng yêu ở chỗ đó..."*

...

Trích "Nghĩ Về Doãn Quốc Sỹ"  
MAI THẢO (tháng Bảy, 1997)

